

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP TP. HỒ CHÍ MINH  
KHOA MAY THỜI TRANG

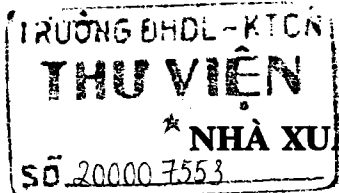
----- & -----

- TS. VÕ PHƯỚC TẤN (hiệu đính)
- KS. PHẠM NHẤT CHI MAI

Trang phục -- Thiết kế

GIÁO TRÌNH MÔN HỌC

# THIẾT KẾ TRANG PHỤC 1



Mã số :  $\frac{33 - 335}{TK 2005}$  356-54-2005

## LỜI NÓI ĐẦU

**THIẾT KẾ TRANG PHỤC 1** trình bày những kiến thức cơ bản về thiết kế rập mẫu trang phục bao gồm: phương pháp xây dựng lượng cử động của trang phục, thiết kế các loại quần đơn giản, đồ bộ nữ, áo somi bé trai, somi bé gái và áo đầm trẻ em.

Giáo trình này được biên soạn nhằm mục đích phục vụ công tác giảng dạy, học tập cho sinh viên hệ Đại học, Cao đẳng và là tài liệu tham khảo có giá trị cho các cán bộ kỹ thuật ngành may, các nhà thiết kế chuyên nghiệp.

Đây là một tài liệu có chất lượng và giá trị về mặt kiến thức được trình bày rõ ràng, kèm theo những hình ảnh minh họa về lý thuyết và những chỉ dẫn cần thiết giúp cho sinh viên nắm vững được nguyên tắc thiết kế các mẫu trang phục căn bản, biết thiết kế dựng các bộ phận chủ yếu theo tỉ lệ trên cơ sở của số đo cơ thể con người.

Khoa May - Thời Trang chân thành cảm ơn Bộ Môn Dệt May Trường Đại Học Bách Khoa Thành Phố Hồ Chí Minh, Khoa Nữ Công Trường Đại Học Sư Phạm Kỹ Thuật Thủ Đức, các Doanh Nghiệp thuộc Tổng Công Ty Dệt May Việt Nam (Vinatex) đã tạo

điều kiện và giúp đỡ cho tác giả hoàn thành công tác biên soạn giáo trình này.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về địa chỉ:

Bộ Môn Thiết Kế Trang Phục

Khoa May Thời Trang

Trường Đại Học Công Nghiệp TP.HCM

Số 12 Nguyễn Văn Bảo - F4- Q. Gò Vấp –

TP. Hồ Chí Minh

Tel 8940390 – 195

*TP.HCM, ngày 25 tháng 10 năm 2005*

Trưởng Khoa May Thời Trang

**TS. VÕ PHƯỚC TẤN**

## Chương 1

# NGUYÊN LÝ THIẾT KẾ TRANG PHỤC

### Bài 1.1: KHÁI NIỆM CHUNG VỀ TRANG PHỤC

#### I. TRANG PHỤC: MỘT CÁI NHÌN KHÁI QUÁT

❖ Mặc là nhu cầu không thể thiếu trong đời sống loài người. Nhu cầu này ngày càng được đòi hỏi ở mức cao hơn, bởi một lẽ đơn giản nó không chỉ che chắn, mà còn làm đẹp cho con người. Các cụ thường nói: “*Người đẹp vì lụa, lúa tốt vì phân, chân tốt vì hài, tai tốt về hoa*”. Và:

*Cau già khéo bổ thì non*

*Nạ dòng trang điểm lại giòn hơn xưa*

❖ Thậm chí “hiệu quả” đạt được có khi còn bất ngờ hơn:

*Gà già khéo ướp lại tơ*

*Nạ dòng trang điểm, gái tơ mất chồng*

❖ Trang phục là một trong những nhu cầu không thể thiếu của con người. Nó là tập hợp các vật phẩm nhằm bảo vệ con người khỏi ảnh hưởng của môi trường, khí hậu và tô điểm làm đẹp cho con người.

❖ Trang phục được phân chia theo các dấu hiệu: nguyên vật liệu, giới tính và tuổi tác, theo mùa

và theo công dụng. Hiện nay hơn bao giờ hết dấu ấn thời gian, mốt....làm trang phục “bùng nổ” về kiểu cách, màu và vật liệu sử dụng.

## II. TRANG PHỤC LÀ GÌ ?

❖ Về đại thể trang phục gồm có :

- Quần áo
- Nón , mũ , khăn...
- Giày , dép, guốc...
- Găng, tất
- Thắt lưng, túi xách, ví tay...
- Đồ trang sức

❖ Trong số các trang phục kể trên quan trọng nhất là quần áo, quần áo là thuật ngữ để chỉ các sản phẩm dệt được cắt may thành những vật che cơ thể con người.

❖ Áo là những sản phẩm để che phần cơ thể, từ vai trở xuống, tùy theo mức độ mà có thuật ngữ áo dài, áo lửng hay áo ngắn.

❖ Quần là những sản phẩm để che phần dưới cơ thể từ bụng trở xuống và có hai ống che chi dưới

❖ Váy là những sản phẩm che phần dưới cơ thể từ bụng trở xuống và may liền không chi thành hai ống như quần

❖ Ngoài ra còn có những loại váy liền áo được gọi là đầm

❖ Một trường hợp đặc biệt gọi là Comlê, tên gọi Comlê bắt nguồn từ tiếng Pháp Complet có nghĩa là “đầy đủ, đủ bộ”. Ví dụ áo vest với quần âu, áo vest, quần âu và áo gilê, áo vest và váy. Ngày nay đối tượng mặc Comlê có thể nói là tất cả, người ta đã tạo ra những kiểu Comlê cho nam giới, nữ giới và trẻ em và không dùng lẫn được. Tuy nhiên, thông thường người ta chỉ mặc Comlê khi thể hiện sự trang trọng trong nghi lễ ngoại giao, khi dự lễ hội...

❖ Một trường hợp đặt biệt khác của trang phục là bộ đồ. “Bộ đồ” là khái niệm chỉ một tập hợp thống nhất của các sản phẩm mặc, không nhất thiết phải đầy đủ các loại, nhưng cùng có một ý nghĩa sử dụng nào đó. Ví dụ bộ đồ tắm của phụ nữ theo một hiện nay thường có: quần tắm, áo tắm (bộ Mikini), áo khoác ngoài, mũ; Bộ đồ tắm cho nam giới thường có: quần tắm, mũ (có thể thêm khăn choàng), bộ đồ mặc nhà, bộ đồ chơi thể thao...

❖ Quần áo có nhiều loại đa dạng và phong phú. Để dễ khái quát có thể phân biệt

### **1. Quần áo theo giới tính và lứa tuổi :**

- Quần áo nam
- Quần áo nữ
- Quần áo trẻ em

❖ Quần áo nam, nữ được chia thành quần áo cho thanh niên, quần áo cho người đứng tuổi và quần áo cho người già

❖ Quần áo cho trẻ em cũng được chia theo từng đối tượng như: tuổi nhà trẻ, tuổi mẫu giáo, tuổi học sinh phổ thông cơ sở, tuổi học sinh phổ thông trung học

❖ Sở dĩ quần áo được phân chia theo các đối tượng trên vì mỗi nhóm người có những đặc điểm về tỉ lệ cơ thể tâm sinh lý khác nhau

## **2. Quần áo theo mùa khí hậu :**

- Do mỗi mùa có những đặc điểm riêng về khí hậu, nên quần áo phải thích hợp với mỗi mùa khí hậu trong năm. Có thể chia ra: quần áo mùa hè

- Quần áo mùa đông

- Quần áo mùa xuân và mùa thu

- Việc chọn quần áo cho phù hợp với khí hậu, thời tiết không những tạo cảm giác dễ chịu thoải mái mà còn chứng tỏ người mặc biết bảo vệ sức khỏe, có văn hoá và lịch sự

## **3. Quần áo theo ý nghĩa sử dụng :**

- Quần áo mặc lót: Những thứ mặc sát cơ thể, chúng thường được may từ các loại vải mềm mại, có độ co giãn cao để luôn luôn bó sát cơ thể trong khi vẫn đảm bảo thoáng, vệ sinh



- Quần áo mặc thường: những thứ mặc ngoài như quần tây, áo sơmi, quần soóc...

- Quần áo mặc ngoài: những thứ khoác ngoài quần áo mặc thường như: áo vest, áo khoát...

#### **4. Quần áo theo chức năng xã hội :**

- Quần áo mặc thường ngày; bao gồm phần lớn tủ quần áo của mỗi người. Chúng được dùng thường xuyên trong sinh hoạt, lao động và học tập hằng ngày. Kiểu cách, vật liệu và màu sắc của quần áo mặc thường ngày phụ thuộc vào điều kiện sống của từng vùng (thành thị hay nông thôn...), đặc điểm nghề nghiệp (giáo viên, học sinh, công nhân, viên chức...) và nguồn thu nhập của mỗi người.

- Quần áo mặc trong dịp lễ hội, tiệc tùng... So với quần áo mặc thường ngày, loại quần áo này thường được may từ vật liệu đẹp hơn, màu sắc tươi sáng hơn hoặc sang trọng hơn. Kết cấu với các kiểu quần áo lễ hội thường có các trang phục phụ kèm theo như: găng tay, túi xách, ví, đồ trang sức ... Nam giới thường hay thắt cà vạt hoặc đính nơ trên cổ áo...

- Quần áo lao động thường là bảo hộ lao động cho công nhân hoặc các loại quần áo riêng cho từng ngành nghề. Ví dụ: áo blouse trắng, xanh cho nhân viên y tế hoặc phòng thí nghiệm, bộ váy áo có thêm đồ trang sức đơn giản dành cho nhân viên chiêu đãi hàng không, du lịch ...

- Quần áo đồng phục kiểu thống nhất bắt buộc cho mọi thành viên của một tập thể nhất định không trực tiếp lao động sản xuất như: đồng phục quân nhân, đồng phục của học sinh...

- Quần áo thể dục thể thao: tùy thuộc vào môn thể thao mà chọn kiểu quần áo thích hợp

- Quần áo trong biểu diễn nghệ thuật: là các loại quần áo đặc biệt dành cho các nghệ sĩ, ca sĩ, diễn viên xiếc... và các kiểu quần áo dành cho đồng đảo quần chúng dùng trong các hội quá trang, vũ hội...

- Các cách phân loại trên đây cho thấy 2 chức năng chủ yếu của quần áo là mang giá trị sử dụng và giá trị thẩm mỹ. Giá trị sử dụng, chức năng bảo vệ cơ thể vốn là bản chất tự nhiên của quần áo thì đã rõ. Vấn đề là ở chỗ tìm hiểu thấu đáo các tính chất tiềm tàng của quần áo, ẩn dấu bên trong giá trị thẩm mỹ của nó. Mặc và làm đẹp, cái nào quan tâm hơn cái nào? Thực ra cái nọ làm nảy sinh cái kia, chúng thúc đẩy và hỗ trợ nhau cùng phát triển, tạo ra khái niệm "mốt". Giờ đây, khi đã có bề dày lịch sử Mốt trở thành hiện tượng văn hóa lý thú, thu hút nhiều nhà khoa học đi sâu nghiên cứu với mục đích tìm hiểu khái niệm, bản chất cơ sở khoa học, tính thực tiễn của Mốt để trong tương lai con người có thể làm chủ hiện tượng này.

## Bài 1.2: KÍCH THƯỚC, HÌNH DÁNG VÀ KẾT CẤU CỦA TRANG PHỤC

### I. MẪU NGƯỜI LÝ TƯỞNG :

Mẫu người lý tưởng là người có hình dáng bên ngoài được tạo thành với các số đo chuẩn, cân đối. Các số đo của người lý tưởng là đều mà các nhà sản xuất, các công ty kinh doanh mẫu thời trang, các dây chuyền sản xuất, các công ty sản xuất Manơcanh cho công nghiệp thời trang đã gặt hái những thành công của mình. Mẫu người lý tưởng chỉ khi số đo thỏa mãn đại đa số người tiêu dùng.

— Các chuyên gia cần kích thước của người lý tưởng để tạo mẫu, làm cân đối các mẫu, các nhà thiết kế thời trang cần cân dung của người mẫu để sáng tạo ra các mẫu thiết kế mới cho các cuộc trình diễn thời trang.

— Về số đo của người lý tưởng như cố định, cân xứng. Với tư thế đứng thẳng và một cách mỹ học thì thỏa mãn với các tỉ lệ cân xứng cơ thể trong đó là ngực, eo và hông. Các chuẩn số đo này chủ yếu dựa vào các khái niệm “lý tưởng” của những nước phương tây.

### II. CÁC SỐ ĐO CHUẨN TRONG CÔNG NGHIỆP THỜI TRANG VÀ CÁC CỬA HIỆU BÁN TRANG PHỤC:

### **1. Các số đo chuẩn trong công nghiệp thời trang:**

Để đáp ứng nhu cầu của khách hàng và các chuẩn số đo trong địa phận quốc gia, ngành công nghiệp thời trang đã thiết lập một ủy ban chuyên trách về chuẩn các số đo các loại kích cỡ và các dáng người.

### **2. Các số đo dành cho các cửa hiệu :**

Các cửa hiệu tổng hợp như: Sears, J.C Penney đã và đang triển khai các chi tiết cụ thể bằng cách lắp ghép hình dáng người lý tưởng với nỗ lực nhằm thỏa mãn hơn nhu cầu của người tiêu dùng. Một vài cửa hiệu sử dụng các số đo chuẩn của quốc gia. Ngoài ra còn có những cửa hiệu khác sử dụng các kết quả khảo sát và các mẫu tiêu biểu của người dân đưa ra. Bằng những phương pháp như vậy, được gửi các kết quả khảo sát đến người tiêu thụ xem họ cần đến những số đo nào. Sau khi các thông tin được thu nhập lại và gửi đến các nhà sản xuất và họ sử dụng chúng triển khai các mẫu thời trang cho các cửa hiệu đặt biệt.

### **3. Chuẩn hoá số đo :**

Các cố gắng chuẩn hoá kích cỡ có nguồn gốc ở Mỹ, bắt đầu vào cuối những năm 1800 khi các nhà sản xuất ra hàng loạt đồng phục trong nông trại bằng qui trình công nghệ với các kích cỡ lớn, nhỏ và

trung bình. Việc này đã chứng minh sự kém lý tưởng về độ phù hợp cho những người nhỏ hơn hay lớn những loại kích cỡ này. Sự nỗ lực đáng chú ý tiếp theo, quân đội đã sản xuất hàng loạt các y phục phù hợp cho binh lính. Vào những năm 1901 chính quyền liên bang đã thành lập văn phòng chuyên trách về các chuẩn số đo của quốc gia (National Bureau of Standard) viết tắt là NBS. Vào những năm 1910 văn phòng chuyên trách về các chuẩn số đo thường xuyên có được từ các bộ phận lớn công chúng. Theo định kỳ văn phòng này có ấn định lại và cập nhật các chuẩn số đo.

### III. PHÂN TÍCH CÁ NHÂN TỪNG DÁNG NGƯỜI:

Nhận thức được sự khác nhau của con người về cấu tạo cơ thể đã giúp cho việc giải thích tại sao các trang phục may sẵn không thể vừa vặn với tất cả các dáng người một cách hoàn hảo được. Thực tế đã tốn nhiều công sức đối với các nhà sản xuất khi họ cố gắng làm thỏa mãn các nhu cầu của tất cả các dáng người mà không nằm trong loạt chuẩn số đo họ đưa ra.

Mục đích của việc phân tích dáng người là xác định những dáng người lệch so với số đo chuẩn trung bình.

#### 1. Các loại vai :

- Lý tưởng : Hai vai có độ dốc ít từ phần cổ
- Vai xuôi : Hai vai có độ dốc nhiều từ phần cổ
- Vai ngang: Hai vai có độ vuông từ phần cổ
- Cơ vai lớn: Bắp thịt rắn chắc, hai vai có thịt bao quanh vùng cổ
- Vai xương: Xương vai và xương đòn nhô lên

## 2. Các loại mông :

- Lý tưởng: cong ra bên ngoài, thon thả từ eo và tròn trên xương hông
- Hình tim: cong cong bên ngoài, dốc đứng từ eo và thật tròn hướng vào bên trong đối với bên hông
- Hình vuông: cong cong bên ngoài thon thả từ eo và rơi thẳng đến hông

## 3. Sự liên hệ giữa vai và mông :

- Lý tưởng : vai và mông thẳng, ngay ngắn, chênh lệch giữa eo và mông từ 25 → 28 cm
- Đồng hồ cát: vai và mông thẳng, ngay ngắn, chênh lệch giữa eo và mông từ 33 cm trở lên
- Đường thẳng: vai và mông thẳng, ngay ngắn, chênh lệch giữa eo và mông nhỏ hơn 20 cm.
- Vai rộng : rộng vai lớn hơn rộng mông
- Vai hẹp : rộng vai nhỏ hơn rộng mông

- Ghi chú: vai rộng và hẹp – sự chênh lệch giữa eo và hông tay đối nhiều đến hình dáng cơ thể.

#### 4. Các loại lưng :

- Lý tưởng : lưng cong nhẹ ra ngoài
- Phẳng : lưng thẳng, không cong
- Tròn : lưng cong hẳn ra ngoài
- Gù : lưng gù nhô ra

#### 5. Sự liên hệ giữa ngực và lưng :

- Lý tưởng : dạng ngực nhìn hơi lớn hơn lưng
- Ngực lớn, lưng nhỏ
- Ngực lép, lưng gù
- Ngực lõm : phần lõm bên trên ngực bị nhô ra
- Loại khác : ngực lớn và lưng lớn, hoặc ngực nhỏ lưng nhỏ (không thể hiện)

#### 6. Các loại tay :

- Lý tưởng : phần thịt phẳng từ bụng tay đến khuỷu và thon dần đến cổ tay
- Gầy : phần thịt quanh hệ xương hơi ít so với tay trung bình
- Mập : tay mập ra ở bụng tay, hoặc từ đầu vai đến cổ tay

#### 7. Các loại chân :

- Vòng kiềng : chân cong ra ngoài

- Chân chữ bát : chân cong vào và phần gối khi đi chạm nhau
- Gầy : ít thịt , hông đầy và hở ở bắp vế
- Đùi to : nhìn thấy phần đùi lớn hơn vòng hông
- Lý tưởng : chân thẳng, bình thường

Những đặc điểm trên có tầm quan trọng trong việc thiết kế quần áo:

- + Những người có dạng chân vòng kiềng, đùi to không nên mặc quần may bó sát từ phần đùi
- + Những người có dạng chân chữ bát không nên mặc quần bó sát ở phần dưới từ đầu gối trở xuống
- + Người có chân gầy không nên mặc quần bó sát

#### 8. Quan hệ giữa bụng và đùi :

- Dáng chữ I : hông bằng phẳng, bụng bằng phẳng
- Dáng chữ R : hông xệ và thấp xuống, bụng lớn hơn và đùi lớn
- Dáng hình trái xoan :
- Bụng nhô ra, cao phần trên và hông nhỏ ra phần dưới thấp
- Dáng hình chữ O : bụng và hông nhô ra như nhau



## 9. Các dạng đứng :

Dạng đứng ảnh hưởng đến sự cân đối của trang phục, nếu trang phục không hài hòa với dáng đứng vì eo nghiêng hoặc hông cao, hay thấp, đường gấu bị héch hoặc sà xuống hoặc tay áo bị giật làm ảnh hưởng đến sự vừa vặn và thoải mái của quần áo. Để xác định dáng đứng ta dùng dây dọi tạo một đường thẳng đứng đi ngang qua mắc cá chân và quan sát qua kính để so sánh dáng đứng trình bày bên dưới

- Lý tưởng : trái tai nằm trên đường dây dọi, phần xương eo nằm trên hoặc hơi nghiêng ra trước
- Ngã về trước : trái tai và eo nằm ngã về trước so với đường dây dọi
- Thẳng đứng : trái tai nằm trên hoặc nằm nghiêng ra sau. Khuỷu tay và eo hơi nghiêng về phía trước hoặc phía sau.

## Bài 1.3 : MỐI LIÊN HỆ GIỮA SỐ ĐO CỦA CƠ THỂ VÀ KÍCH THƯỚC CỦA TRANG PHỤC

### I. TỶ LỆ CÁC SỐ ĐO TRÊN CƠ THỂ:

Các số đo trên cơ thể con người là cơ sở thiết kế các dạng quần áo cho mọi lứa tuổi và mọi giới. Các loại quần áo rất đa dạng và thay đổi theo từng thời kỳ. Những thay đổi này gọi là thời trang hay là mốt. Nghệ thuật tạo mốt gắn liền với cơ thể người hay nói cách khác những đặc điểm cấu trúc và tỷ lệ cơ thể người là cơ sở của kỹ thuật tạo mốt.

#### 1. Vòng kết cấu:

Xét từ góc độ may mặc, các bộ phận cơ thể người được quan tâm nhiều nhất là đầu, cổ, thân và tứ chi, phần thân có ngực và bụng. Mỗi bộ phận cơ thể người có một số đo đặc trưng được sử dụng trong thiết kế may mặc gọi là vòng kết cấu.

- Vòng đầu là cơ sở thiết kế mũ nón và các sản phẩm đội đầu khác
- Vòng cổ là cơ sở thiết kế bâu áo
- Ngang vai, vòng ngực, vòng bụng, vòng hông là cơ sở thiết kế rộng váy, thân quần
- Vòng đùi, vòng bắp chân, vòng cổ chân là cơ sở thiết kế ống quần
- Vòng tay là cơ sở thiết kế rộng tay áo

#### 2. Tỷ lệ các phần trên cơ thể người:

- Trong thiết kế ta chia chiều cao cơ thể người thành 7,5 đầu
- Chiều cao đầu được tính bằng một đơn vị gọi là môđun
- Môđun là chiều dài của một bộ phận cơ thể được chọn làm cơ sở so sánh
- Chiều cao đầu được tính từ đỉnh đầu đến cằm hay bằng 1 môđun
- Tỷ lệ này không thay đổi theo lứa tuổi và giới tính. Nhờ có sự khác nhau ngay cả ở những người cùng một lứa tuổi
- Người Việt Nam đại đa số bằng 6,5 → 7 đầu. Tuy nhiên ngày nay cũng có một số người đạt 7,5 đầu
- Qua số liệu thống kê, người ta đã xác định được tỉ lệ các bộ phận cơ thể nữ loại hình thái học trung bình như sau:

Các bộ phận cơ thể	Tỉ lệ so với chiều cao cơ thể (%)
Đầu	13
Cổ	3
Thần	33
Tay	44
Chân	51
Rộng vai	21
Rộng hông	21

- Lấy tỉ lệ này so sánh, những người có đầu nhỏ hơn, phần mình ngắn hơn và tứ chi dài hơn sẽ thuộc dạng người vồng. Ngược lại, nếu có vòng đầu to hơn, mình dài hơn và tứ chi ngắn hơn đó là dạng người đoan

- Ngoài ra, cơ thể con người còn phân chia theo chiều cao. Việc nghiên cứu tạo kích thước cơ thể con người trong thiết kế quần áo có nhiệm vụ quan trọng là góp phần xác định hình dạng và kích thước các bộ phận chi tiết quần áo một cách chính xác. Vì vậy, nhờ sự hiểu biết khái niệm về cơ thể con người cho phép ta dựng được mặt trái của quần áo cùng với các chi tiết của nó.

### **3. Ba vùng chính của cơ thể :**

- Trên cơ thể con người, tùy theo cấu trúc hình thể mà có những vùng quần áo có thể mặc bó sát hay buông lỏng. Qua nghiên cứu người ta đưa ra giới hạn các vùng này trên cơ thể như sau:

- Vùng A là vùng quan trọng nhất trong việc thiết kế quần áo và được giới hạn bởi:

+ Vòng cổ qua đốt sống cổ thứ 7

+ Ngang vai

+ Vòng nách

+ Vòng ngực

- Vùng B là vùng được giới hạn bởi đường ngực và đường eo

- Vùng C là đường được giới hạn bởi đường eo và đường hông ngay chỗ lồi nhất

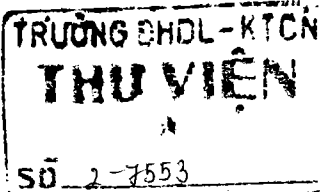
#### 4. Tỷ lệ vàng :

- Một quan hệ tỷ lệ khác được các nhà thiết kế chú ý là "Tỷ lệ vàng". Tỷ lệ vàng này nói rằng nếu chia cơ thể ra làm 3 phần :

- + A là chiều cao cơ thể
- + B là phần lớn tính từ eo đến gót chân
- + C là phần nhỏ hơn tính từ đỉnh đầu đến eo

## II. VÙNG CỬ ĐỘNG :

- Một căn cứ khác để thiết kế là vùng cử động, người ta luôn hoạt động do đó quần áo phải cho phép họ cử động thoải mái
- Vùng cử động của cơ thể người được giới hạn bởi hình cầu đi qua 5 điểm: 2 đầu bàn tay, 2 đầu bàn chân và đỉnh đầu. Kéo căng mọi kiểu quần áo bất kỳ theo hướng nào đều không vượt quá giới hạn vùng cử động này. Nói cách khác, vùng cử động là giới hạn tối thiểu cần thiết mà các nhà tạo mốt phải tính tới.



## Bài 1.4 : VỊ TRÍ VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐO

### I. NHỮNG ĐIỂM CẦN CHÚ Ý KHI ĐO:

- Muốn có những bộ quần áo đẹp phù hợp với vóc dáng con người thì người thợ may phải đo trên cơ thể người đó, lấy số đo làm cơ sở thiết kế. Nếu đo sai thì người thiết kế sẽ cắt sai. Như vậy, người may có đảm bảo kỹ thuật đến đâu cũng không tạo ra một sản phẩm đẹp phù hợp với tầm vóc và ý thích người mặc.

- Mặt khác, sự phát triển cơ thể người qua từng lứa tuổi khác nhau, giới tính và từng giai đoạn phát triển của cơ thể như ở giới nữ trong lứa tuổi phát triển có sự thay đổi đột biến ở vòng ngực, vòng eo, vòng hông. Có người phát triển không cân đối như: gù, ưỡn... Để có số đo chính xác ta cần chú ý những điểm sau:

+ Trước khi đo cần phải quan sát hình dáng, tầm vóc đối tượng đo để phát hiện những khuyết tật, đặc điểm rồi yêu cầu họ đứng ngay ngắn, xóc lại cổ áo cho sát gáy, vai cân rồi mới đo.

+ Khi đo phải xác định điểm đo, điểm xuất phát phải đúng từng vị trí, từng số đo.

+ Khi đo phải đo bên ngoài áo mỏng, không đo bên ngoài áo dày hoặc túi có đựng làm số đo thiếu chính xác.

+ Khi đo vòng cổ, vòng ngực, vòng eo, vòng hông đo sát, không đo lỏng hoặc chật thước dây. Nếu người mặc thích rộng hay chật thì ta ghi chú vào phiếu đo để khi cắt sẽ gia giảm sau hoặc ghi số đo cho cử động dài hoặc rộng.

## II. VỊ TRÍ VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐO:

### A. Cách đo quần âu:

1. Đo dài quần: Đo bên trái từ ngang eo đến mặt trên đế giày
2. Đo dài gối: Đo bên trái, từ ngang eo đến trên gối 1cm.
3. Đo vòng eo: Đo phía trước vòng quanh eo nơi nhỏ nhất.
4. Đo vòng hông: Đo bên trái vòng quanh hông nơi to nhất.
5. Đo vòng đùi: Đo bên trái vòng quanh đùi nơi to nhất.
6. Đo vòng ống: Tùy ý
7. Đo hạ cửa quần: Có 3 cách.
  - Cách 1: Để đối tượng ngồi trên ghế đo từ ngang eo đến mặt ghế
  - Cách 2: Đo vòng quanh đáy từ lưng quần thân trước vòng qua đáy đến lưng quần thân sau  $\times 4/10$ .
  - Cách 3: Lấy  $V_{\text{hông}}/4 + 3 \rightarrow 4 \text{ cm}$

**B. Cách đo áo nam:**

1. Đo dài áo: Đo từ đốt xương cổ thứ 7 đến ngang hông dài ngắn tùy ý.
2. Đo ngang vai: Đo từ đầu xương vai này sang đầu vai kia. Đo ở điểm rộng nhất và thấp nhất.
3. Đo xuôi vai: Đo giữa sống lưng từ chân cổ đến ngang điểm đầu vai thấp nhất
4. Đo dài tay: + Tay dài : Đo từ đầu vai đến dưới mắc cá tay + 3cm  
+ Tay ngắn: Đo từ đầu vai đến trên cùi chỏ 6cm
5. Đo cửa tay: Đo vòng quanh búp tay nơi to nhất
6. Đo vòng cổ: Đo vòng sát chân quanh cổ qua lổm cổ
7. Đo vòng ngực: Đo vòng quanh ngực nơi to nhất
8. Đo vòng eo: Đo vòng quanh eo nơi nhỏ nhất
9. Đo vòng hông: Đo vòng quanh hông nơi to nhất

**C. Cách đo áo nữ:**

1. Đo dài áo: Đo từ đốt xương cổ thứ 7 đến ngang hông dài ngắn tùy ý.



2. Đo ngang vai: Đo từ đầu xương vai này sang đầu vai kia. Đo ở điểm rộng nhất và thấp nhất.
3. Đo xuôi vai: Đo giữa sống lưng từ chân cổ đến ngang điểm đầu vai thấp nhất
4. Đo dài tay: + Tay dài: Đo từ đầu vai đến dưới mắc cá tay + 3cm  
+ Tay ngắn: Đo từ đầu vai đến trên cùi chỏ 6cm
5. Đo cửa tay: Đo vòng quanh búp tay nơi to nhất
6. Đo vòng cổ: Đo vòng sát chân quanh cổ qua lồm cổ
7. Đo vòng ngực: Đo vòng quanh ngực nơi to nhất
8. Đo vòng eo: Đo vòng quanh eo nơi nhỏ nhất
9. Đo hạ eo: Đo từ chân cổ đến ngang eo thẳng đường sống lưng
10. Đo vòng hông: Đo vòng quanh hông nơi to nhất
11. Đo dang ngực: Đo từ đầu ngực bên này sang đầu ngực bên kia
12. Đo chéo ngực: Đo từ lồm cổ đến đầu đỉnh ngực.

**BẢNG KÍ HIỆU CÁC SỐ ĐO**

<b>STT</b>	<b>TÊN SỐ ĐO</b>	<b>KÍ HIỆU</b>
1	Dài quần	DQ
2	Dài gối	DG
3	Vòng eo	VE
4	Vòng hông	VM
5	Vòng đùi	VĐ
6	Vòng ống	VÔ
7	Hạ cửa quần	HCQ
8	Dài áo	DA
9	Rộng vai	RV
10	Xuôi vai	XV
11	Dài tay	DT
12	Bấp tay	BT
13	Vòng cổ	VC
14	Vòng ngực	VNg
15	Cửa tay	CT
16	Hạ eo	HE
17	Dang ngực	DN
18	Chéo ngực	CN
19	Cử động	CĐ

### III. PHƯƠNG PHÁP ĐO TRÊN CƠ THỂ NGƯỜI

Công việc đo đạc là một yếu tố chính trong việc tạo một kiểu mẫu. Đo may là một phương pháp tiết kiệm thời gian nếu chúng:

- Phục vụ cho việc thiết kế một mẫu cơ bản và phát triển một bộ thiết kế mới.
- Tạo số đo của cơ thể.
- Tham khảo để sưu tầm các mẫu mã.

Các thiết bị cần phải có cho sự đo đạc:

- Thước dây.
- Các đồ dùng để viết, vẽ.
- Ghim thẳng.
- Một biểu đồ về số mẫu.
- Thước nhựa

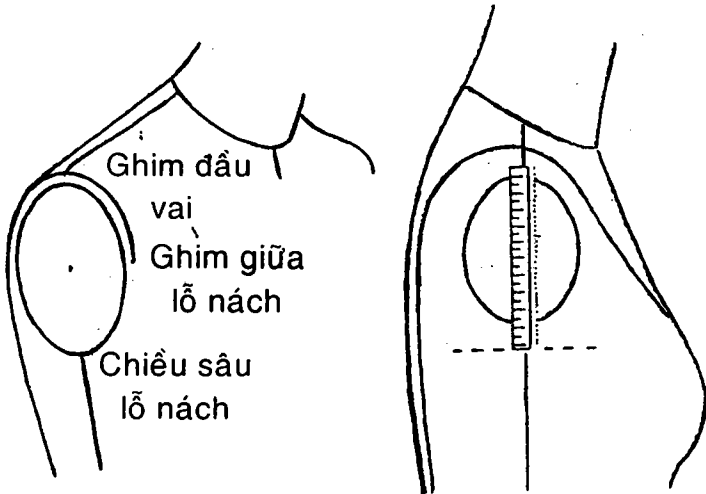
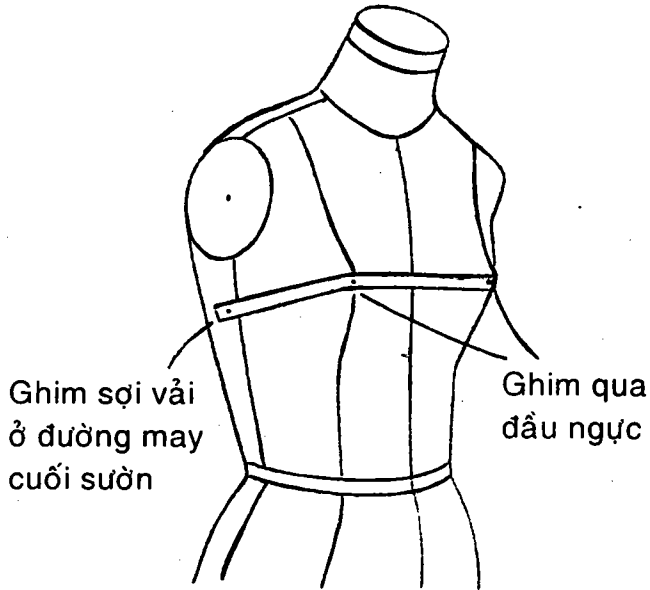
Công việc đo đạc có thể được thực hiện từ một bảng số đo tiêu chuẩn ở phía dưới hoặc được thực hiện từ số đo của vóc dáng.

#### 1. Đo hình dáng:

Đường eo: Đo eo.

Vòng ngực: Cắt một sợi vải 4x50cm, gấp hai mép vào đến giữa và gấp đôi lại, ấn và đặt ngang qua đầu ngực, kéo đến phía cuối của đường may nối sườn và ghim. Đâm ghim qua điểm ngực. Đánh dấu chéo điểm ngực và dấu đường giữa trên vòng ngực.

#### 2. Găm kim lỗ nách:



Giữa lỗ nách: Găm kim vào đường vòng lỗ nách trước và sau ngang với vị trí đính vít.

Đính vai: Ghim và đánh dấu điểm đính vai.

Chiều sâu lỗ nách: Chọn kích cỡ thích hợp từ số đo ở bảng bên dưới. Đo từ đầu vai qua lỗ nách tới đường nối sườn. Ghim lấy dấu.

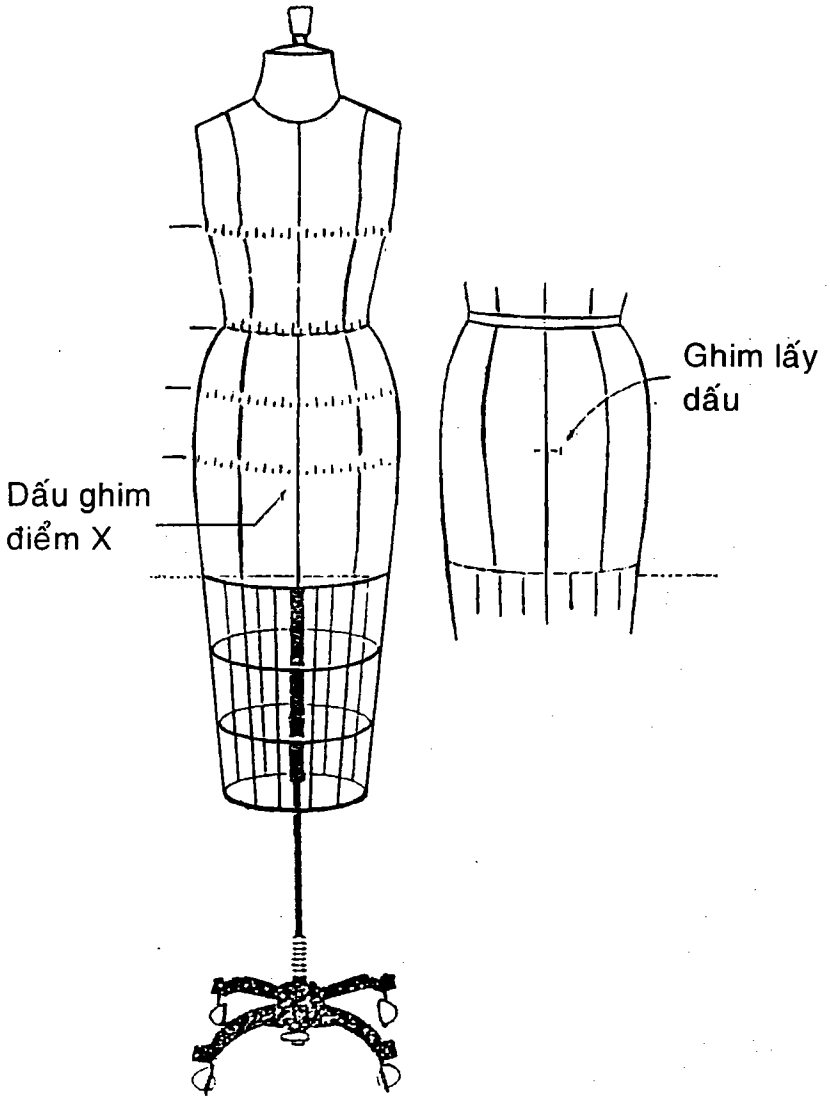
### 3. Đo đường cong:

Ngực (1) : Ngang qua đầu ngực và vòng phía sau

Eo (2) : Vòng quanh eo

Bụng (3) : Đo dưới eo 7,62cm

Mông (4) : Đo phần nở nhất với thước dây song song với sàn nhà. Găm kim lấy dấu mông ở đường giữa của thân trước. (Điểm X)

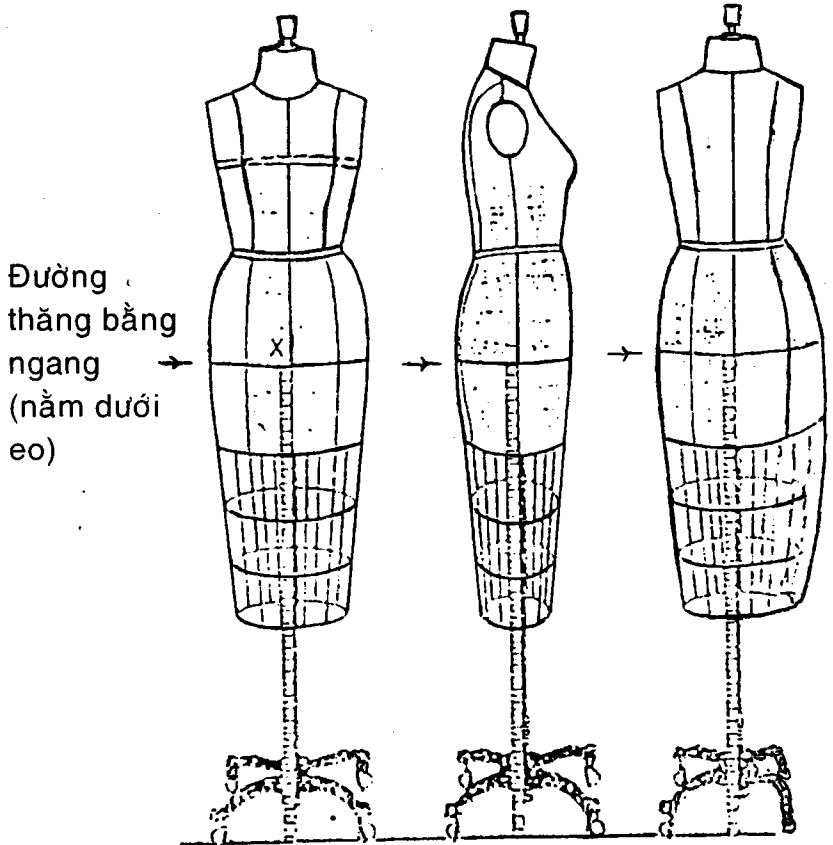


#### 4. Đo đường thẳng bằng ngang (HBL)

Đo từ sâu hoặc mặt bàn tới điểm X

Dùng phương pháp này, đo từ sàn hoặc mặt bàn lên và lấy dấu điểm giữa thân sau và cả hai bên sườn với kim. Kiểm tra lại trước khi ghi số đo.

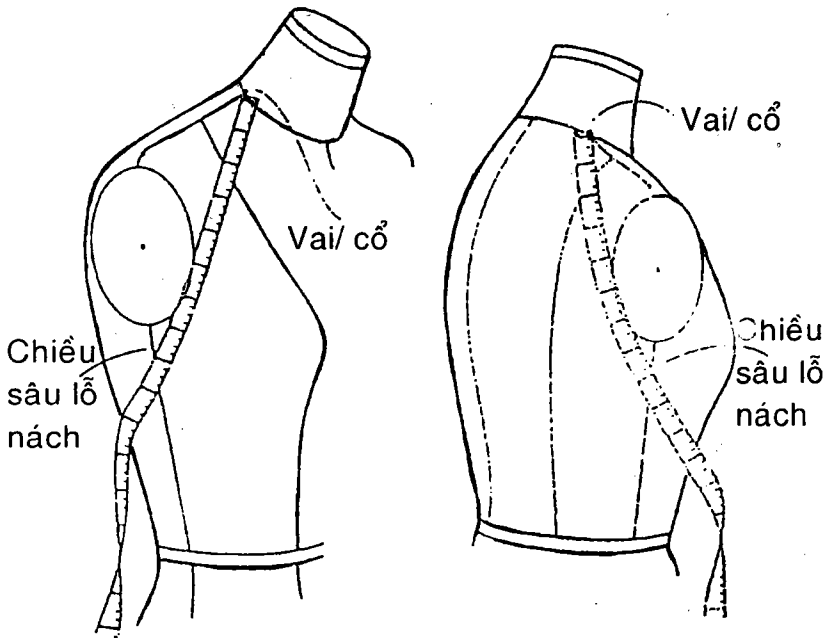
Kẻ một đường qua điểm hông, dùng thước nhựa đặt cạnh của thước trên điểm X và ghim đánh dấu tại đường may bên sườn. Kẻ đường thẳng. Lập lại cho tới khi đường thẳng được vẽ hoàn tất quanh quần áo. Trong công nghiệp, độ sâu của tổng chuẩn cho kích cỡ các cô gái nằm dưới eo 20.32cm đến 22.86cm.



### 5. Đo quai:

Đo quai trước (8). Đặt đầu thước tại vai/cổ và đo xuống đến điểm ghim bên dưới lỗ nách. Thước có thể đi qua một vài điểm của vòng tròn lỗ nách. Đo quai sau (8). Lập lại quá trình này cho việc đo phía sau.





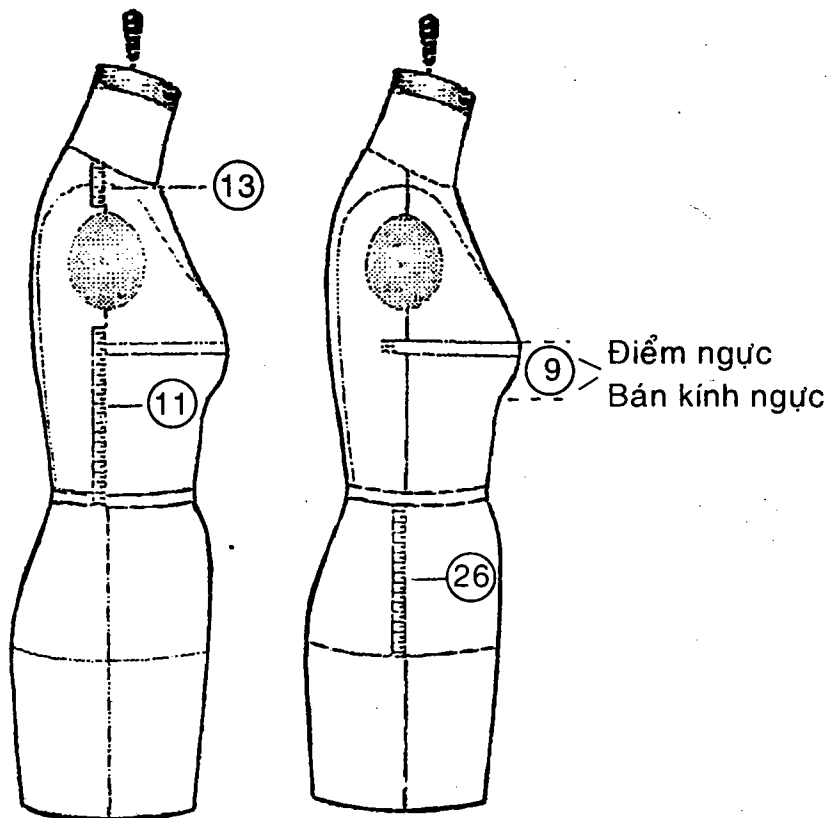
### 6. Đo thẳng:

Dài sườn (11): Từ chỗ ghim bên dưới lỗ nách tại đường may bên sườn đến eo sườn.

Dài vai (13): Từ đầu vai đến cổ.

Độ sâu của lườn hông (26): Từ eo sườn đến đường thẳng bằng ngang (HBL)

Bán kính ngực (9): Từ đầu ngực đến dưới gò ngực.



Đo trước và sau:

Chiều dài tâm (5). Từ cổ đến eo (qua ngực).

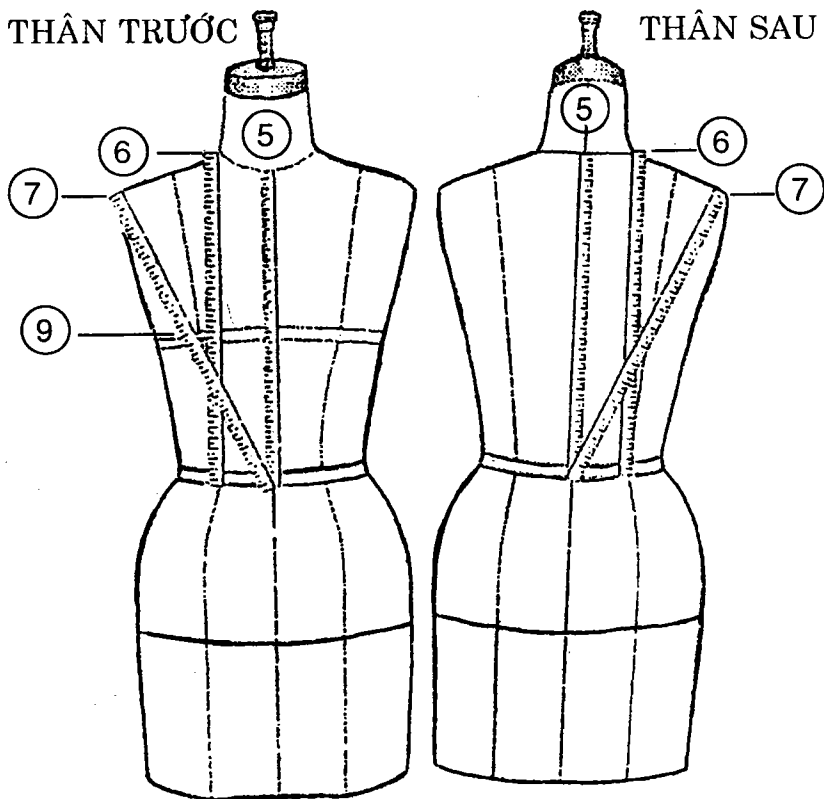
Chiều dài đủ (6). Từ eo đến điểm vai tại chân cổ, đo song song với chiều dài tâm.

Độ nghiêng vai (7). Từ tâm eo đến đầu vai.

Độ sâu ngực (9). Từ đầu vai đến đầu ngực.

THÂN TRƯỚC

THÂN SAU



**7. Đo theo chiều ngang:**

*Thân trước*

Ngang vai (14)

Vòng ngực (17)

Vòng eo (19)

Vòng bụng (22)

Chiều sâu hông (25)

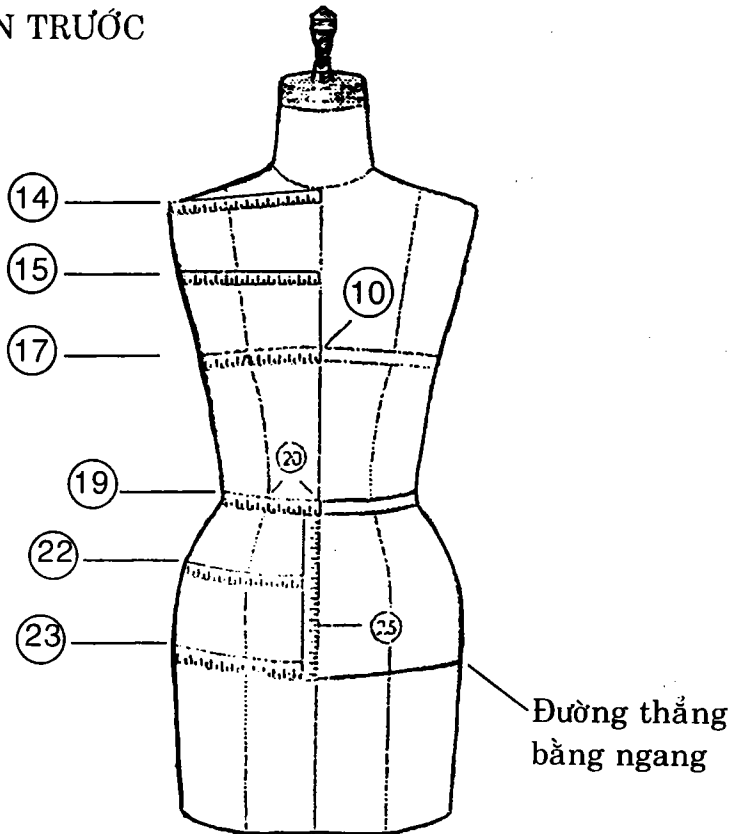
Ngang ngực (15)

Khoảng cách hai đầu ngực (10)

Đặt các nếp gấp (20) (pen)

Vòng hông (23)

## THÂN TRƯỚC

*Thân sau*

Cổ sau (12)

Ngang thân sau (16)

Vòng eo (19)

Vòng bụng (22)

Chiều sâu mông (25)

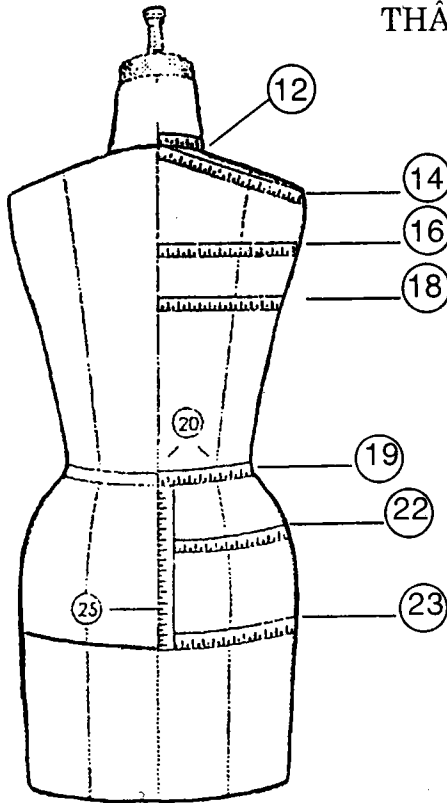
Ngang vai (14)

Vòng cong thân sau (18)

Đặt các nếp gấp (20) (pen)

Vòng hông (23)

THÂN SAU



**8. Đo quần**

(Cách đo dành cho eo, hông và bụng)

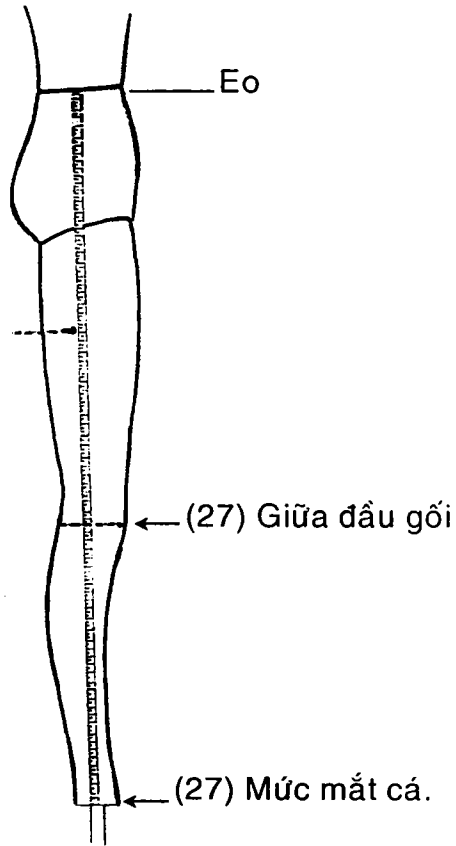
- Đo thẳng đứng

Đưa đầu thước vào dưới eo bên hông, đo đến các vị trí sau:

Đo đến cuối chân (chỗ mắt cá) (27)

Đến sàn nhà (27)

Đến đầu gối (giữa đầu gối) (27)



- Đo đường cong

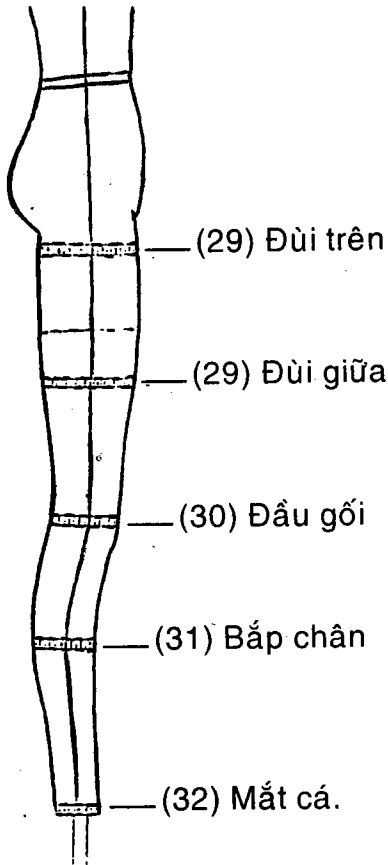
Đùi trên (29): gần đáy mông

Đùi giữa (29): giữa đáy và đầu gối.

Đầu gối (30)

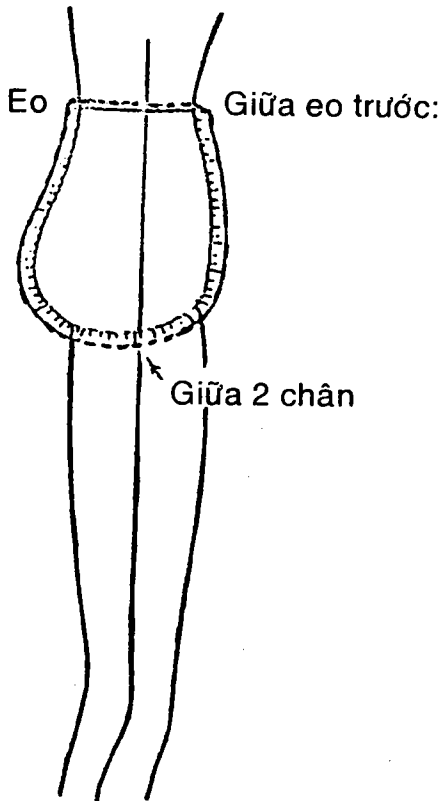
Bắp chân (31): phần to nhất bên dưới đầu gối.

Mắt cá (32)



- Vòng đáy (28)

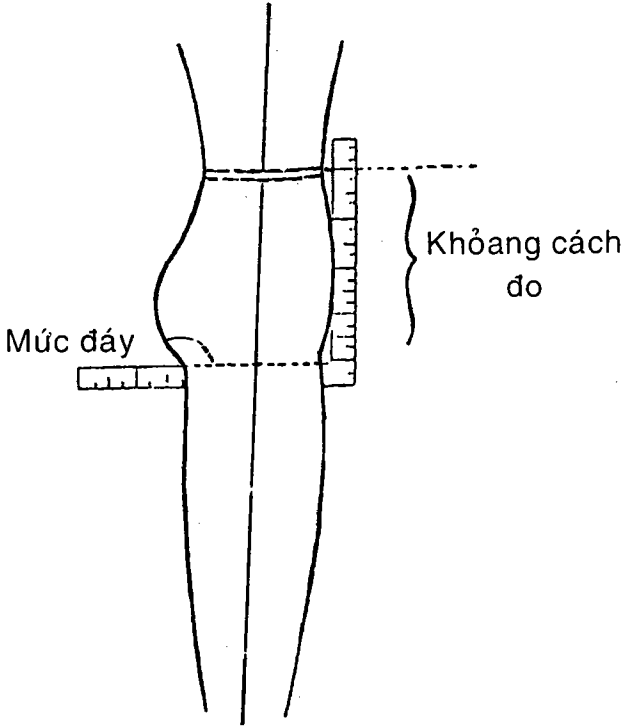
Đo từ giữa eo trước, vòng qua đáy (giữa 2 chân), đến giữa eo sau.



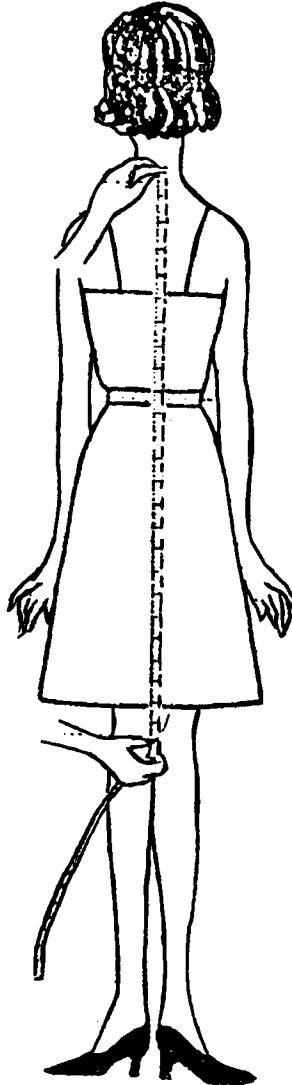
- Hạ đáy (24)

Đặt thước vuông giữa 2 chân, với hai cánh tay thước chạm bụng và đáy. Đo chiều sâu từ eo đến đáy.

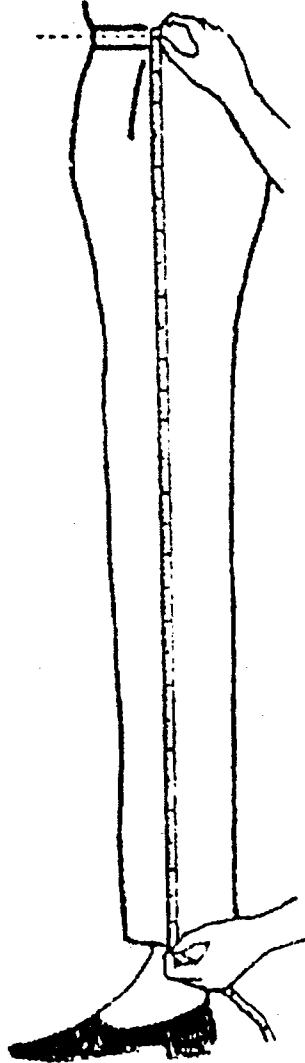




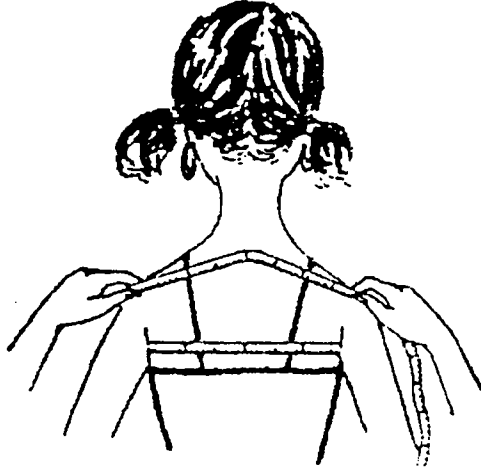
(Đo dài áo: Đo từ đốt sống  
cổ thứ 7 đến ngang hông)



(Đo dài quần: Đo từ eo đến mặt trên  
đế giày hoặc chiều dài tùy ý)



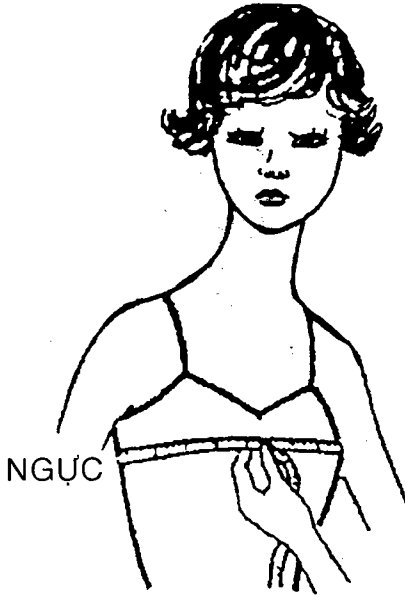
(Đo ngang vai: Đo từ đầu  
vai trái sang đầu vai phải)



(Đo vòng cổ: Đo vòng quanh chân cổ)



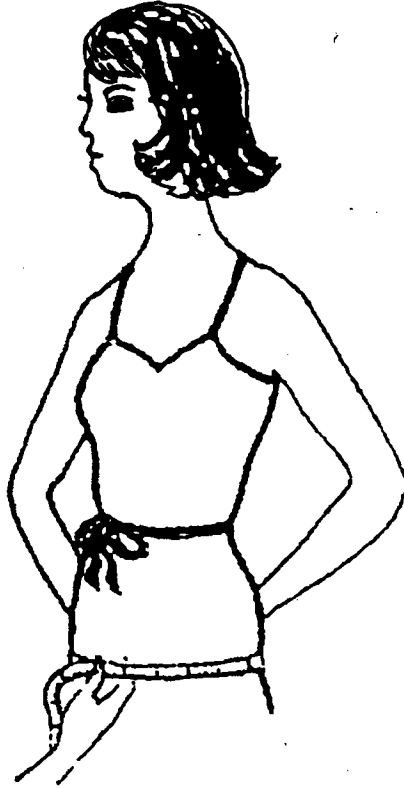
(Đo vòng ngực: Đo tại nơi to nhất)



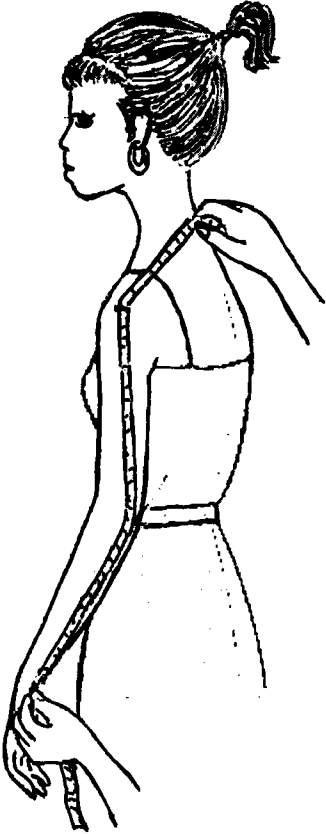
(Đo vòng eo: Đo tại nơi nhỏ nhất)



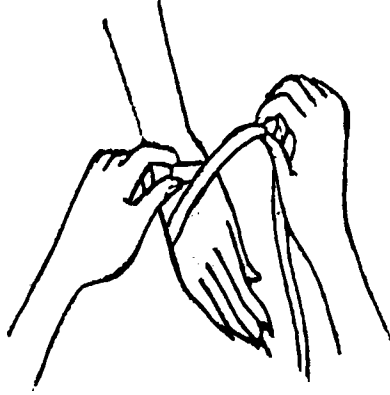
(Đo vòng mông: Đo tại nơi lớn nhất)



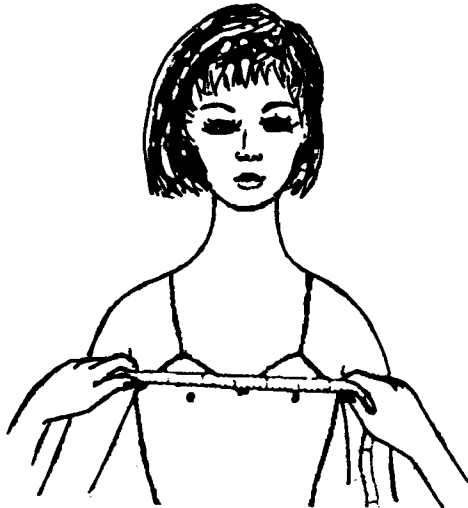
(Đo dài tay: Đo từ đầu vai hoặc  
đo từ giữa cổ sau đến mắc cá tay)



(Đo cửa tay: Đo nơi to nhất)

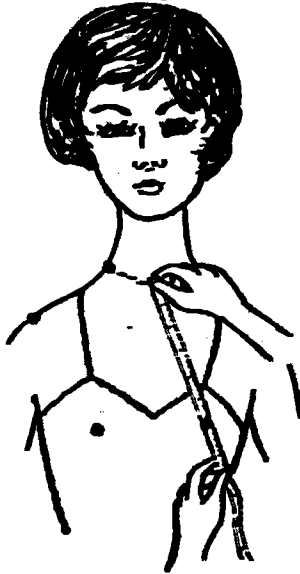


(Đo dang ngực: Đo từ đầu ngực này sang đầu ngực kia)





(Đo chéo ngực: Đo từ lõm cổ đến đầu ngực)



(Hạ eo: Đo từ đốt sống cổ thứ 7 đến ngang eo)



(Vòng nách tay: Đo xung quanh nách ngay đầu vai)

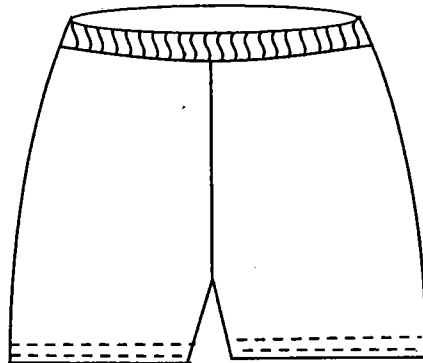


## Chương 2

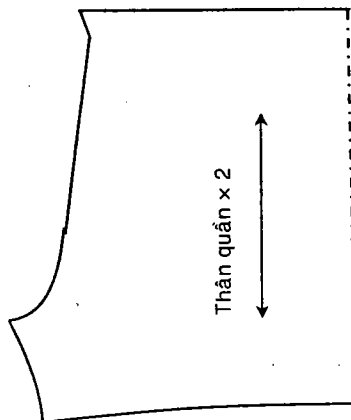
# PHƯƠNG PHÁP THIẾT KẾ CÁC LOẠI QUẦN ĐƠN GIẢN

### Bài 2.1: THIẾT KẾ QUẦN ĐÙI THƯỜNG

#### I. HÌNH DÁNG:



#### II. CẤU TRÚC: Gồm



### III. CÁCH TÍNH VẢI:

- Khố vải 0,9 m  $\rightarrow$  1,2m = 2 (dài quần + lưng + lai + đường may).
- Khố vải 1,4m  $\rightarrow$  1,6 m = 1 (dài quần + lưng + lai + đường may).

### IV. NI MẪU:

Vòng hông: 92cm

### V. PHƯƠNG PHÁP THIẾT KẾ:

#### 1. Cách xếp vải:

- Sau khi cắt bỏ biên, từ mép vải đo vào ( $1/4$  vòng hông +  $1/10$  hông + 2cm đường may), xếp đôi vải theo chiều dọc canh sợi, hai mặt phải úp vào nhau, hai mặt trái quay ra ngoài. Đường gấp đôi vải quay về phía người cắt.
- Vẽ lưng phía tay phải, vẽ lai phía tay trái.

#### 2. Cách vẽ:

- AB: Dài quần =  $1/4$  V.Hông +  $1/10$  V.Hông + 12 $\rightarrow$ 15cm
- AA<sub>2</sub>: Lưng quần = 3 $\rightarrow$ 4 cm = bản thun + 1cm đường may.
- AA<sub>1</sub>: Ngang eo =  $1/4$  V.Hông + 2 $\rightarrow$ 4cm
- AC: Hạ đáy =  $1/4$  vòng hông +  $1/10$  V.hông + 0 $\rightarrow$ 2cm
- CC<sub>1</sub>: Ngang đáy =  $1/4$  vòng hông +  $1/10$  V.hông + 0 $\rightarrow$ 4cm (CC  $\perp$  LAB).

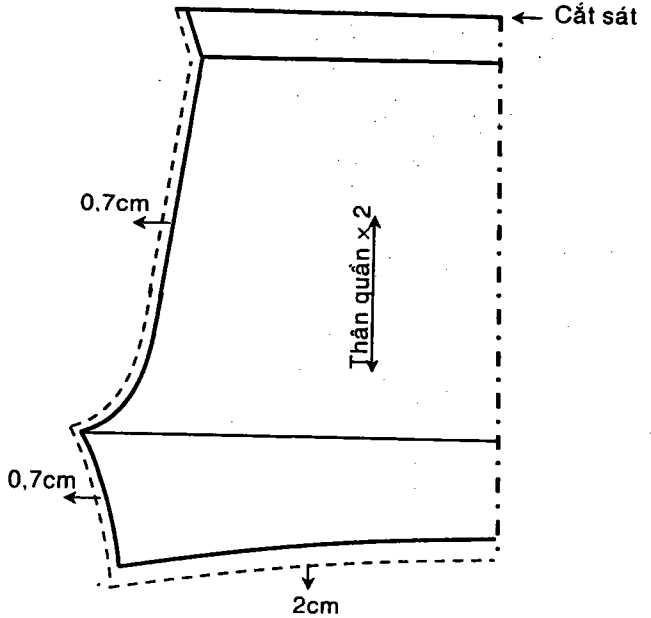
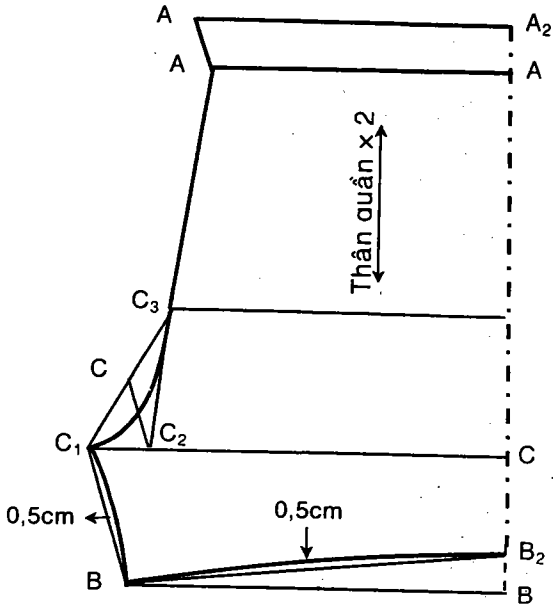
- $C_1C_2$ : Vào đáy =  $1/20$  vòng hông. Nối  $C_2A_1$
- $CB = 12 \rightarrow 15$  cm
- $C_2C_3 = 1/3$  hạ đáy
- Nối  $C_1C_3$  và chia đôi được  $C_4$
- Vẽ vòng đáy qua các điểm  $C_1$ , điểm giữa của  $C_2C_4$ ,  $C_3$ ,  $A_1$
- $BB_1$ : Ngang ống = Ngang đáy -  $2 \rightarrow 4$ cm
- $BB_2$ : Giảm sườn quần = 2cm
- Nối  $B_1B_2$  và đánh cong lõm vào 0,5cm
- Vẽ lưng quần, lai quần

### 3. Cách chừa đường may và cắt:

- Sườn trong, đáy quần chừa 0,7cm đường may.
- Lưng quần, lai quần cắt sát

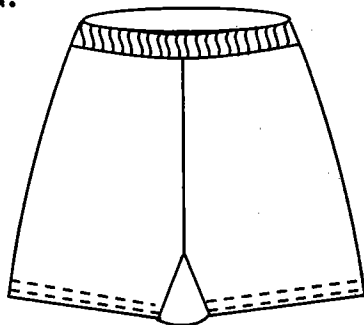
### 4. Qui trình may:

- Ráp sườn trong (may lộn).
- Ráp đáy (may lộn).
- May lai quần
- May lưng quần
- Ủi thành phẩm

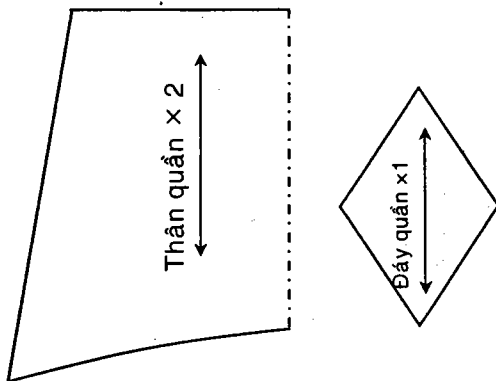


## BÀI 2.2 : THIẾT KẾ QUẦN THỂ THAO 2 MẢNH

### I. HÌNH DÁNG:



### II. CẤU TRÚC: Gồm



### III. CÁCH TÍNH VẢI:

- Khổ vải 0,9 m  $\rightarrow$  1,2m = 2 (dài quần + lưng + lai + đường may)
- Khổ vải 1,4m  $\rightarrow$  1,6 m = 1 (dài quần + lưng + lai + đường may)

#### IV. NI MẪU:

- Vòng mông : 92cm

#### V. PHƯƠNG PHÁP THIẾT KẾ:

##### 1. Cách xếp vải:

- Từ biên vải đo vào  $1/4$  vòng mông + 6cm + 1cm đường may
- Vẽ lưng phía tay phải, vẽ lai phía tay trái.

##### 2. Cách vẽ:

- $AB$  : Dài quần =  $1/4$  V.Mông +  $1/10$  V.Mông + 4 → 6cm
- $AA_2 = A_1A_3$  : Lưng quần = 3 → 4cm = Thành phẩm bản thun + 1cm đường may.
- $AA_1$  : Ngang eo =  $1/4$  V.Mông + 3 cm
- $BB_1$  : Ngang đáy trước = Ngang eo + 3cm
- Kéo dài  $A_1B_1$ , lấy  $B_1B_2$
- $B_1B_2$  : Sa đáy trước = 4 → 6 cm
- Nối  $BB_2$ , chia đôi đoạn  $BB_2$  và đánh cong lõm vào 0,5cm. Vẽ lưng quần
- ❖ Vẽ đáy quần:
  - Vẽ một hình chữ nhật ABCD có I là giao điểm.
  - $AB = CD = 2/10$  V.Mông
  - $AC = BD = 1/10$  V.Mông + 2 cm

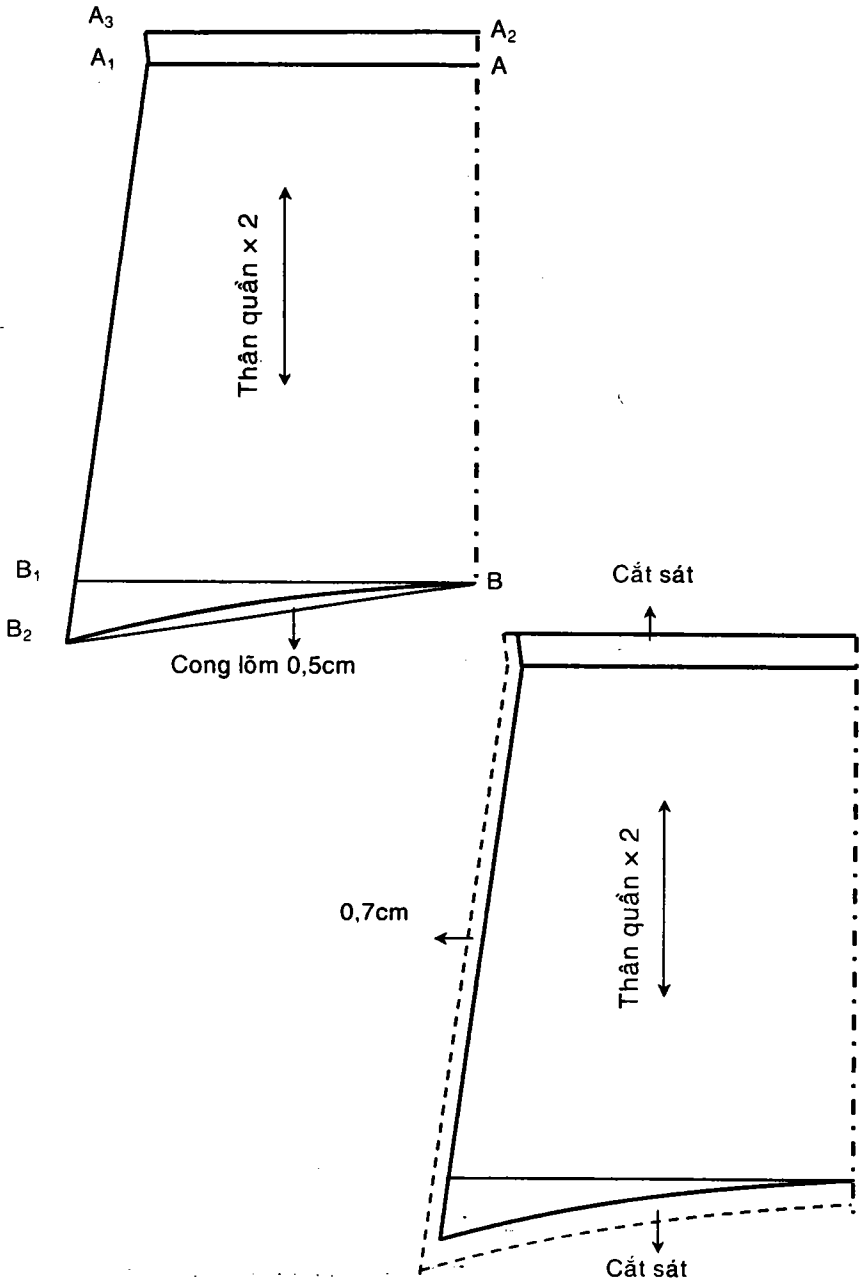


**3. Cách chừa đường may và cắt:**

- Sườn trong gia 0,7cm đường may.
- Đáy quần gia đều 0,7cm đường may.
- Lưng quần cắt sát.
- Lai quần gia 2cm đường may.

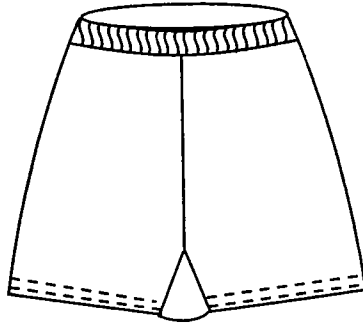
**4. Qui trình may:**

- Ráp cạnh thứ nhất của đáy trước vào sườn trong thân trước + diều.
- Ráp cạnh thứ hai của đáy trước vào sườn trong thân trước (ráp dài lên lưng) + diều.
- Ráp cạnh thứ nhất của đáy sau vào sườn trong thân sau + diều.
- Ráp cạnh thứ hai của đáy sau vào sườn trong thân sau (ráp dài lên lưng) + diều.
- May lai
- May lưng
- Ủi thành phẩm

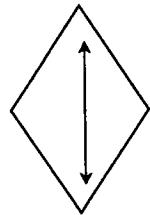
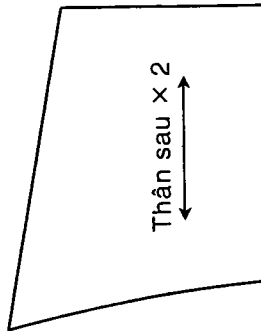
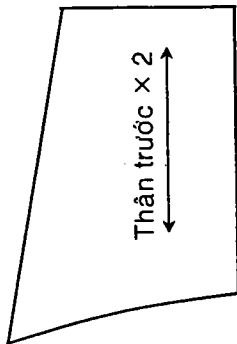


## Bài 2.3 : THIẾT KẾ QUẦN THỂ THAO 4 MẢNH

### I. HÌNH DÁNG:



### II. CẤU TRÚC: Gồm



### III. CÁCH TÍNH VẢI:

- Khố vải 0,9 m  $\rightarrow$  1,2m = 2(dài quần + lưng + lai + đường may)
- Khố vải 1,4m  $\rightarrow$  1,6 m = 1 (dài quần + lưng + lai + đường may)

#### IV. NI MẪU:

- Vòng hông : 92cm

#### V. PHƯƠNG PHÁP THIẾT KẾ:

##### 1. THÂN TRƯỚC

###### a. Cách xếp vải:

- Xếp 2 biên vải trùng nhau theo chiều dọc canh sợi, hai mặt phải úp vào nhau, hai mặt trái quay ra ngoài. Biên vải quay về phía người cắt
- Sau khi cắt bỏ biên, từ mép vải đo vào 1cm chừa đường may
- Vẽ lưng phía tay phải, vẽ lai phía tay trái

###### b. Cách vẽ:

- AB: Dài quần =  $\frac{1}{4}$  V.Mông + 15 → 20cm
- AA<sub>2</sub> = A<sub>1</sub>A<sub>3</sub> : Lưng quần 3 → 4cm = Thành phẩm bản thun + 1cm đường may
- AA<sub>1</sub>: Ngang eo trước =  $\frac{1}{4}$  V.Mông + 1cm
- BB<sub>1</sub>: Ngang đáy trước = Ngang eo + 3cm
- Kéo dài A<sub>1</sub>B<sub>1</sub>, lấy B<sub>1</sub>B<sub>2</sub>
- B<sub>1</sub>B<sub>2</sub> : Sa đáy trước = 4 → 6 cm
- Nối BB<sub>2</sub> , chia đôi đoạn BB<sub>2</sub> và đánh cong lõm vào 0,5cm. Vẽ lưng quần

##### 2. THÂN SAU

###### a. Cách xếp vải:

- Đặt thân trước lên phần vải còn lại để vẽ thân sau.
- Sang dấu lại các đường ngang lưng, ngang đáy, đường sườn trong, đường sườn ngoài và từ đường thành phẩm đường sườn ngoài ta đo ra 4cm về phía trong người cắt.
- Vẽ lưng phía tay phải, vẽ lai phía tay trái.

**b. Cách vẽ:**

- $AB = A'B'$  : Dài quần =  $\frac{1}{4} V.Mông + 15 \rightarrow 20cm$
  - $A_1A'_2 = AA' = BB' = 4cm$
  - $A'A'_1 = A_2A_3$  : Lưng quần =  $3 \rightarrow 4cm =$  Thành phẩm bản thun + 1cm đường may.
  - $A'A_1$  : Ngang eo sau =  $\frac{1}{4} V.Mông + 5 cm$
  - $B'B_1$  : Ngang đáy sau = Ngang eo sau + 3cm
  - Kéo dài  $A_1B_1$ , lấy  $B_1B_2$
  - $B_1B_2 = 4 \rightarrow 6 cm$
  - Nối  $B'B_2$  , chia đôi đoạn  $B'B_2$  và đánh cong lồi vào 0,5cm.
  - Vẽ lưng quần
  - Vẽ lai quần
- ❖ **Vẽ đáy quần:**
- Vẽ một hình chữ nhật ABCD có I là giao điểm.
  - $AB = CD = \frac{2}{10} V.Mông$

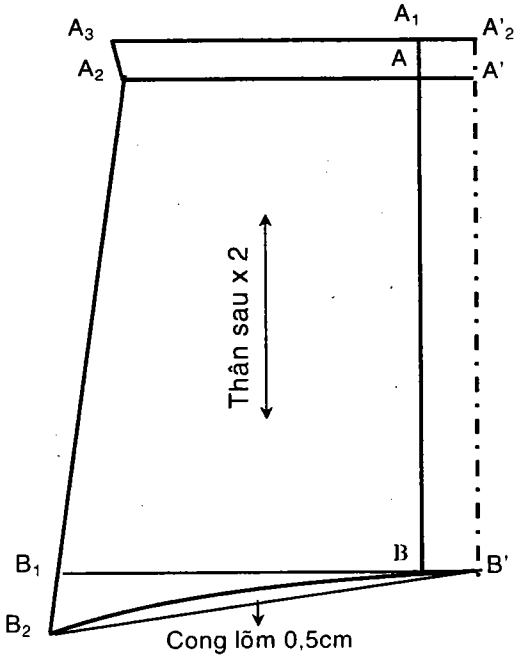
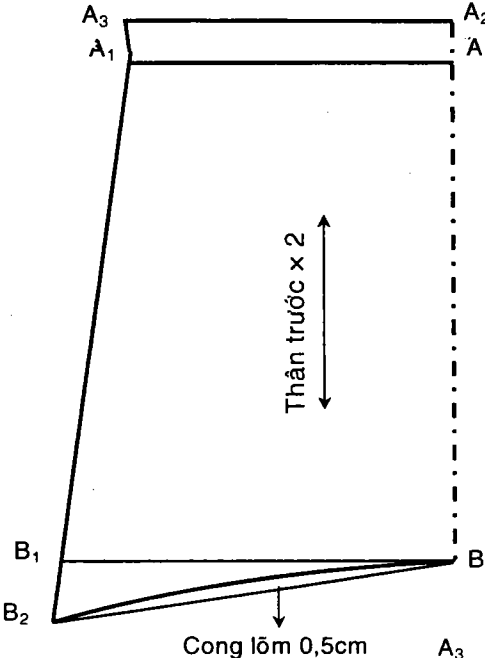
- $AC = BD = 1/10 V.Mông + 2 \text{ cm}$

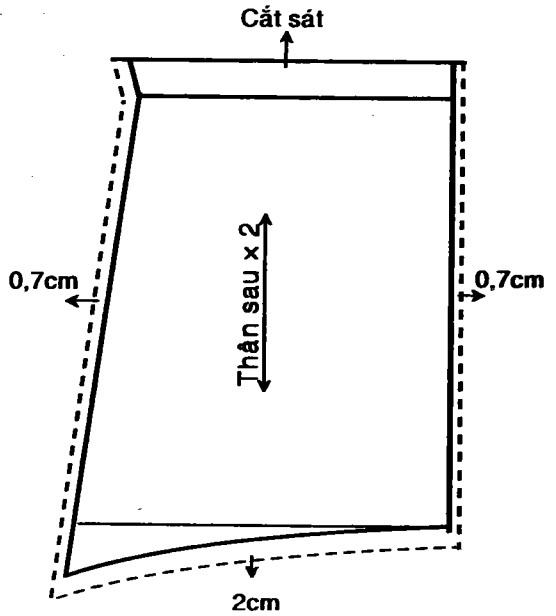
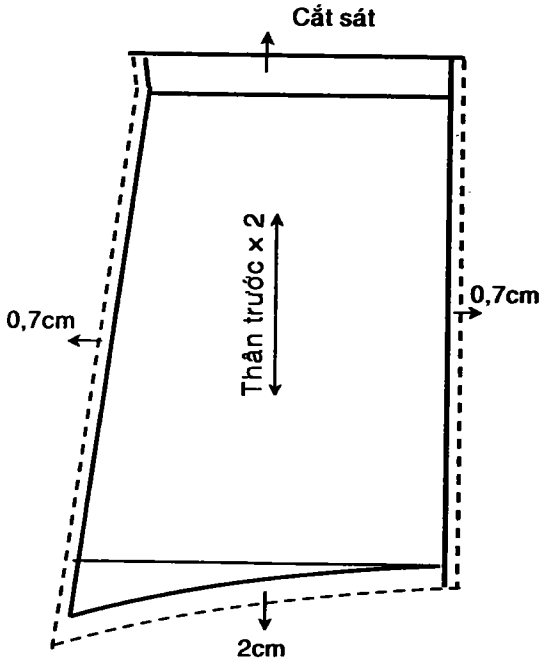
### 3. CÁCH CHỮA ĐƯỜNG MAY VÀ CẮT:

- Sườn trong gia 1cm đường may.
- Đáy quần gia đều 1cm đường may.
- Lưng quần cắt sát.
- Lai quần gia 2cm đường may.

### 4. QUI TRÌNH MAY:

- Ráp sườn quần.
- Ráp cạnh thứ nhất của đáy trước vào sườn trong thân trước + diều.
- Ráp cạnh thứ hai của đáy trước vào sườn trong thân trước (ráp dài lên lưng) + diều.
- Ráp cạnh thứ nhất của đáy sau vào sườn trong thân sau + diều.
- Ráp cạnh thứ hai của đáy sau vào sườn trong thân sau (ráp dài lên lưng) + diều.
- May lai
- May lưng
- Ủi thành phẩm

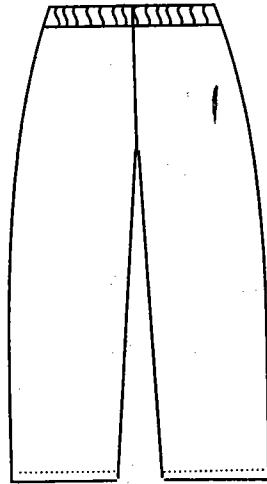




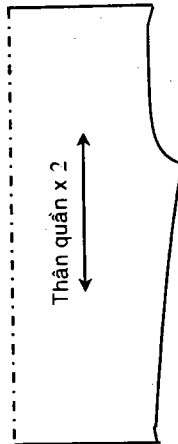


## Bài 2.4 : THIẾT KẾ QUẦN BÀ BA

### I. HÌNH DÁNG:



### II. CẤU TRÚC: Gồm :



### III. CÁCH TÍNH VẢI:

Khố vải  $0,9 \text{ m} = 2(\text{dài quần} + \text{lưng} + \text{lai} + \text{đường may})$ .

- Khố vải 0,9 m  $\rightarrow$  1,2m = 1,5(dài quần + lưng + lai + đường may).
- Khố vải 1,4m  $\rightarrow$  1,6 m = 1 (dài quần + lưng + lai + đường may).

#### IV. NI MẪU:

- Vòng hông : 92cm

#### V. PHƯƠNG PHÁP THIẾT KẾ:

##### 1. Cách xếp vải:

- Sau khi cắt bỏ biên, từ mép vải đo vào ( $1/4$  vòng hông +  $1/10$  hông  $1 \rightarrow 2$  + 2cm đường may). Xếp đôi vải theo chiều dọc canh sợi, hai mặt phải úp vào nhau, hai mặt trái quay ra ngoài. Đường gấp đôi vải quay về phía người cắt

- Vẽ lưng phía tay phải, vẽ lai phía tay trái

##### 2. Cách vẽ:

- AB: Dài quần = Số đo
- $AA_2 = A_1A_3$ : Lưng quần =  $3 \rightarrow 4$  cm = bản thun + 1cm đường may
- $BB_2 = B_1B_3$ : Lai quần = 3cm
- $AA_1$ : Ngang eo =  $1/4$  V. Hông +  $1 \rightarrow 2$ cm
- AC: Hạ đáy =  $1/4$  vòng hông +  $1/10$  V. hông +  $0 \rightarrow 2$ cm
- $CC_1$ : Ngang đáy =  $1/4$  vòng hông +  $1/10$  V. hông +  $1 \rightarrow 2$ cm

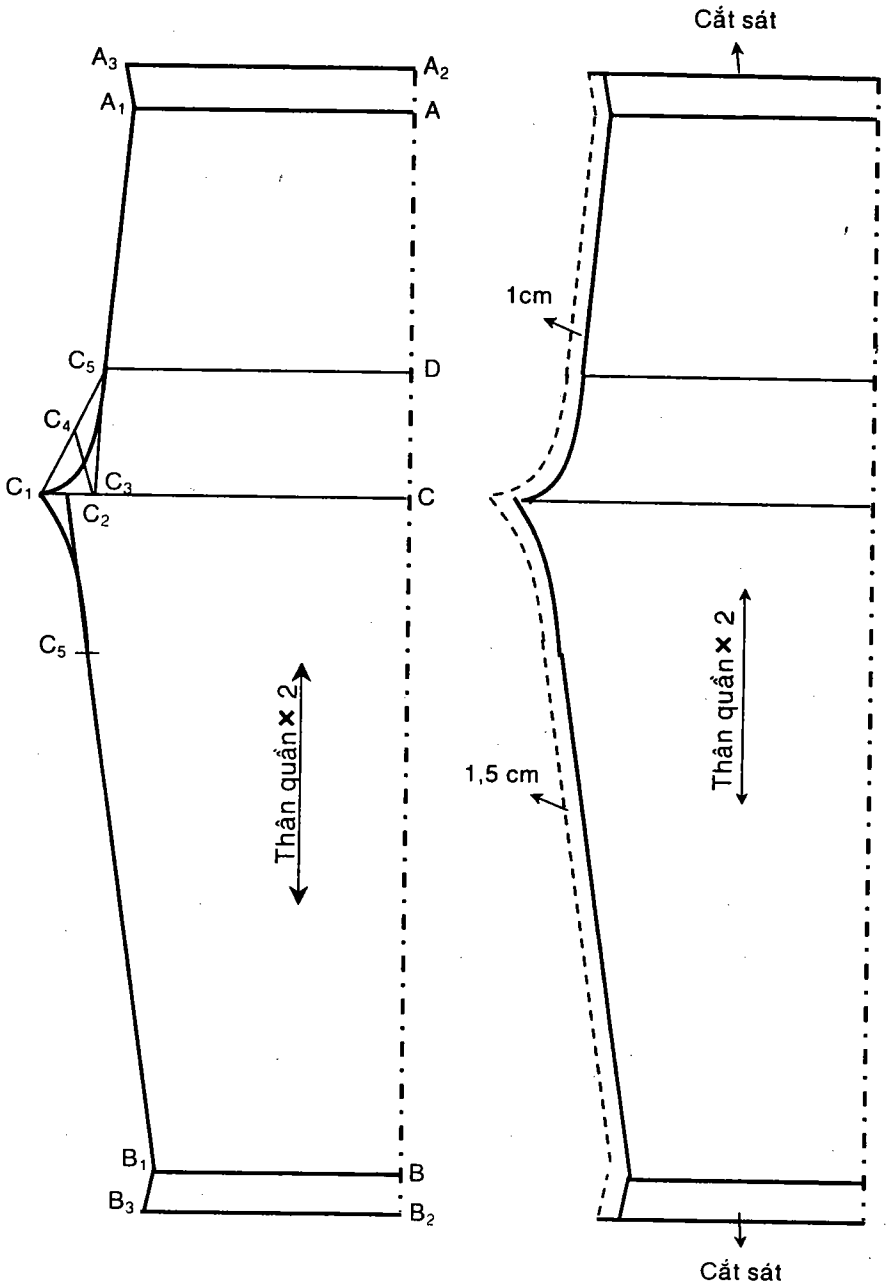
- $C_1C_3$ : Vào đáy =  $1/20$  vòng mông. Nối  $C_2A_1$
- $CD = C_3C_5 = 1/3$  hạ đáy
- Nối  $C_1C_5$  và chia đôi được  $C_4$
- Vẽ vòng đáy qua các điểm  $C_1$ , điểm giữa của  $C_3C_4$ ,  $C_5$  và  $A_1$
- $C_1C_2 = 2$  cm
- $C_1C_6 = 12$  cm
- Vẽ đường sườn trong qua các điểm  $C_1$ ,  $C_6$ ,  $B_1$ , và  $B_3$  như hình vẽ
- $BB_1$ : Ngang ống = Số đo
- Vẽ lưng quần, lai quần

### 3. Cách gia đường may và cắt:

- Sườn trong gia đường may 1,5cm
- Đáy quần gia đường may 1cm
- Lưng quần, lai quần cắt sát

### 4. Qui trình may:

- Ráp sườn trong (may lộn)
- Ráp đáy (may lộn)
- May lai quần
- May lưng quần
- Ủi thành phẩm



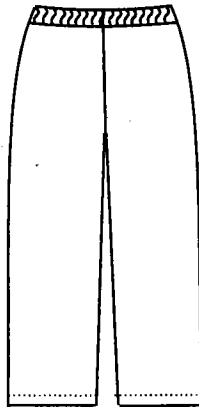
### Chương 3

## PHƯƠNG PHÁP THIẾT KẾ ĐỒ BỘ NỮ

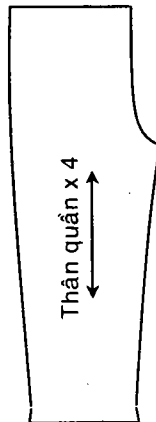
### Bài 3.1: THIẾT KẾ QUẦN ĐỒ BỘ NỮ

#### Kiểu 1 . QUẦN 4 THÂN BẰNG NHAU

##### I. HÌNH DÁNG.



##### II. CẤU TRÚC:



### III. CÁCH TÍNH VẢI:

- Khố vải 0,9 m = 2 (dài quần + lưng + lai + đường may).
- Khố vải 1,2 m = 1,5 (dài quần + lưng + lai + đường may).
- Khố vải 1,4m → 1,6 m = 1 (dài quần + lưng + lai + đường may).

### IV. NI MẪU:

- Dài quần : 98cm
- Vòng hông : 88cm
- Ngang ống : 22cm
- Vòng eo : 64cm

### V. PHƯƠNG PHÁP THIẾT KẾ:

#### 1. THÂN TRƯỚC VÀ THÂN SAU:

##### a. Cách xếp vải:

- Xếp hai biên vải trùng nhau theo chiều dọc canh sợi, hai mặt phải úp vào nhau, hai mặt trái quay ra ngoài. Biên vải quay về phía người cắt.

- Từ mép vải đo vào 2cm đường may sau khi đã cắt bỏ biên.

- Vẽ lưng phía tay phải, vẽ lai phía tay trái.

##### b. Cách vẽ:

- AB: Dài quần = số đo = 98cm
- AA<sub>2</sub> = A<sub>1</sub>A<sub>3</sub> : Lưng quần = 3,5 → 4 cm
- B<sub>2</sub>B<sub>1</sub> = B<sub>1</sub>B<sub>3</sub>: Lai quần = 3 cm

- AC: Hạ đáy trước =  $1/4$  vòng hông + 6 → 8cm
- AE: Hạ gối = số đo =  $1/2$  dài quần + 5cm = 54cm
- AD: Hạ hông =  $2/3$  AC
- CC<sub>1</sub>: Ngang đáy trước  
=  $1/4$  VMông +  $1/10$  VMông = 30,8cm
- AA<sub>1</sub>: Ngang eo =  $1/4$  vòng hông + 1cm  
= 23cm
- C<sub>1</sub>C<sub>3</sub> = Vào đáy =  $1/20$  vòng hông + 1cm
- CC<sub>2</sub> = giảm 0,5 cm
- Đường chính trung: là đường song song với biên vải, chia đôi đường ngang đáy, chia đôi đường ngang ống, chia đôi đường ngang gối.
- I là điểm giữa của CC<sub>1</sub>.
- Vẽ vòng đáy trước:
- Nối C<sub>3</sub>A<sub>1</sub> cắt đường ngang hông tại điểm C<sub>5</sub>
- Nối C<sub>1</sub>C<sub>5</sub> và chia đôi được C<sub>4</sub>
- Nối C<sub>3</sub>C<sub>4</sub> và chia đôi
- Đánh cong vòng đáy trước qua các điểm: A<sub>3</sub>, A<sub>1</sub>, C<sub>5</sub>, điểm giữa của C<sub>3</sub>C<sub>4</sub> và C<sub>1</sub>.
- Vẽ đường sườn:
- B<sub>1</sub>B<sub>2</sub> : Ngang ống = Số đo vòng ống  
= 22cm (IB<sub>1</sub> = IB<sub>2</sub>)
- Nối B<sub>2</sub>C<sub>2</sub> : đường sườn ngoài cắt đường ngang gối tại điểm E<sub>1</sub>

- Vẽ đường sườn ngoài qua các điểm:  $A_2, A, D, C_2, E_1, B_2, B_4$
- Nối  $C_1B_1$ : đường sườn trong cắt đường ngang gối tại điểm  $E_2$ .
- Vẽ đường sườn trong qua các điểm:  $C_1, E_2, B_1, B_3$ .

❖ Vẽ lai quần, lưng quần.

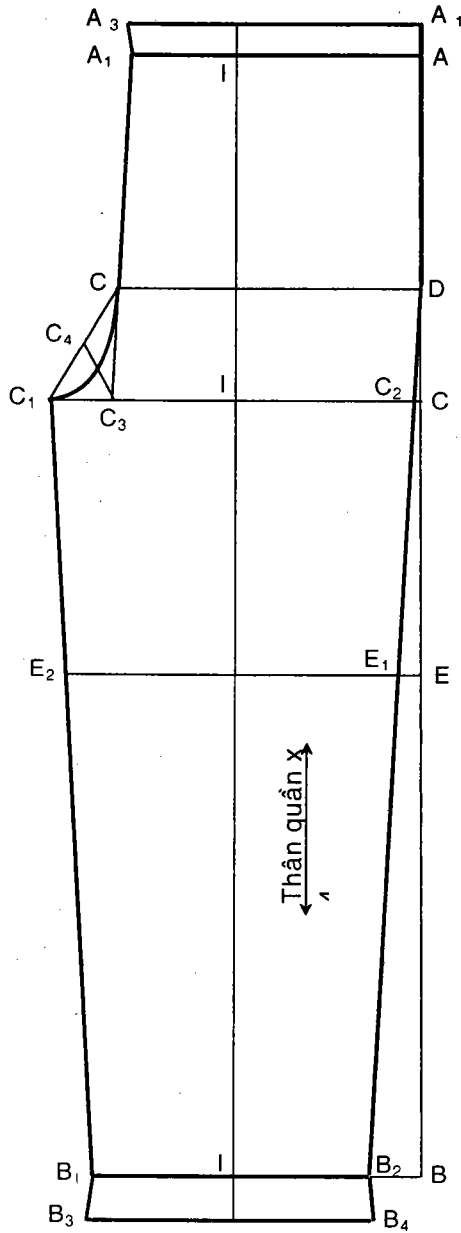
**c. Cách chừa đường may và cắt:**

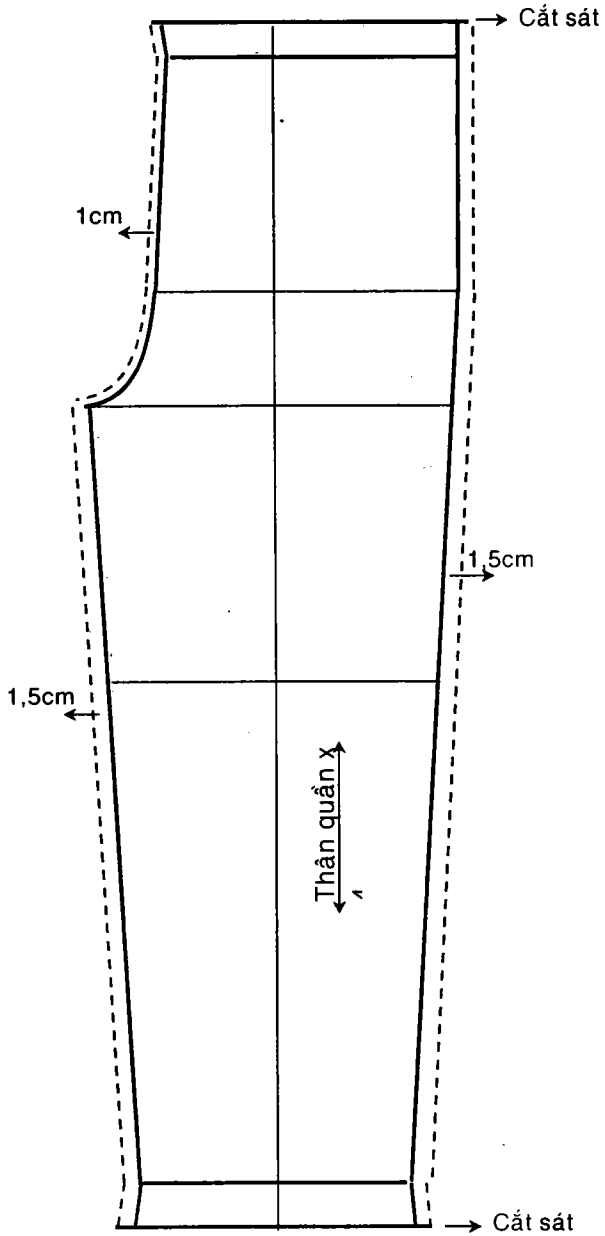
- Sườn trong, sườn ngoài gia đường may 1,5 cm.
- Vòng đáy quần chừa 1cm đường may.
- Lưng quần, lai quần cắt sát

**d. Qui trình may:**

- Vắt sổ đáy, sườn trong, sườn ngoài, lai quần.
- Lưng, lai tùy theo cách may có thể có vắt sổ hoặc không.
- Ráp sườn ngoài → ủi rẽ
- Ráp sườn trong → ủi rẽ
- Ráp đáy (may 2 đường chồng khít lên nhau) → ủi rẽ
- May lưng, may lai hoặc vắt lai
- Ủi thành phẩm.



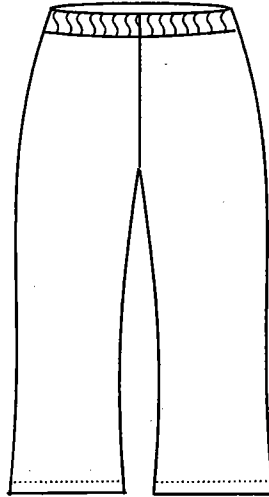




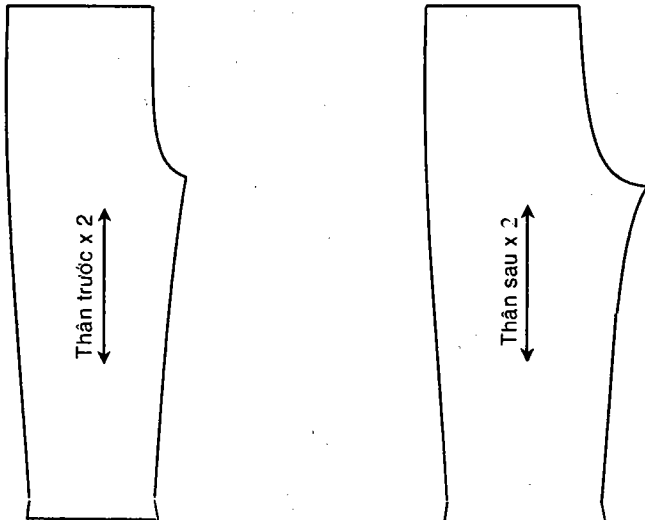
## Bài 3.2 : THIẾT KẾ QUẦN ĐỒ BỘ NỮ

**Kiểu 2 : QUẦN THÂN TRƯỚC VÀ THÂN SAU KHÁC NHAU**

### I. HÌNH DÁNG:



### II. CẤU TRÚC: Gồm



### III. CÁCH TÍNH VẢI:

- Khố vải 0,9 m = 2 (dài quần + lưng + lai + đường may)
- Khố vải 1,2 m = 1,5 (dài quần + lưng + lai + đường may)
- Khố vải 1,4m → 1,6 m = 1 (dài quần + lưng + lai + đường may)

### IV. NI MẪU:

- Dài quần : 98cm
- Vòng hông : 88cm
- Ngang ống : 22cm

### V. PHƯƠNG PHÁP THIẾT KẾ:

#### 1. THÂN TRƯỚC:

##### a. Cách xếp vải:

- Xếp hai biên vải trùng nhau theo chiều dọc canh sợi, hai mặt phải úp vào nhau, hai mặt trái quay ra ngoài. Biên vải quay về phía người cắt

- Từ mép vải đo vào 2cm đường may sau khi đã cắt bỏ biên

- Vẽ lưng phía tay phải, vẽ lai phía tay trái

##### b. Cách vẽ:

- AB: Dài quần = số đo = 98 cm

- AA<sub>2</sub> = A<sub>1</sub>A<sub>3</sub>: Lưng quần = Thành phẩm thun + 1cm đường may = 3,5 → 4cm

- B<sub>2</sub>B<sub>4</sub> = B<sub>1</sub>B<sub>3</sub> : Lai quần = 3cm

- AC : Hạ đáy trước =  $1/4$  vòng hông + 5 →  
6 cm = 28 cm
- AE: Hạ gõi = số đo =  $1/2$  dài quần + 5cm  
= 54 cm
- AD: Hạ hông =  $2/3$  AC
- AA<sub>1</sub>: Ngang eo trước =  $1/4$  vòng hông + 0,5cm  
= 22,5 cm
- CC<sub>1</sub>: Ngang đáy trước =  $1/4$  vòng hông + 5 →  
6 cm = 28 cm
- C<sub>1</sub>C<sub>3</sub>: Vào đáy trước =  $1/20$  hông = 4,5 cm
- CC<sub>2</sub> = giảm 0,5 cm
- Đường chính trung: là đường song song với biên vải, chia đôi đường ngang đáy, chia đôi đường ngang ống, chia đôi đường ngang gõi
- I là đường giữa của CC<sub>1</sub>
- Vẽ vòng đáy trước:
- Nối C<sub>3</sub>A<sub>1</sub> cắt đường ngang hông tại điểm C<sub>5</sub>
- C<sub>4</sub> là điểm giữa của C<sub>1</sub>C<sub>5</sub>
- Nối C<sub>3</sub>C<sub>4</sub> và chia đôi
- Đánh cong vòng đáy trước qua các điểm: A<sub>3</sub>, A<sub>1</sub>, C<sub>5</sub>, điểm giữa của C<sub>3</sub>C<sub>4</sub> và C<sub>1</sub>
- ❖ Vẽ đường sườn:
- B<sub>1</sub>B<sub>2</sub>: Ngang ống trước = ngang ống - 2cm  
= 20 cm ( IB<sub>1</sub> = IB<sub>2</sub> )

- Nối  $B_2C_2$ : Đường sườn ngoài cắt đường ngang gối tại điểm  $E_1$
  - Vẽ đường sườn ngoài qua các điểm:  $A_2$  , A, D,  $C_2$  ,  $E_1$  ,  $B_2$  ,  $B_4$
  - Nối  $C_1B_1$ : Đường sườn trong cắt đường ngang gối tại điểm  $E_2$
  - Vẽ đường sườn trong qua các điểm :  $C_1$  ,  $E_2$  ,  $B_1$ ,  $B_3$
- ❖ Vẽ lai quần, lưng quần

## 2. THÂN SAU:

### a. Cách xếp vải:

- Đặt thân trước lên phần vải còn lại để vẽ thân sau. Khi đặt thân trước lên để sang dấu chú ý đặt sao cho đường chính trung thân trước phải đúng canh sợi dọc

### b. Cách vẽ:

- Sang dấu lại các đường: Đường ngang eo, đường ngang hông, đường ngang đáy, đường ngang gối, đường ngang ống, đường chính trung, đường giàn trong, đường giàn ngoài
- Đường sườn ngoài: Từ các điểm A,  $A_2$  , D,  $C_4$ ,  $E_1$ ,  $B_2$  ,  $B_4$  ta ra đều 2 cm
- Đường sườn trong: Từ các điểm  $E_2$ ,  $B_1$ ,  $B_3$  ta ra đều 2 cm.

- $B'_1B'_2$  : Ngang ống sau = Số đo ngang ống +  
2 cm = 24 cm
- $A'A_1$  : Ngang eo sau =  $1/4$  vòng hông +  
0,5 cm = 22,5 cm
- $C'_2C_3$  : Ngang đáy sau =  $1/4$  vòng hông + 2cm  
= 24 cm
- $C_1C_3 = C_2C_3$  : Vào đáy sau =  $1/10$  vòng hông  
= 8,8 cm
- $C_1C_6 = 1 \rightarrow 1,5$ cm

❖ **Vẽ vòng đáy sau:**

- Nối  $A_1C_3$  cắt đường ngang hông tại điểm  $C_5$
- $C_4$  là điểm giữa của  $C_3C_5$
- Nối  $C_3C_4$  và chia đôi
- Đánh cong vòng đáy sau qua các điểm:  $A_3, A_1,$   
 $C_5$ , điểm giữa của  $C_3C_4$ , và  $C_1$

❖ **Vẽ đường sườn**

- Vẽ đường sườn ngoài qua các điểm:  $A'_2, A',$   
 $D', C'_2, E'_1, B'_2, B'_4$
- Nối  $E'_2C_1$  và đánh cong lõm vào ở điểm  
giữa 1 cm
- Vẽ đường sườn trong qua các điểm :  $C_1, E'_2,$   
 $B'_1$  và  $B'_3$

❖ **Vẽ lai quần, lưng quần**

### 3. CÁCH CHỮA ĐƯỜNG MAY VÀ CẮT:

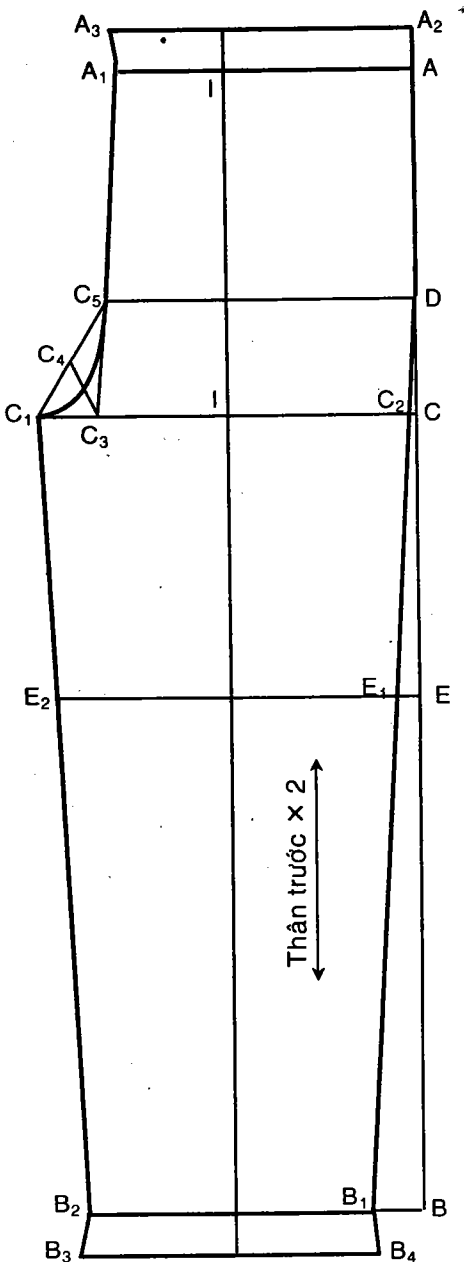
- Sườn trong, sườn ngoài gia đường may 1,5 cm

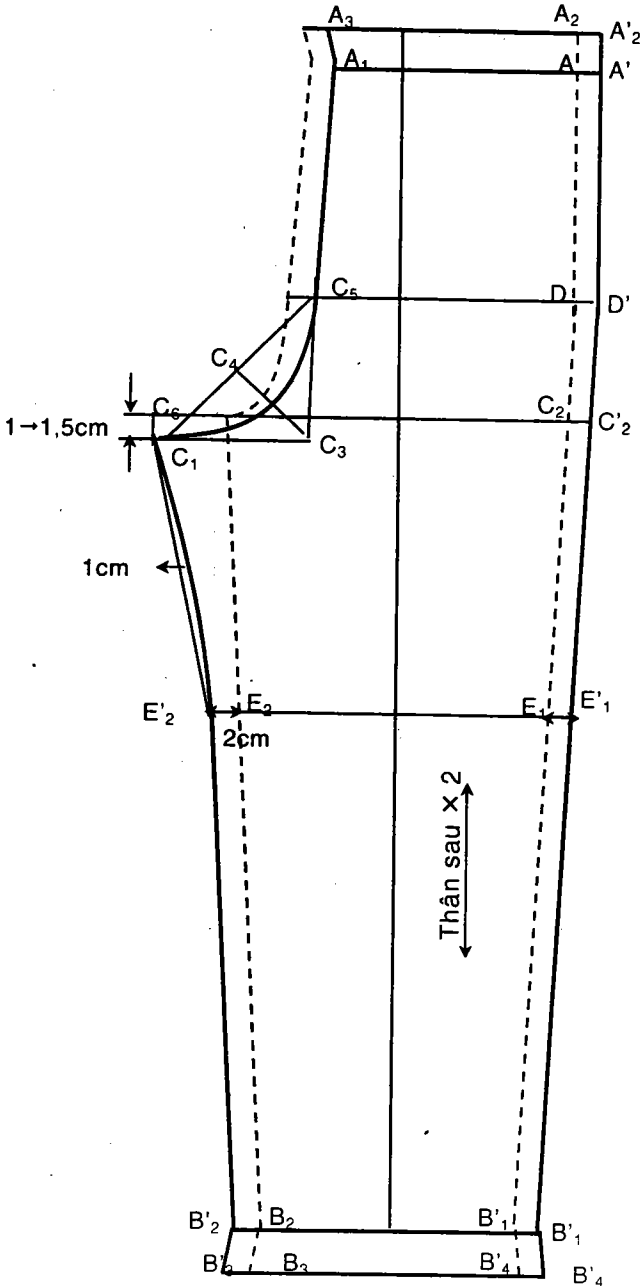
- Đáy quần gia đường 1cm đường may
- Lưng quần, lai quần cắt sát

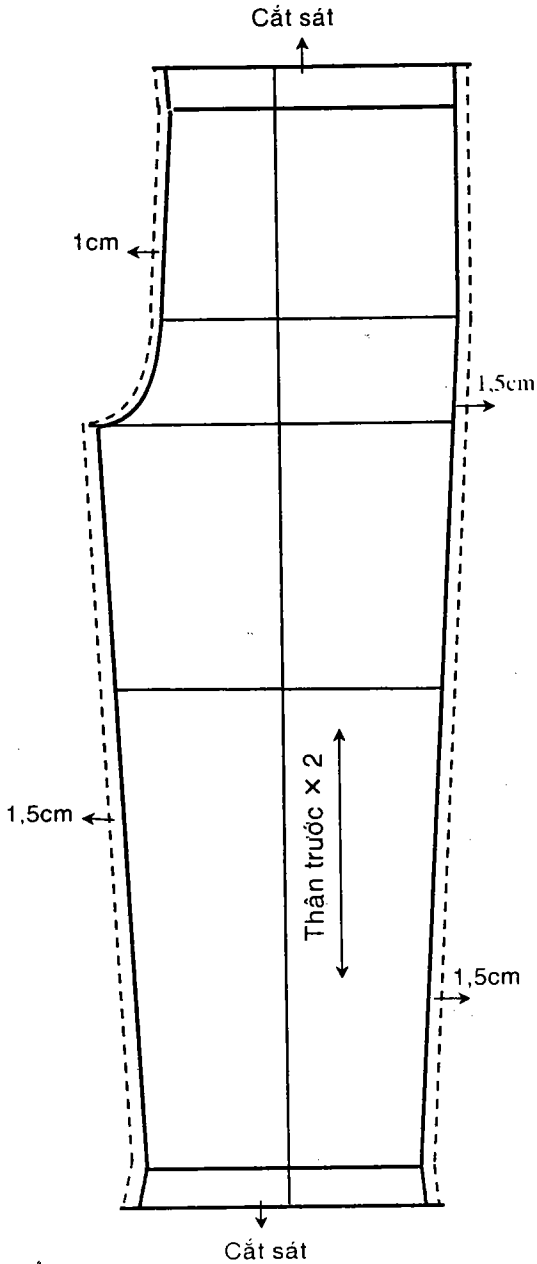
#### 4. QUI TRÌNH MAY:

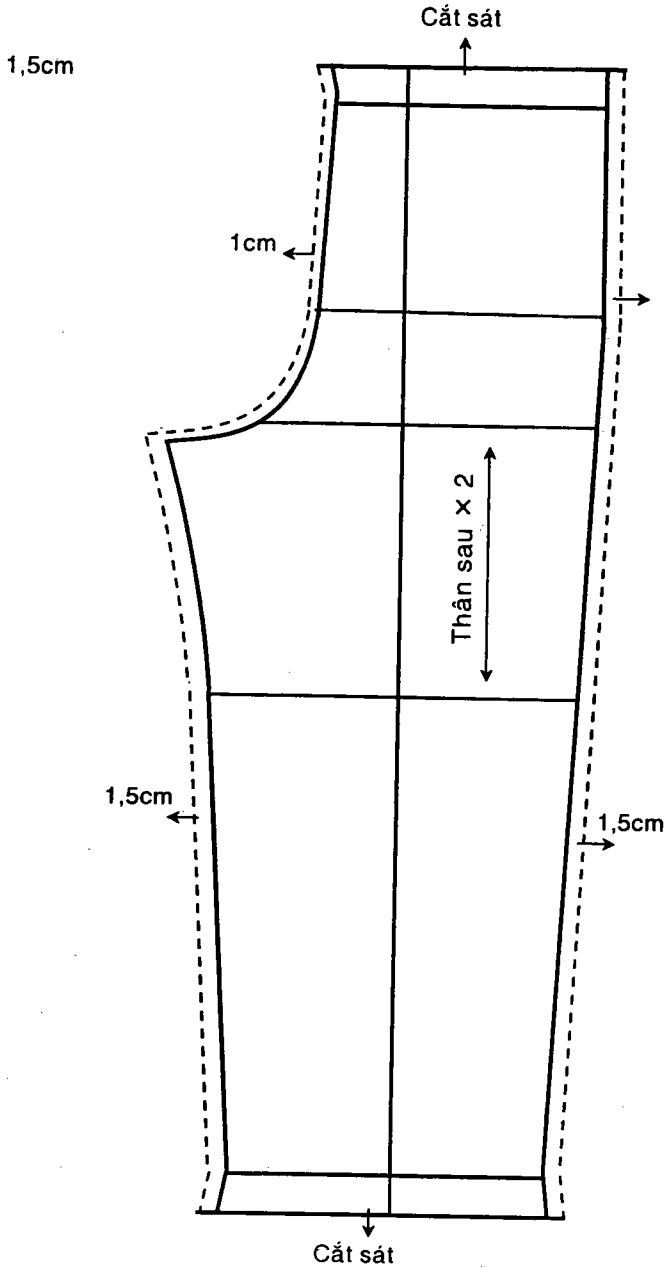
- Vắt sổ đáy, sườn trong, sườn ngoài.
- Lưng, lai tùy theo cách may có thể có vắt sổ hoặc không.
- Ráp sườn ngoài → ủi rẽ
- Ráp sườn trong → ủi rẽ
- Ráp đáy (may 2 đường chồng khít lên nhau)  
→ ủi rẽ
- May lưng, may lai
- Ủi thành phẩm





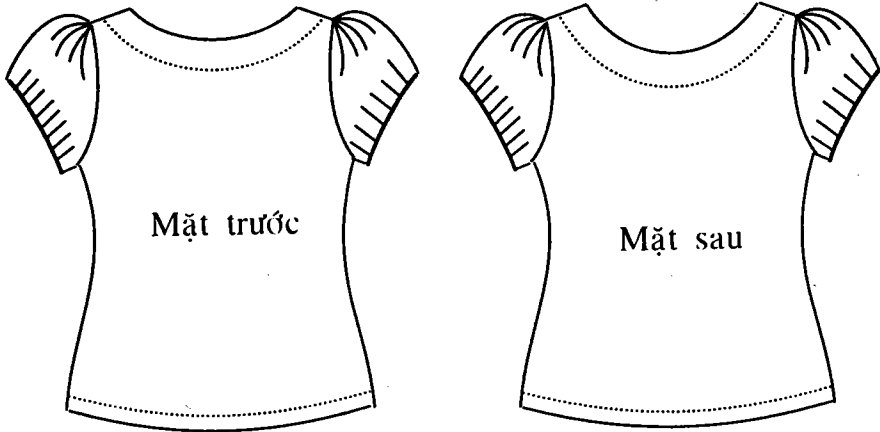




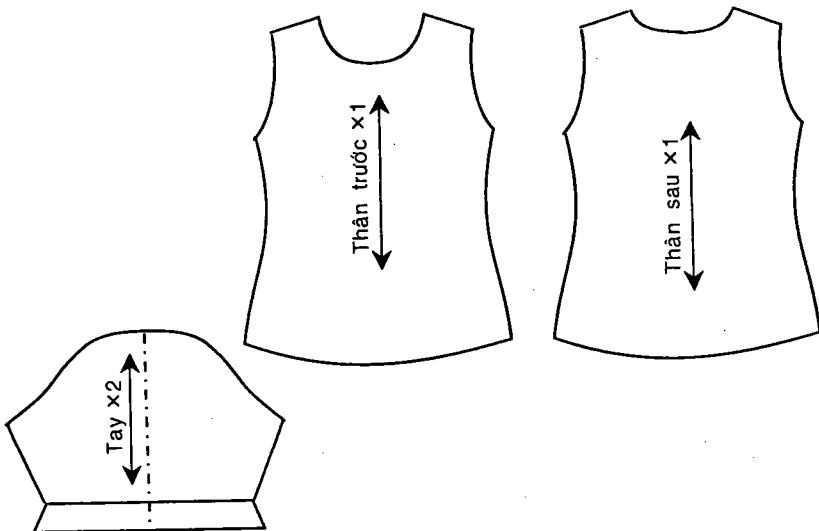


## Bài 3.3 : THIẾT KẾ ÁO NỮ CẮN BẰN

### I. HÌNH DẠNG:



### II. CẤU TRÚC:



### III. CÁCH TÍNH VẢI:

- Khố vải 0,9m :
  - + Tay ngắn = 2 (dài áo + lai + đường may)
  - + Tay dài = 1 dài áo + 2 dài tay + lai + đường may
- Khố vải 1,2m = 1 dài áo + 1 dài tay + lai + đường may
- Khố vải 1,4m → 1,6m :
  - + Tay ngắn = 1 dài áo + 20cm.
  - + Tay dài = 2 dài tay

### IV. NI MẪU:

- Dài áo : 60cm
- Ngang vai : 36cm
- Dài tay : 22cm
- Vòng cổ : 33cm
- Vòng nách : 36cm
- Vòng ngực : 80cm
- Vòng hông : 88cm
- Hạ eo : 36cm

### V. PHƯƠNG PHÁP THIẾT KẾ:

#### 1. THÂN TRƯỚC:

##### a. Cách xếp vải:

- Xếp hai biên vải trùng nhau theo chiều dọc canh sợi, hai mặt phải úp vào nhau, hai mặt trái quay ra ngoài. Biên vải quay về phía người cắt

- Từ mép vải bên biên vải đo vào  $3 \rightarrow 4$  cm làm đỉnh áo (sau khi đã cắt bỏ biên). Từ đường đỉnh đo vào 1,5 cm làm đường gài nút.

- Vẽ cổ phía tay phải, vẽ lai phía tay trái

### b. Cách vẽ:

- AB : Dài áo trước = số đo -  $1 \rightarrow 2$  cm chòm vai
- $BB_3$  : Sa vạt =  $1 \rightarrow 1,5$  cm
- AC : Ngang vai trước =  $1/2$  vai - 0,5 cm
- $CC_1$  : Hạ vai trước =  $1/10$  vai + 0,5 cm = 4 cm

### ❖ Vẽ vòng cổ:

- $AA_1$  : Vào cổ trước =  $1/6$  vòng cổ
- $AA_2 = A_1A_3$  : Hạ cổ trước =  $1/6$  vòng cổ + 1,5 cm
- Nối  $A_1A_2$  được  $A_4$
- Vẽ vòng cổ qua  $A_1$ , điểm giữa  $A_3A_4$  và  $A_2$

### ❖ Vẽ vòng nách:

- $C_1D_2$  : Hạ nách trước =  $1/2$  vòng nách -  $1 \rightarrow 2$  cm (chòm vai)
- $DD_1$  : Ngang ngực trước =  $1/4$  vòng ngực + 2 cm
- Nối  $C_1D_2$ .  $C_1D_2 \perp AC$
- $D_2D_3$  : Vào nách tay =  $2 \rightarrow 2,5$  cm
- $D_4$  là điểm giữa của  $C_1D_3$
- $D_5$  là điểm giữa của  $D_1D_4$

- Đánh cong vòng nách trước từ  $C_1$  qua  $D_4$ , điểm giữa của  $D_3D_5$  và  $D_1$

❖ **Vẽ sườn thân + lai áo:**

- AE: Hạ eo trước = Số đo – chòm vai
- Hoặc  $DE = 13 \rightarrow 15\text{cm}$  (tính từ đường ngang ngực)
- $EE_1$ : Ngang eo trước = Ngang ngực – 2cm
- Hoặc Ngang eo trước =  $1/4 V.eo + 3\text{cm (pen)} + 1 \rightarrow 1,5\text{cm}$  (cử động)
- $BB_1$ : Ngang hông trước =  $1/4$  vòng hông + 2cm.
- $B_1B_2$ : Giảm sườn =  $0,5 \rightarrow 1\text{cm}$
- Đánh cong lõm đoạn  $D_1E_1$  vào 0,5 cm
- Chia  $E_1B_1$  làm 3 phần bằng nhau và đánh cong lồi 0,3 cm.
- Chia đường ngang hông  $BB_1$  làm 3 phần bằng nhau và đánh cong lồi ở điểm  $1/3$  thứ nhất gần điểm  $B_1$
- Vẽ đường sườn qua các điểm  $D_1, E_1, B_2$

**2. THÂN SAU:**

**a. Cách xếp vải:**

- Từ ngoài mép vải đo vào bằng ngang hông thân trước cộng  $1,5 \rightarrow 2\text{cm}$  đường may, xếp đôi vải bề trái quay ra ngoài
- Đặt thân trước lên phần vải để vẽ thân sau
- Sang dấu lại các đường : ngang hông, ngang ngực, ngang eo.



- Vẽ lai phía tay trái, vẽ cổ phía tay phải

**b. Cách vẽ:**

- AB: Dài áo sau = Dài áo thân trước + 2 lần chồm vai
- Hoặc: Dài áo sau = Sđ + 1 → 2cm chồm vai
- AC: Ngang vai sau = 1/2 vai + 0,5cm
- CC<sub>1</sub>: Hạ vai sau = 1/10 vai + 0,5cm = 4 cm

❖ **Vẽ vòng cổ:**

- AA<sub>1</sub>: Vào cổ sau = 1/6VC + 1cm
- AA<sub>2</sub> = A<sub>1</sub>A<sub>3</sub> : Hạ cổ sau = Chồm vai + 1cm
- A<sub>4</sub> là điểm giữa A<sub>2</sub>A<sub>3</sub>
- Đánh cong vòng cổ sau qua điểm A<sub>1</sub>, điểm giữa A<sub>5</sub> A<sub>3</sub> , A<sub>4</sub> và A<sub>2</sub>

❖ **Vẽ vòng nách:**

- C<sub>1</sub>D<sub>2</sub>: Hạ nách sau = 1/2 vòng nách + 1 → 2 chồm vai
- DD<sub>1</sub>: Ngang ngực sau = 1/4 vòng ngực + 2cm
- D<sub>2</sub>D<sub>3</sub>: Vào nách tay = 1,5cm
- D<sub>4</sub> là điểm giữa của C<sub>1</sub>D<sub>3</sub>
- D<sub>5</sub> là điểm giữa của D<sub>1</sub>D<sub>4</sub>
- Đánh cong vòng nách sau qua các điểm C<sub>1</sub>, D<sub>4</sub>, điểm giữa của D<sub>5</sub>D<sub>3</sub> và D<sub>1</sub>

❖ **Vẽ sườn thân + lai áo:**

- AE : Số đo hạ eo + chồm vai
- Hoặc DE= 13 → 15cm (tính từ đường ngang ngực)

- $EE_1$ : Ngang eo sau = Ngang eo trước
- $BB_1$ : Ngang hông sau =  $1/4$  Vòng hông + 2 cm
- $B_1B_2$ : Giảm sườn = 0,5 → 1cm
- Đánh cong lõm đoạn  $D_1E_1$  vào 0,5 cm
- Chia  $E_1B_1$  làm 3 phần bằng nhau và đánh cong lồi 0,3 cm
- Vẽ đường lai áo thân sau như hình vẽ
- Vẽ đường sườn thân sau từ các điểm  $D_1, E_1, B_2$

### 3. VẼ TAY ÁO:

#### a. Cách xếp vải:

- Từ biên vải đo vào ( $1/2$  vòng nách + 0,5 → 1cm + 1,5cm đường may). Xếp đôi vải, bề mặt úp vào trong, bề trái quay ra ngoài, đường vải xếp quay vào trong người cắt
- Vẽ lai phía tay trái, vẽ vòng nách phía tay phải người cắt

#### b. Cách vẽ:

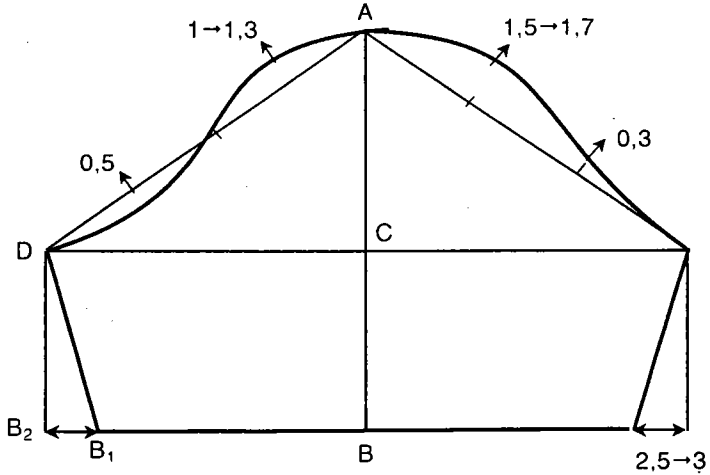
- AB: Dài tay = Số dài tay
- AC: Hạ nách tay =  $1/10$  vòng ngực + 3 → 4cm
- CD: Ngang nách tay =  $1/2$  vòng nách + 0 → 1cm
- AD =  $1/2$  (vòng nách trước + vòng nách sau).
- **Chú ý do đường cong vòng nách trước, vòng nách sau trên thân áo.**
- $BB_1$ : Cửa tay = Ngang nách tay - 2,5 → 3 cm

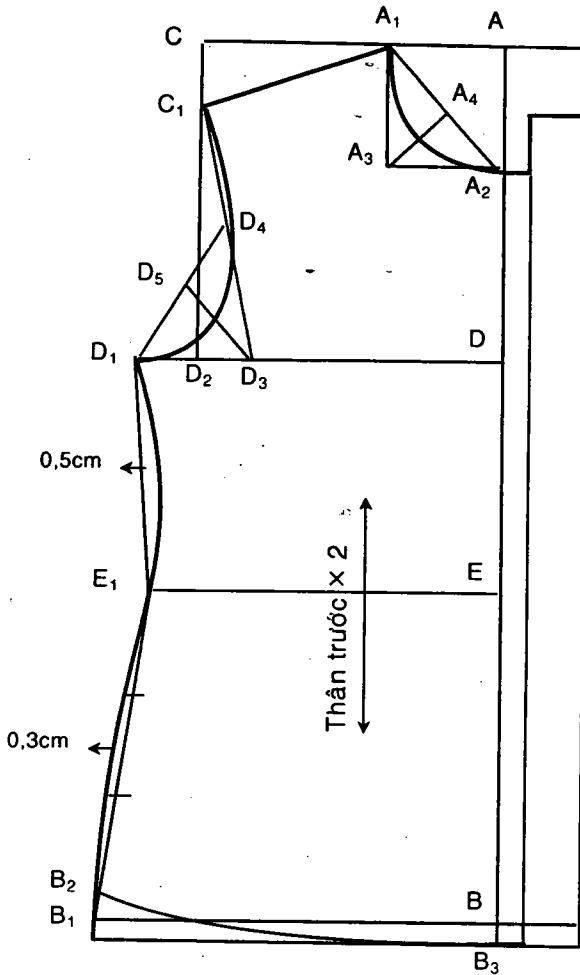
- Hoặc  $B_1B_2 = 2,5 \rightarrow 3 \text{ cm}$

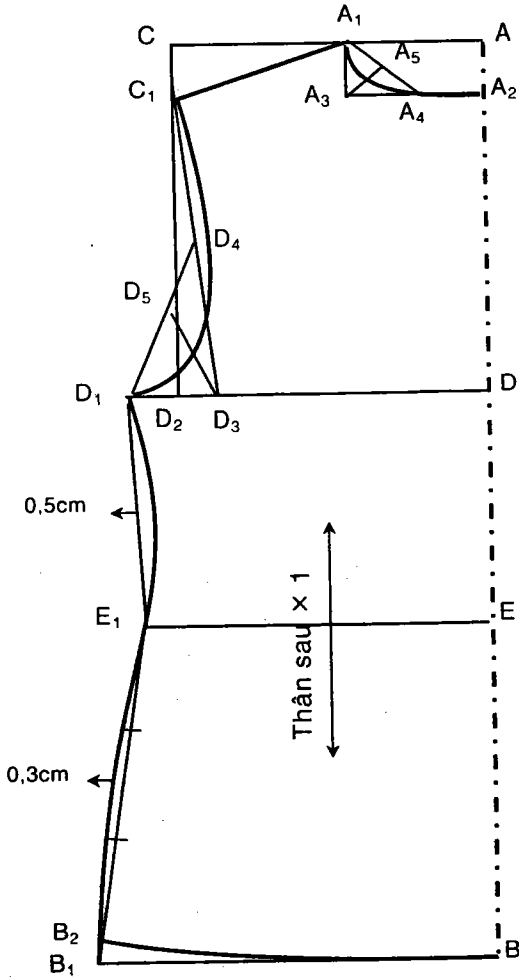
**4. CÁCH CHỪA ĐƯỜNG MAY VÀ CẮT:**

- Sườn áo, vai con gia đường may 1,5 cm
- Lai áo gia đường may 2 cm
- Nách áo chừa 1cm đường may
- Vòng cổ gia đường may

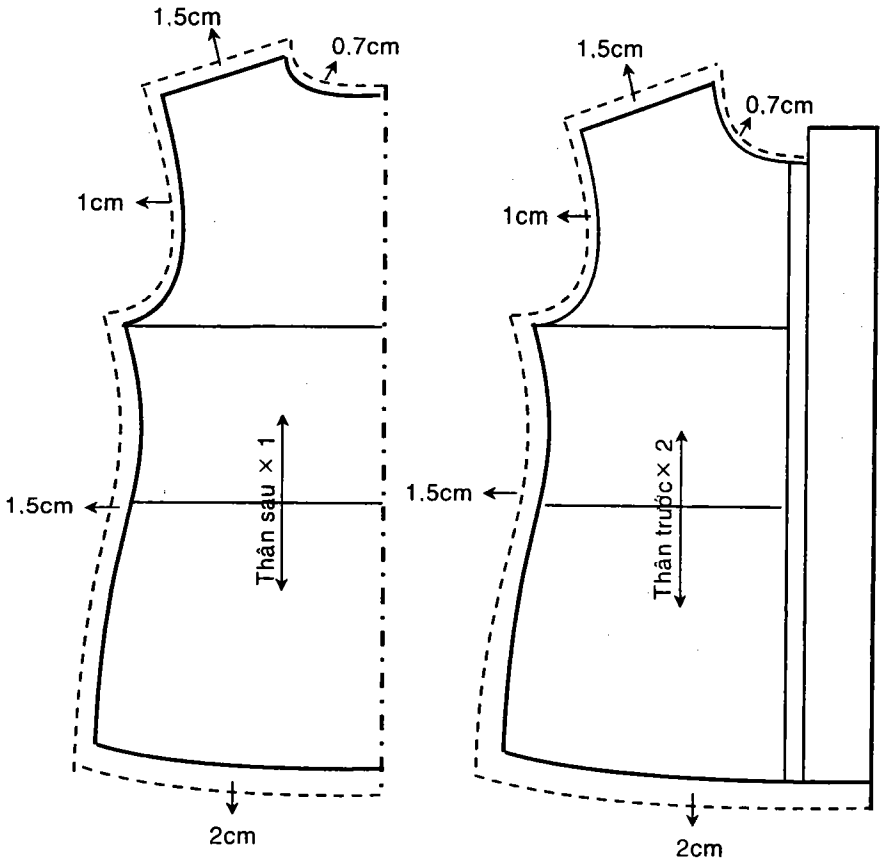
**❖ THÀNH PHẨM TAY ÁO**



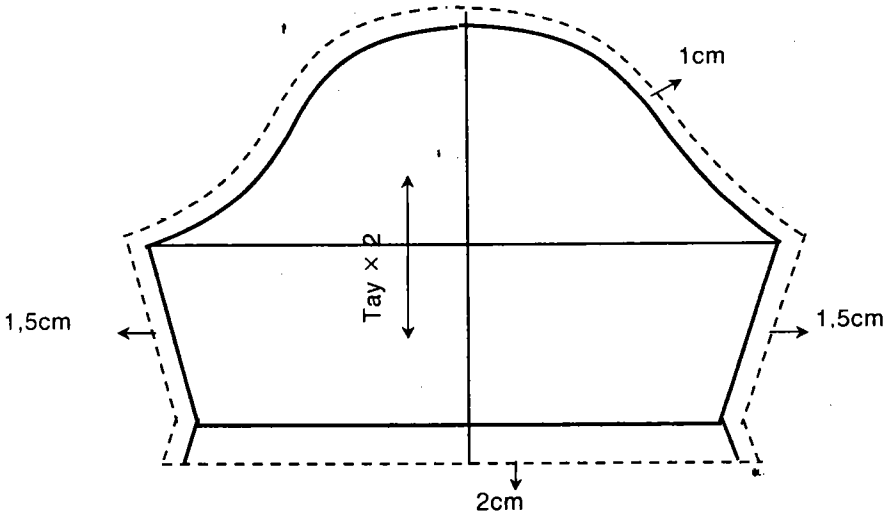
❖ **THÀNH PHẨM THÂN TRƯỚC, THÂN SAU**



## ❖ BẢN THÀNH PHẨM THÂN TRƯỚC, THÂN SAU

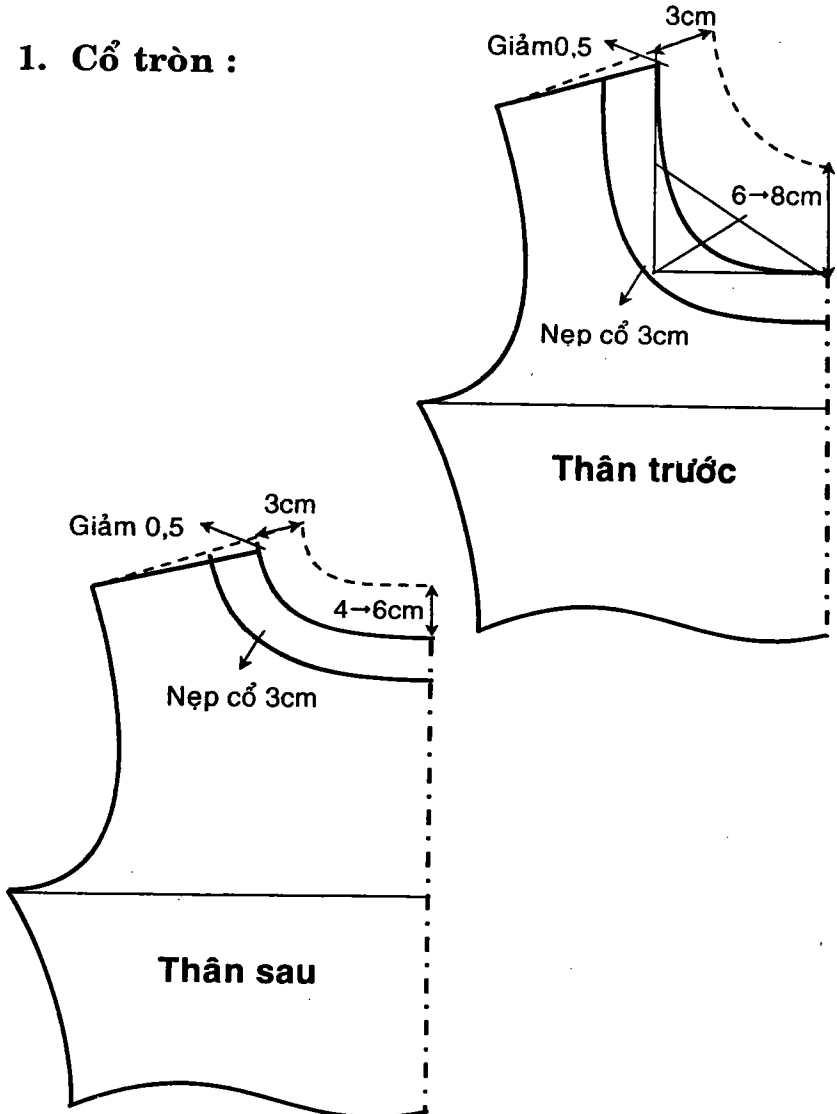


❖ **BÁN THÀNH PHẨM TAY ÁO**



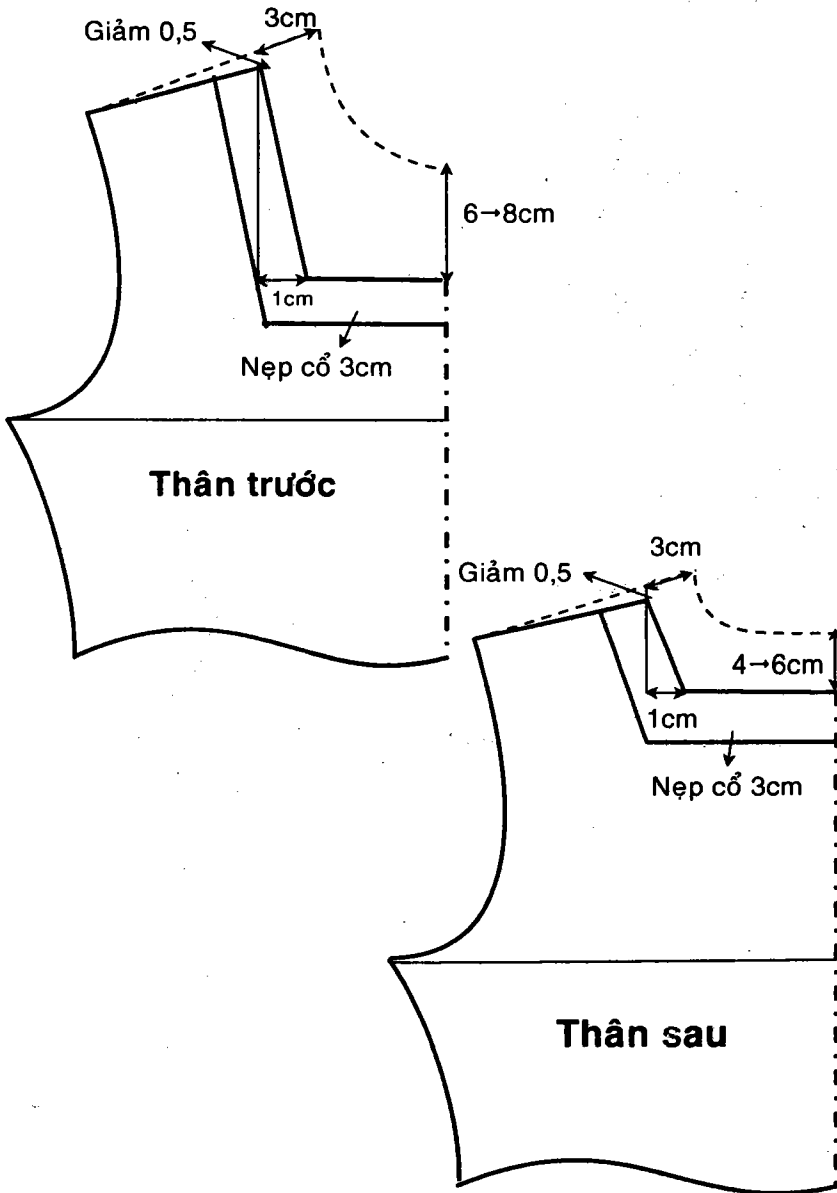
## Bài 3.4: PHƯƠNG PHÁP THIẾT KẾ CÁC DẠNG CỔ ÁO

### 1. Cổ tròn :

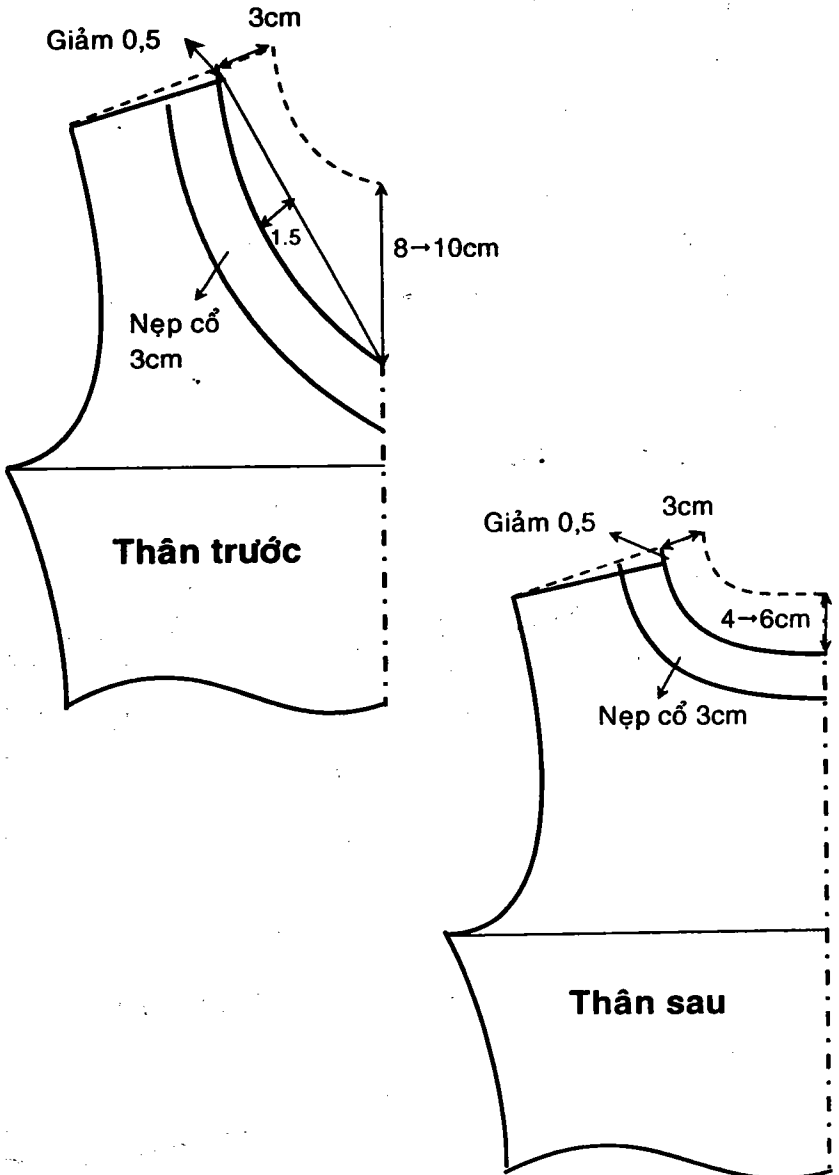




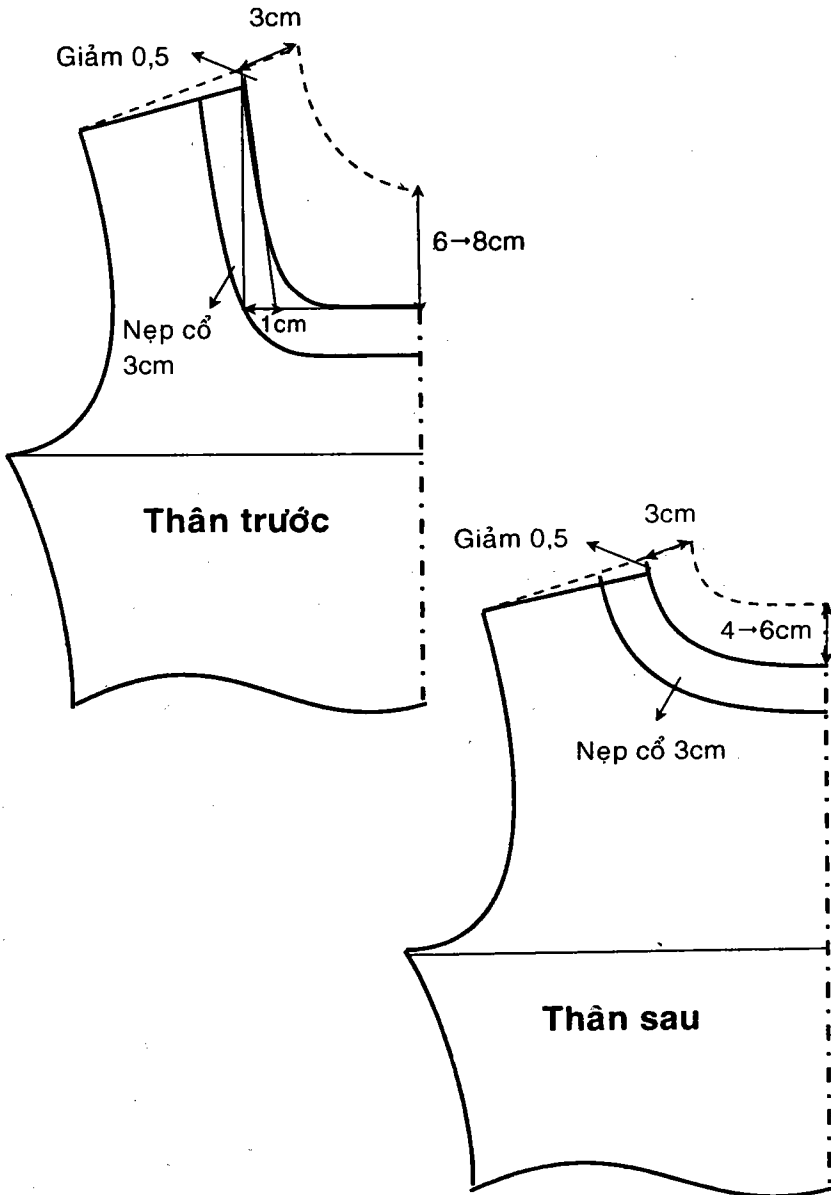
## 2. Cổ vuông :



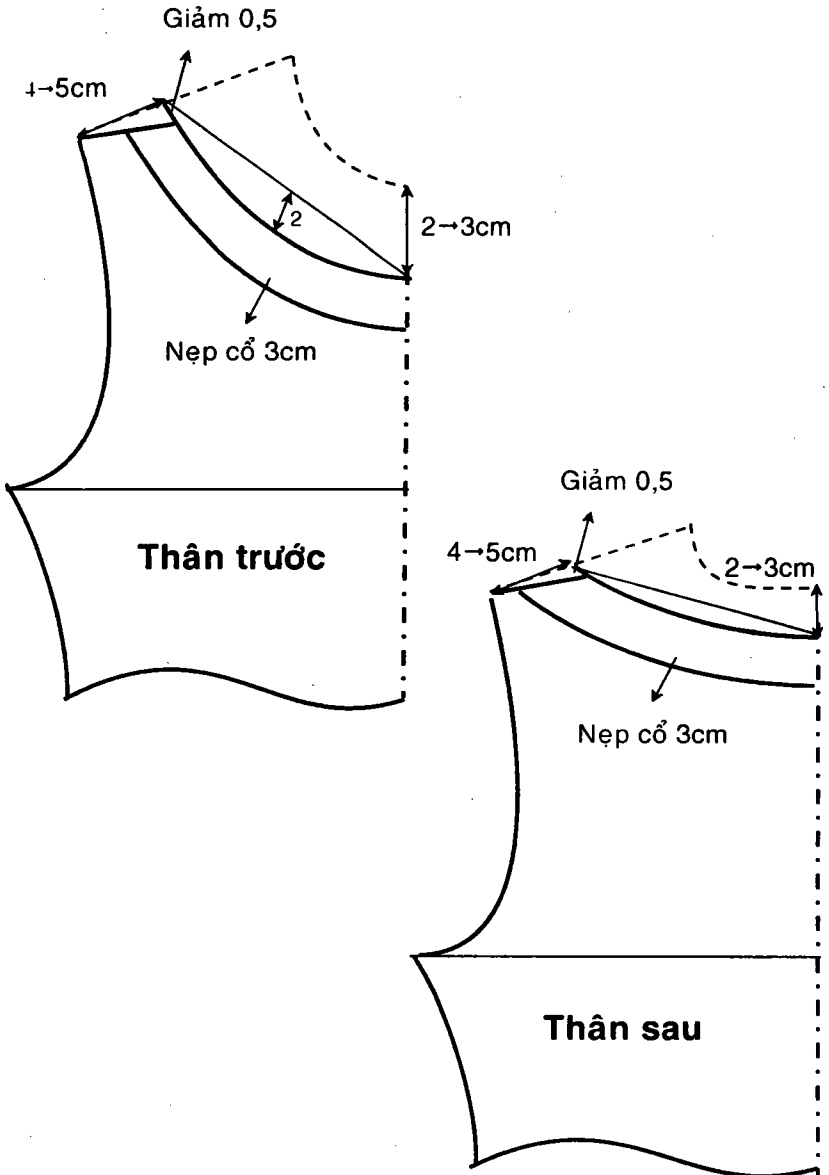
### 3. Cổ trái tim :



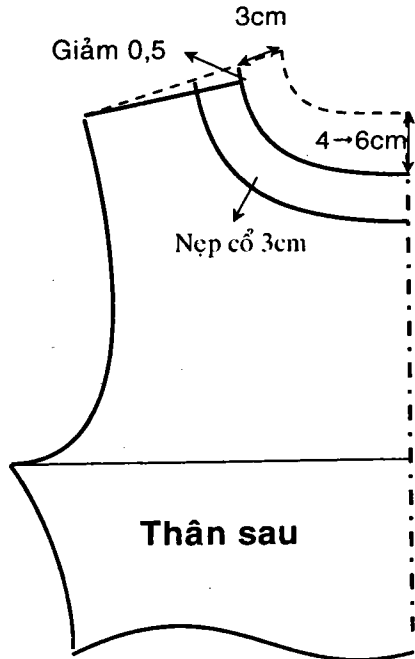
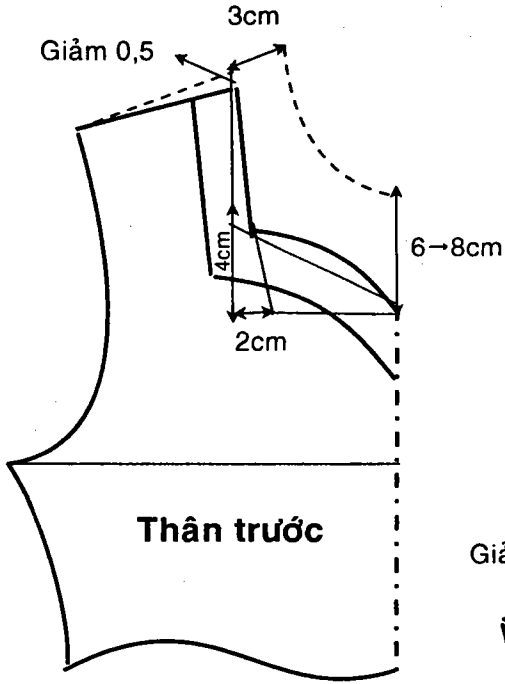
### 4. Cổ chữ U :



### 5. Cổ thuyền :



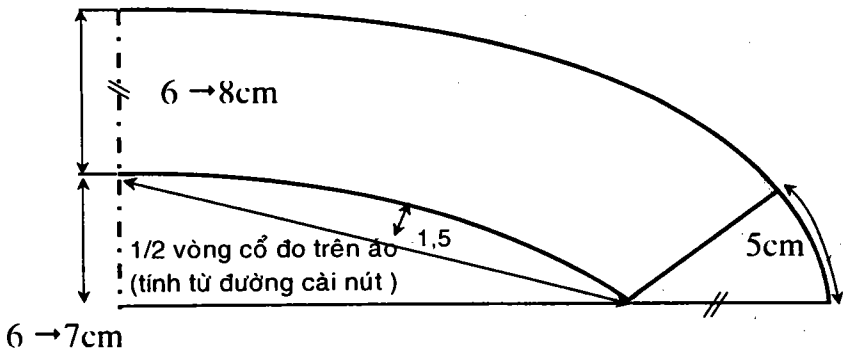
### 6. Cổ lục giác :



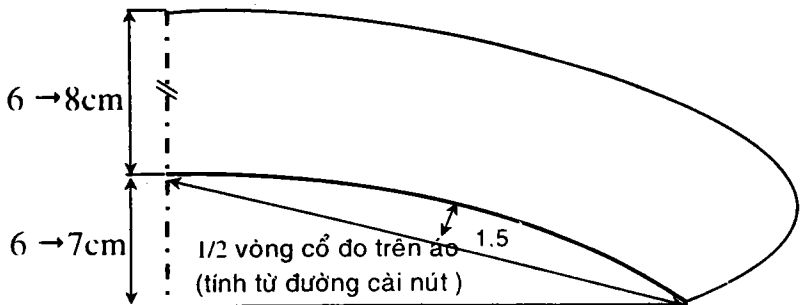
## Bài 3.5 : PHƯƠNG PHÁP THIẾT KẾ CÁC DẠNG BÂU ÁO

### 1. Cổ lá sen đứng :

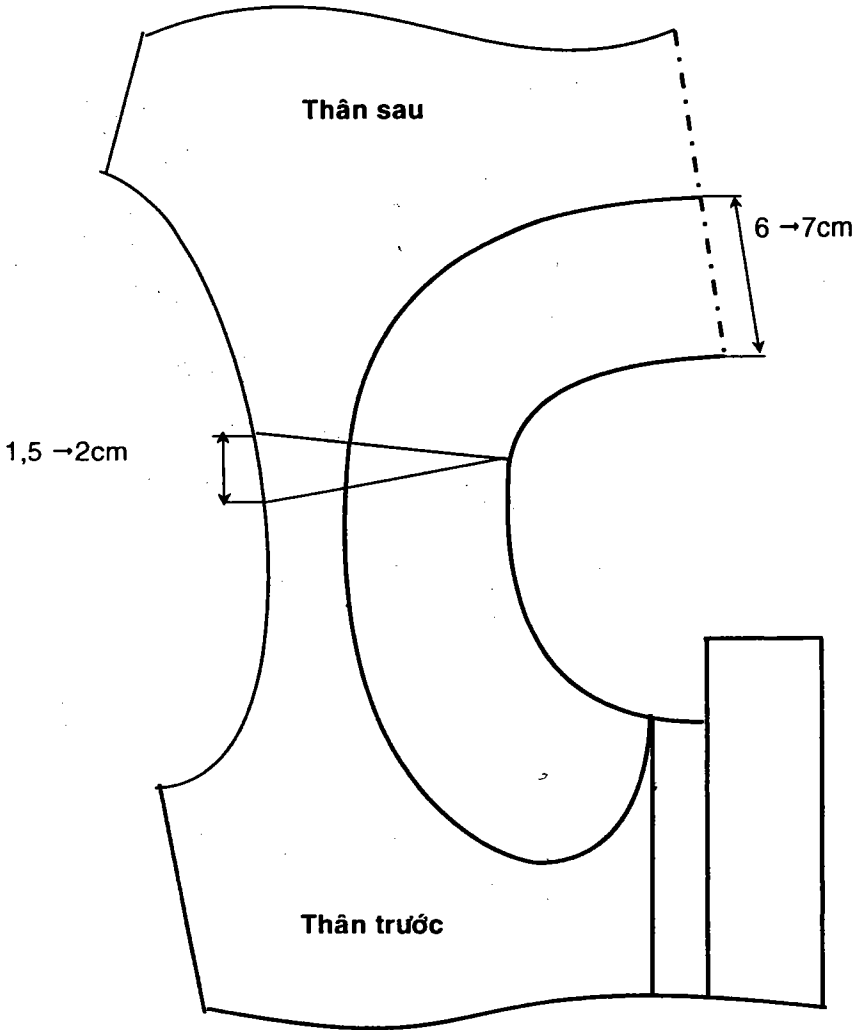
#### ❖ Cổ lá sen đứng vuông



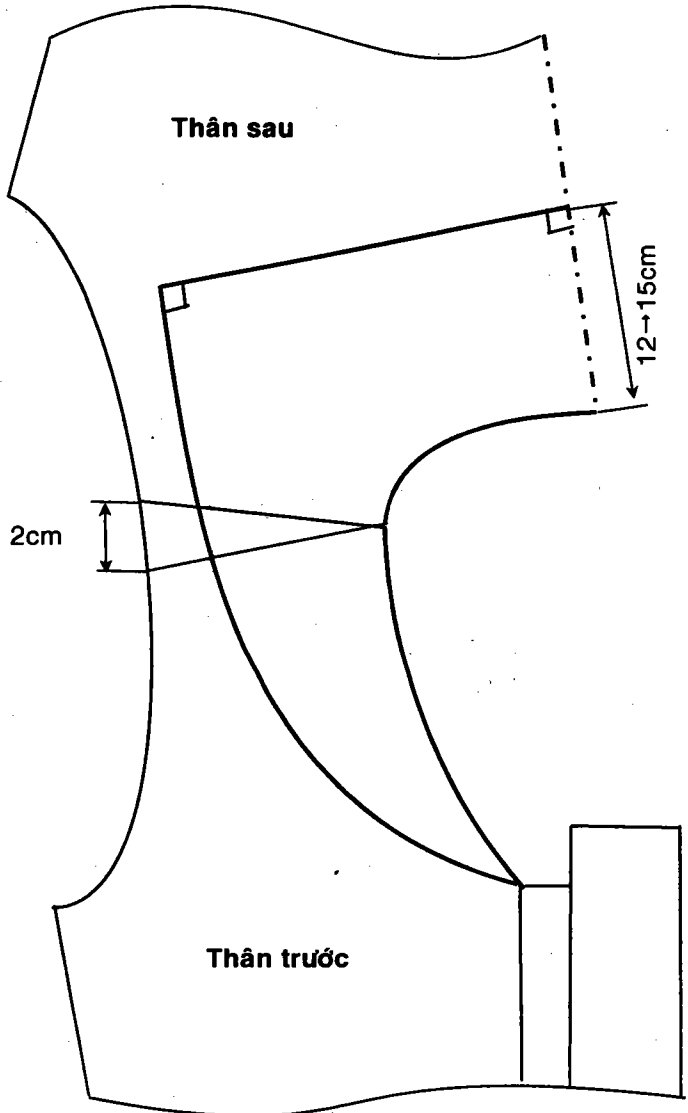
#### ❖ Cổ lá sen đứng tròn



2. Cổ lá sen nằm :

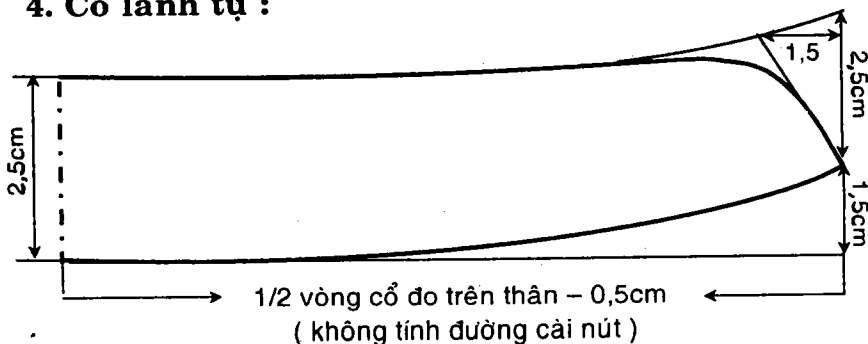


### 3. Cổ lĩnh thủy :





**4. Cổ lãnh tụ :**



**5. Cắt dây viền : Dây viền là vải xéo 45°**

❖ **Dây viền tròn chiếc**

- Chiều dài = chiều dài thành phẩm + đường may 2 đầu
- Chiều rộng = thành phẩm viền + 0,3 cm đường may + 0,1cm

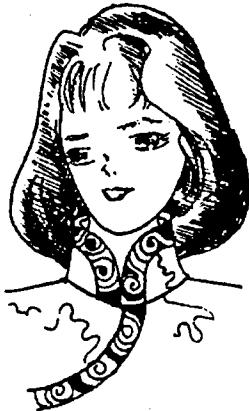
❖ **Dây viền tròn đôi**

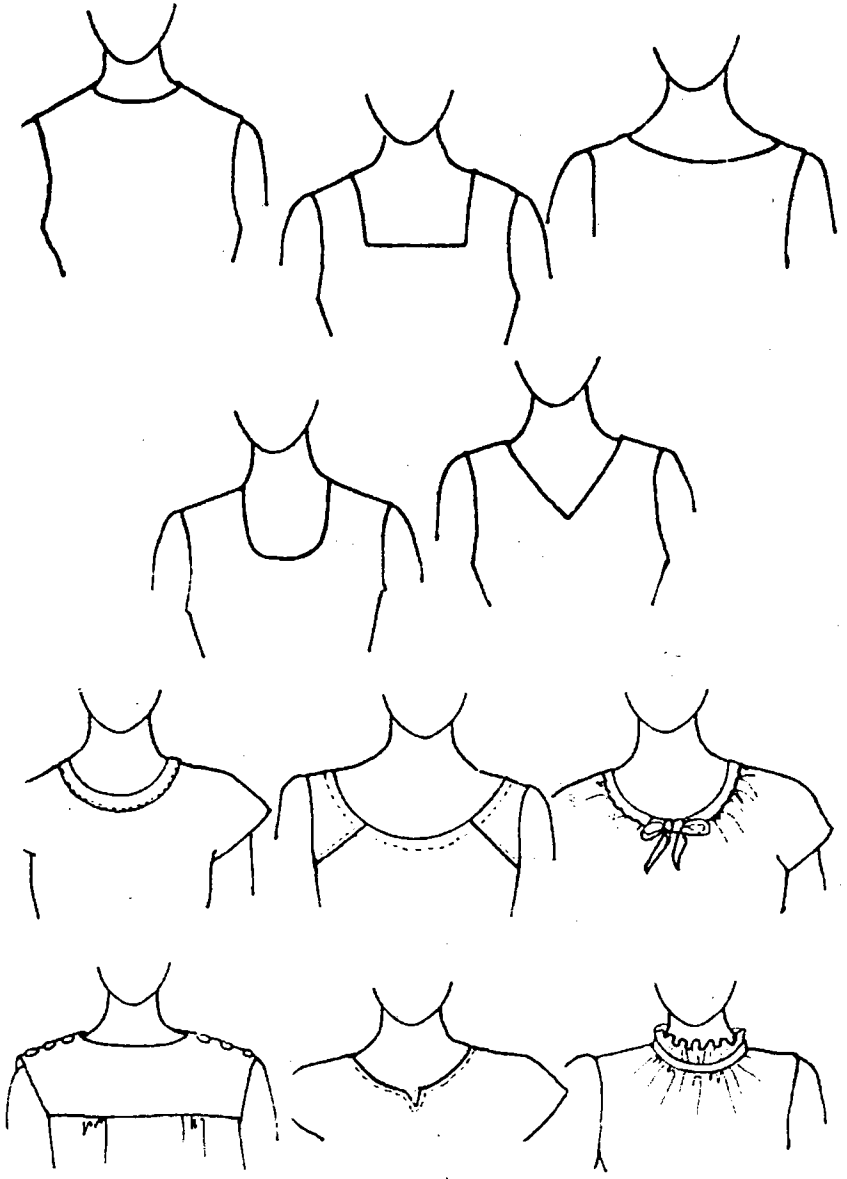
- Chiều dài = chiều dài thành phẩm + đường may 2 đầu
- Chiều rộng = 2 (thành phẩm viền + 0,3 cm đường may + 0,1cm)

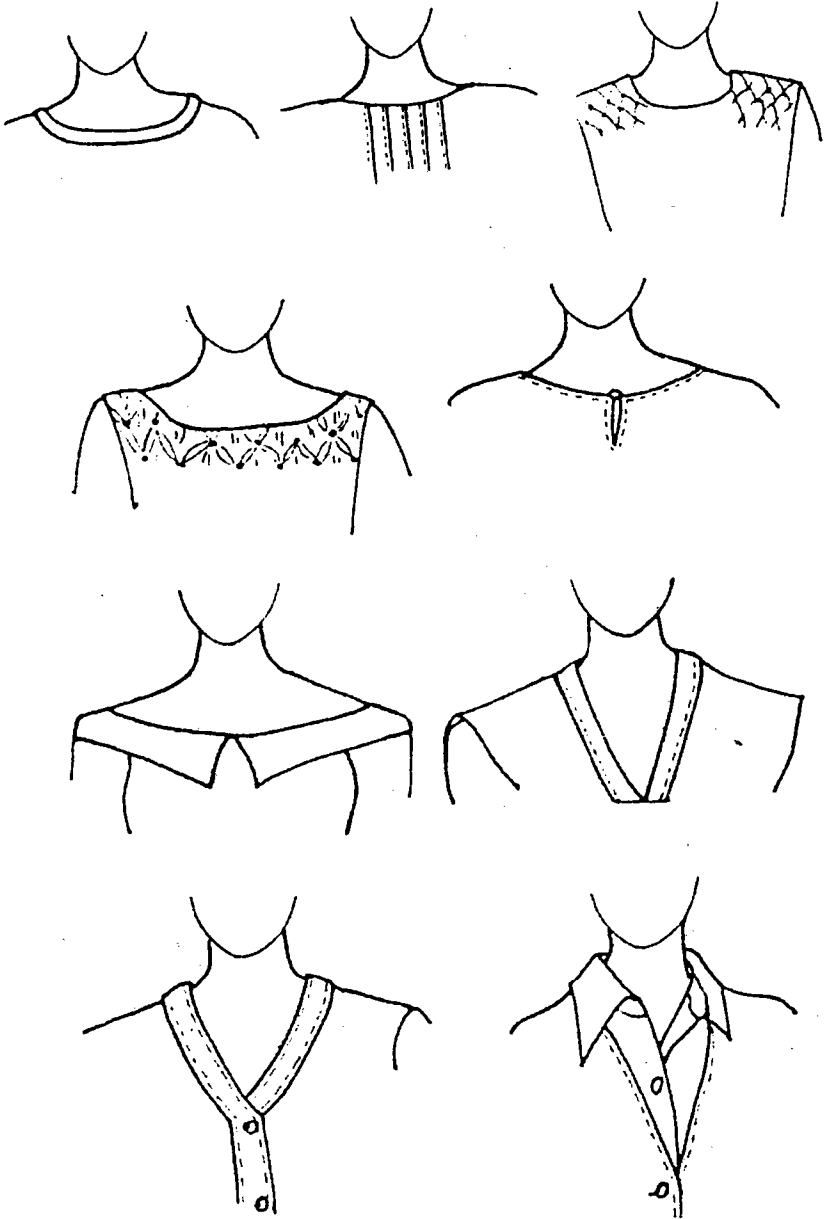
❖ **Dây viền áo cổ lá sen, cổ lính thủy**

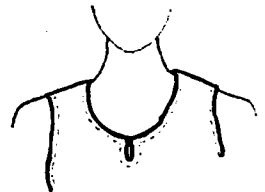
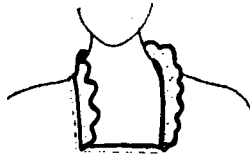
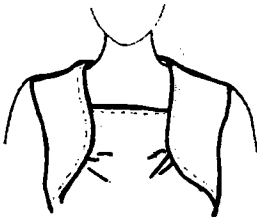
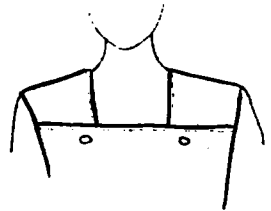
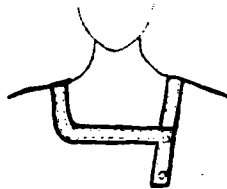
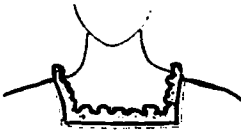
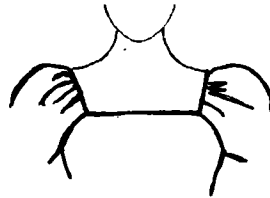
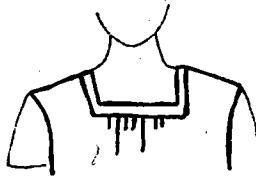
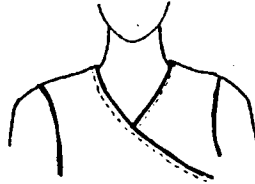
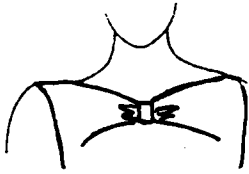
- Chiều dài = chiều dài thành phẩm + 1cm đường may 2 đầu
- Chiều rộng = 2 (thành phẩm viền + 0,3 cm đường may + 0,1cm)

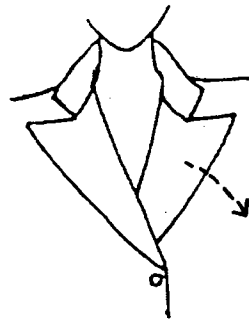
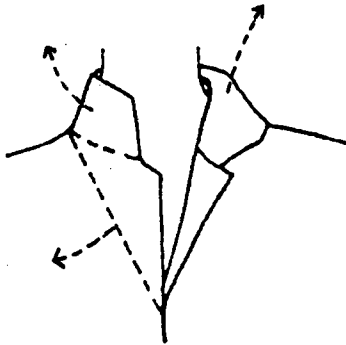
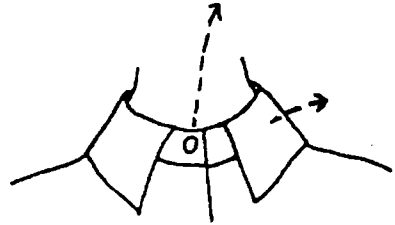
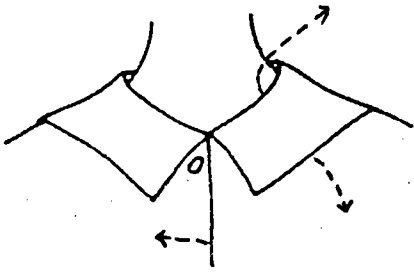


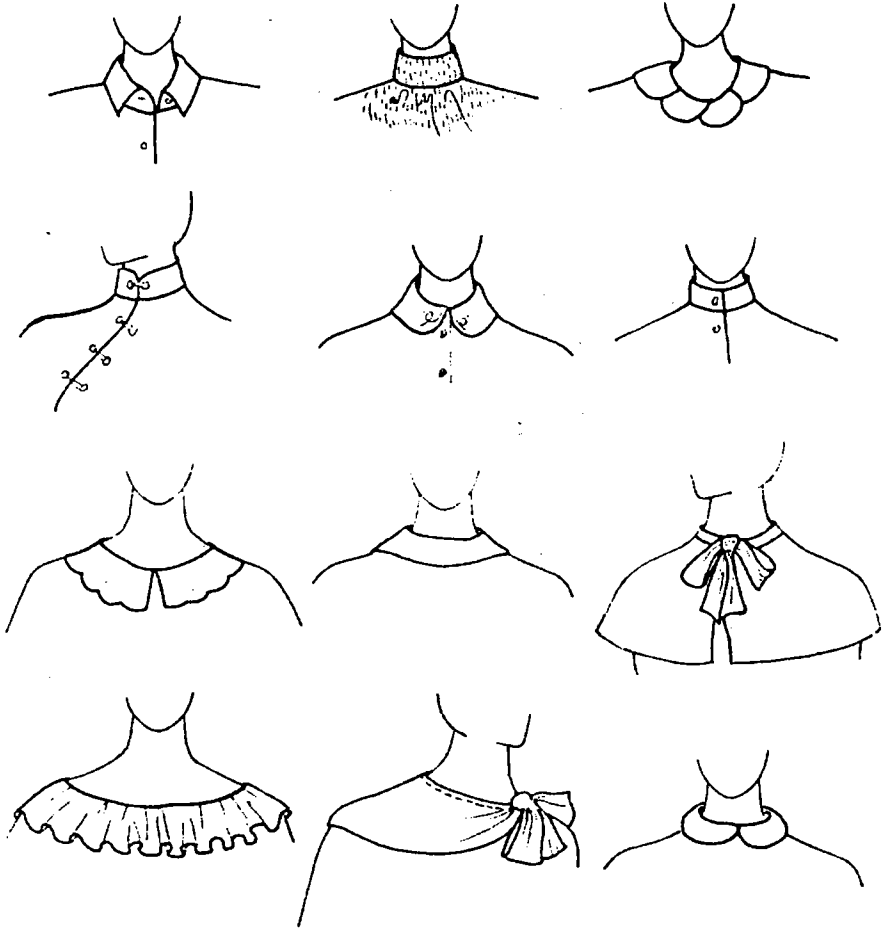




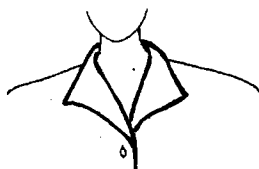
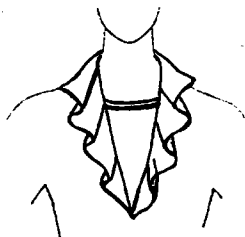
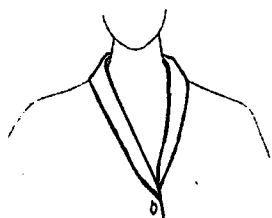
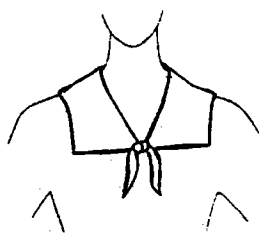
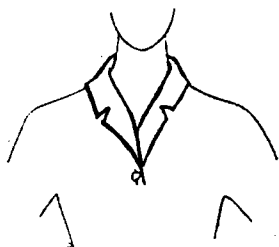
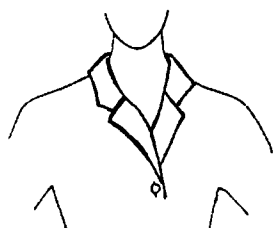


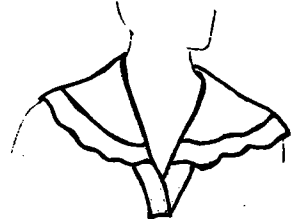
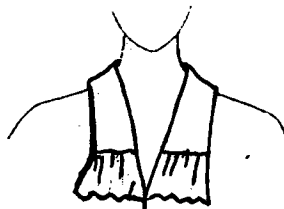
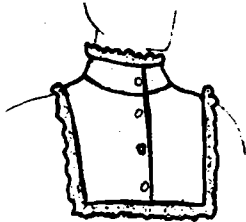
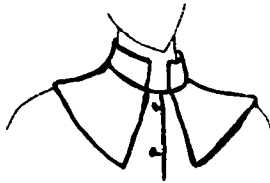
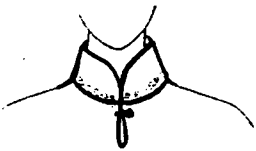
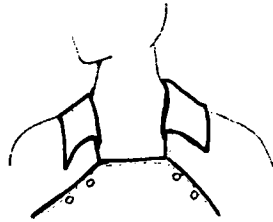
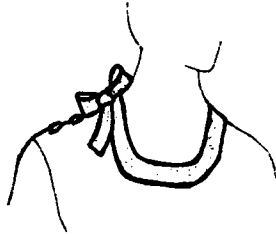
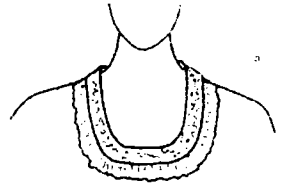
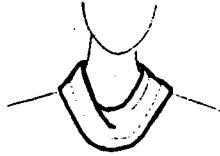
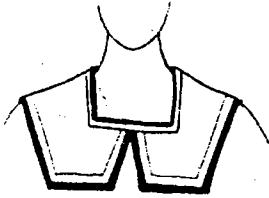


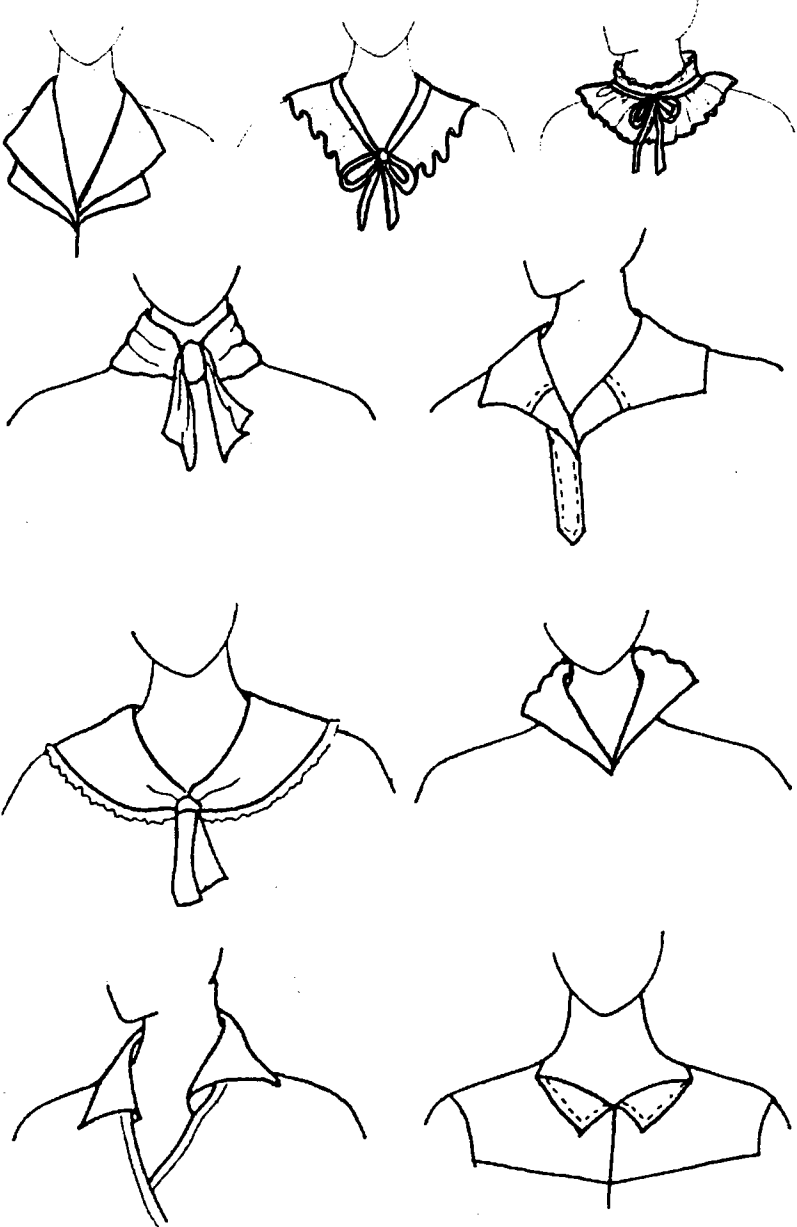


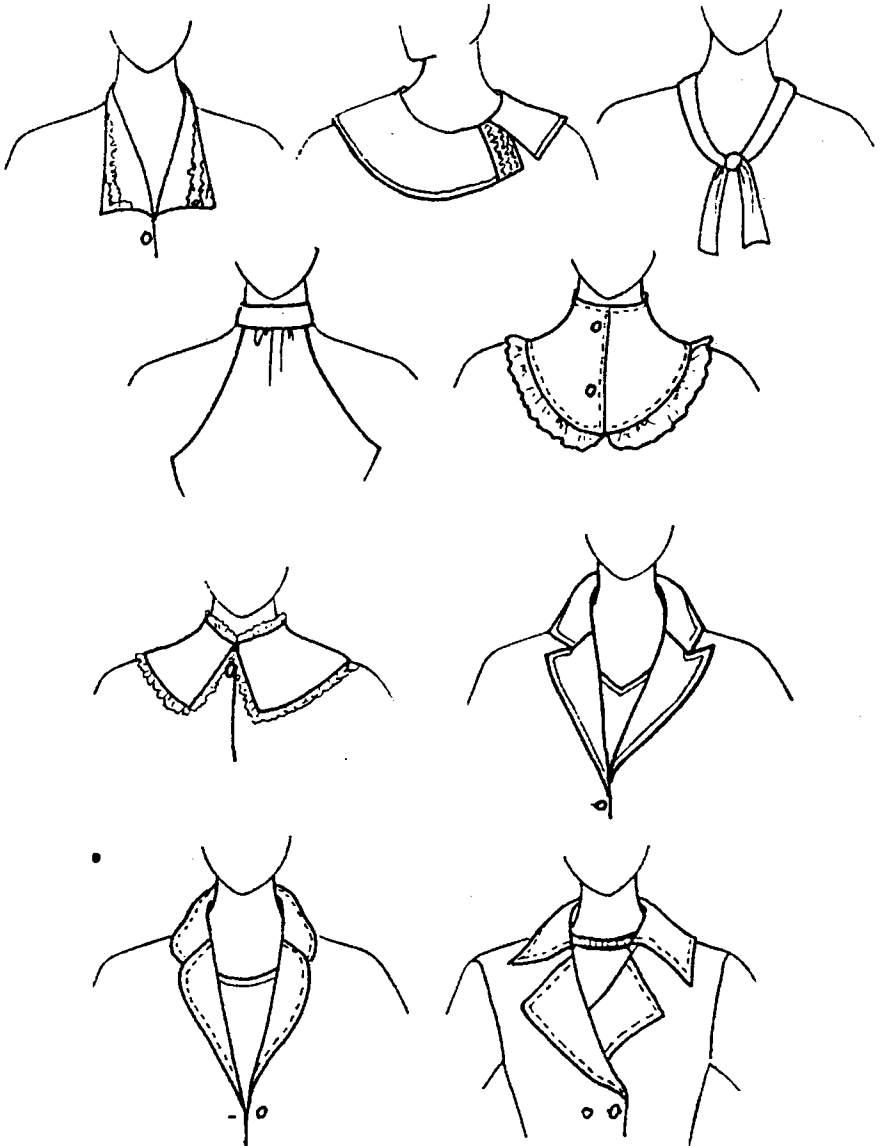


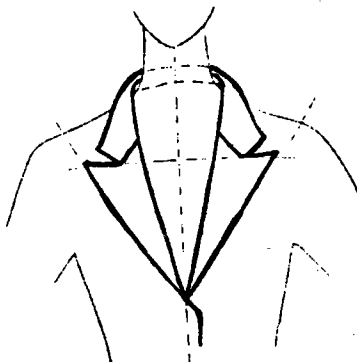
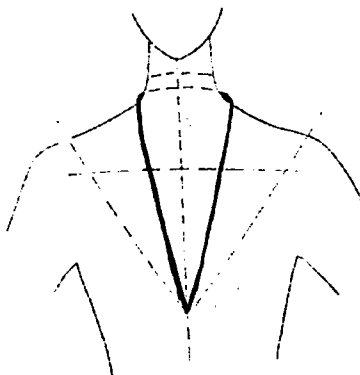
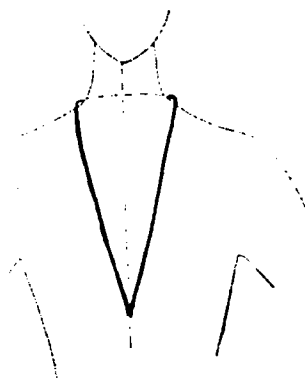
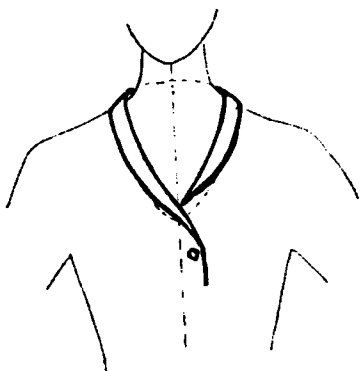
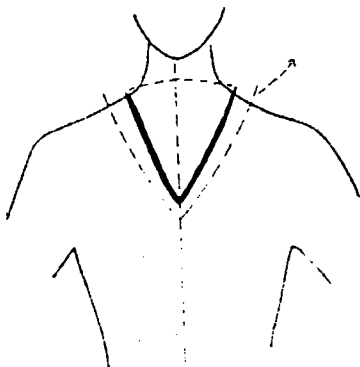
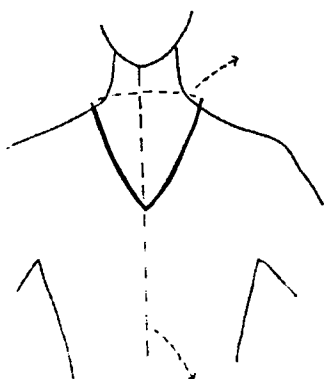


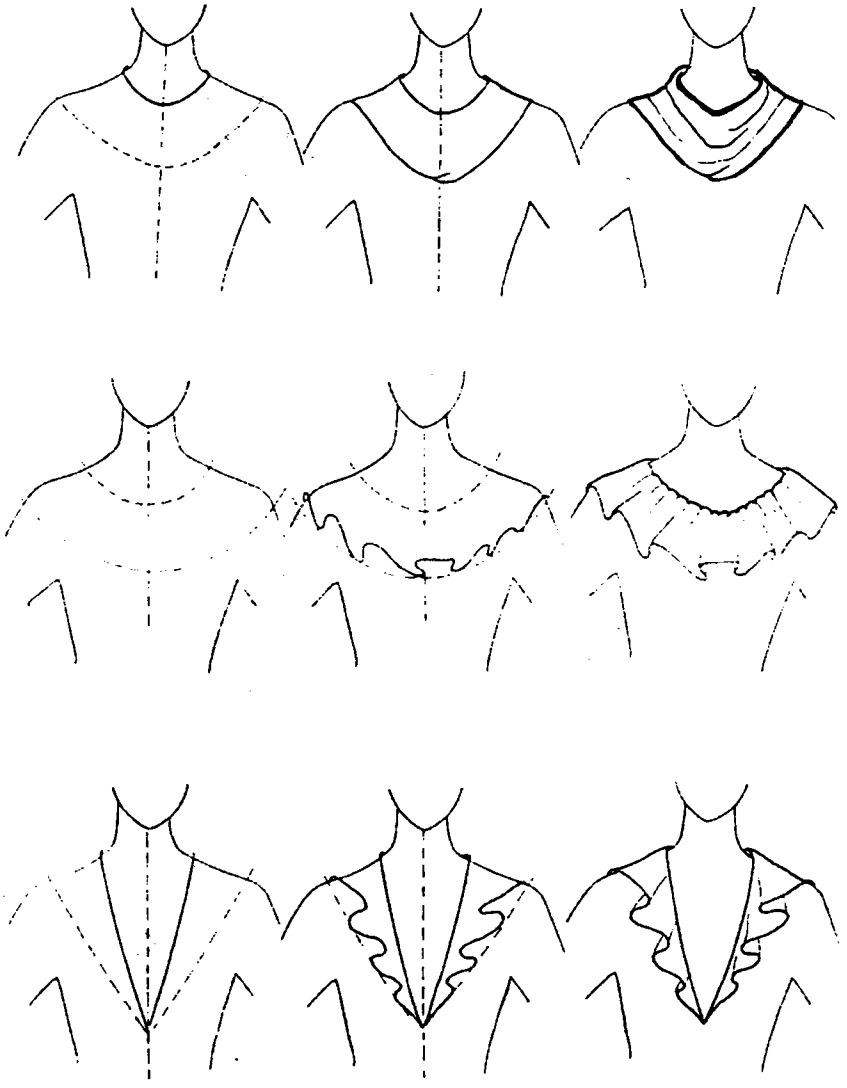


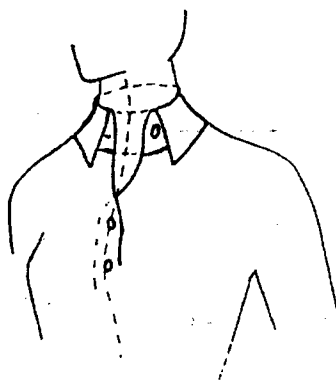
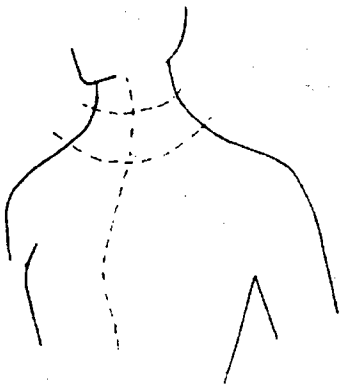
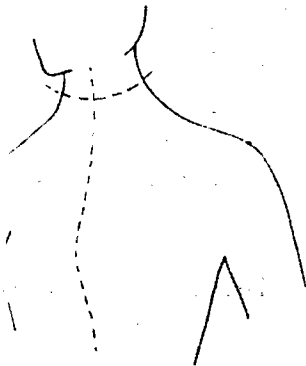
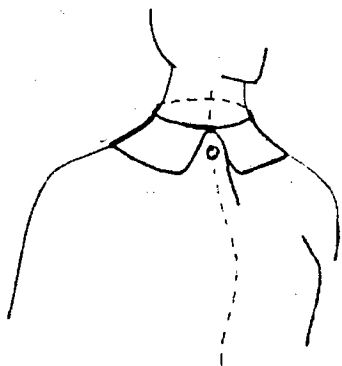
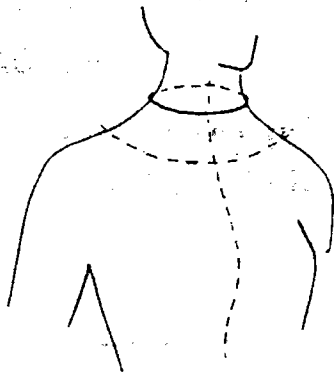
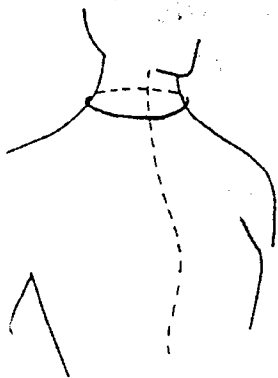










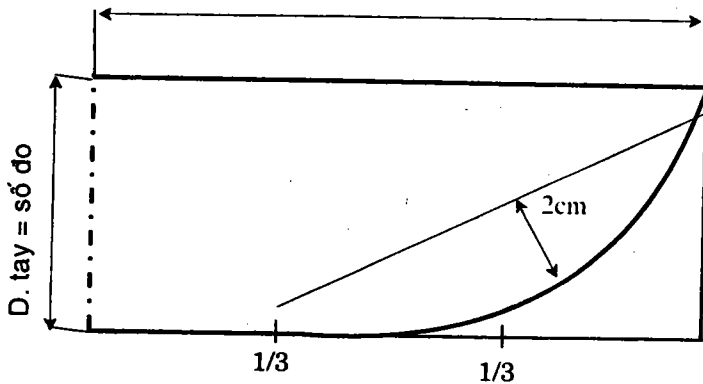


## Bài 3.6 : PHƯƠNG PHÁP THIẾT KẾ CÁC DẠNG TAY ÁO

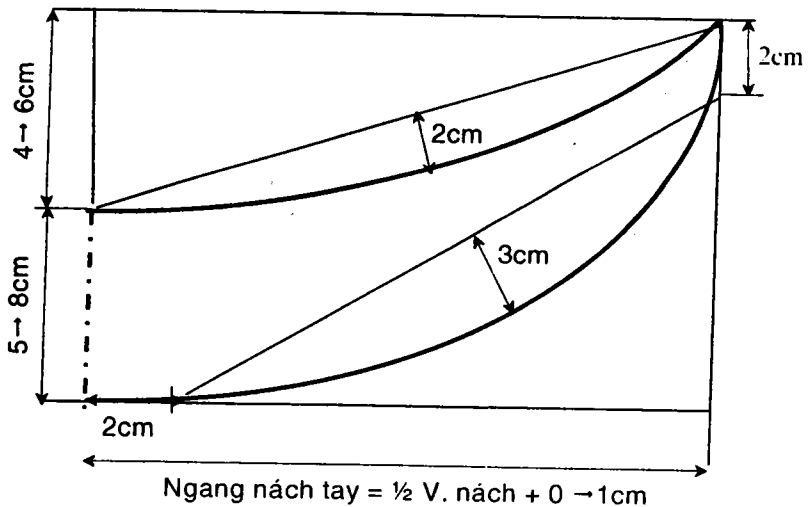
### 1. Tay cánh tiên :

#### Dạng 1 : Tay cánh tiên thẳng

Cửa tay =  $\frac{1}{2}$  V. nách + 3 → 5

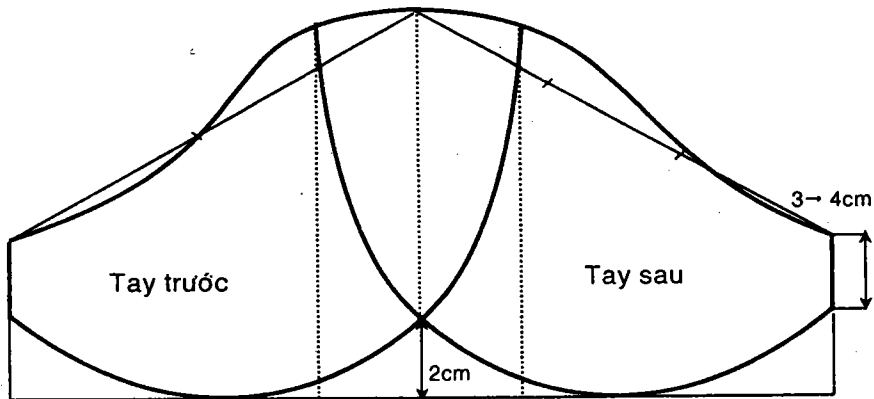


#### Dạng 2: Tay cánh tiên cong

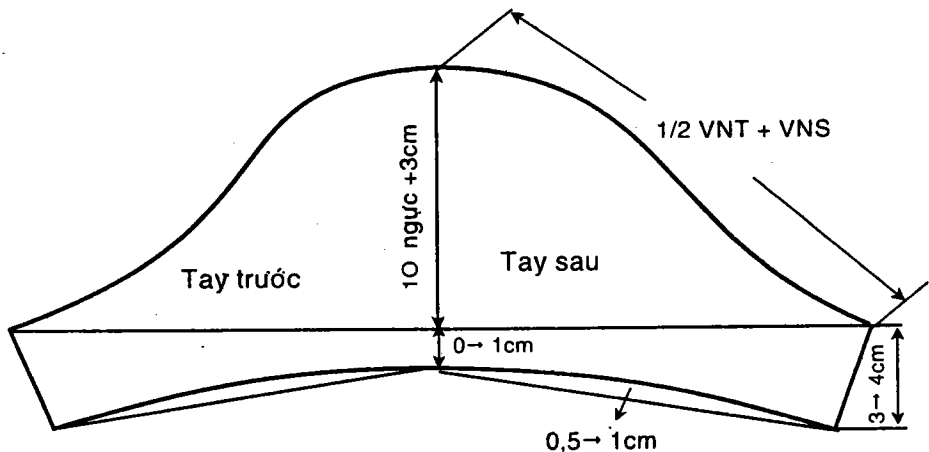




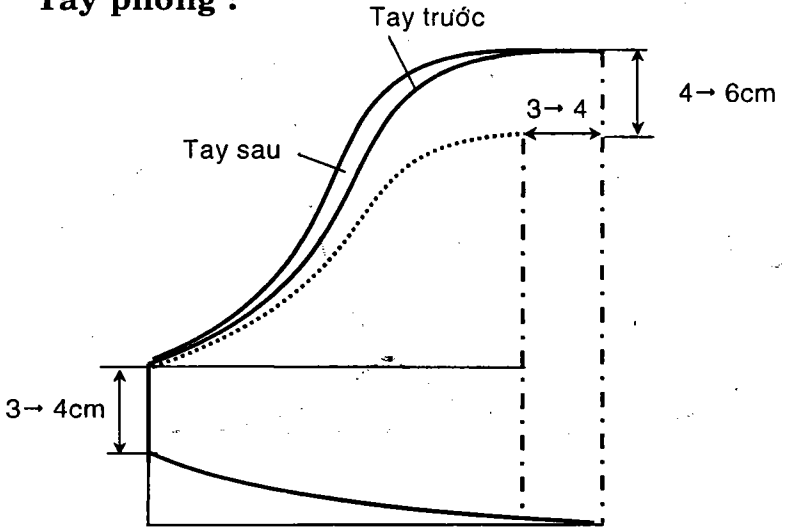
2. Tay cánh hồng :



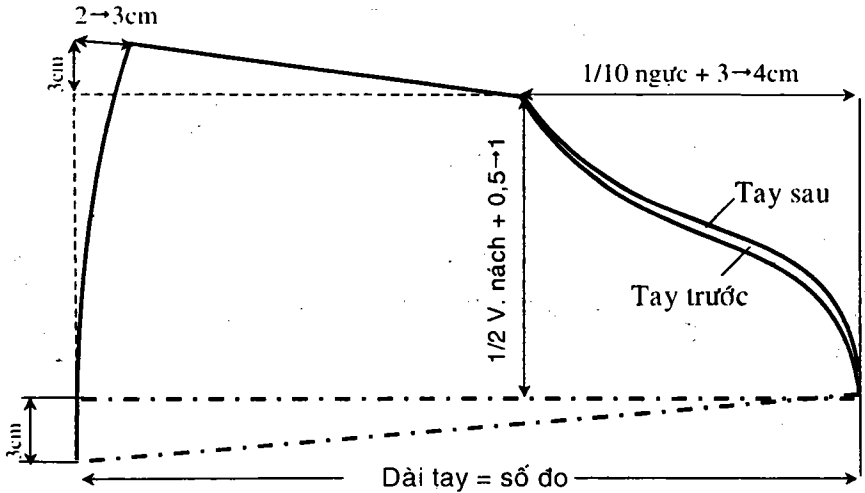
3. Tay hất : (Tay mi ni)

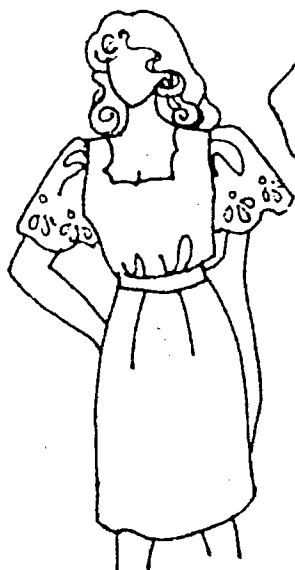
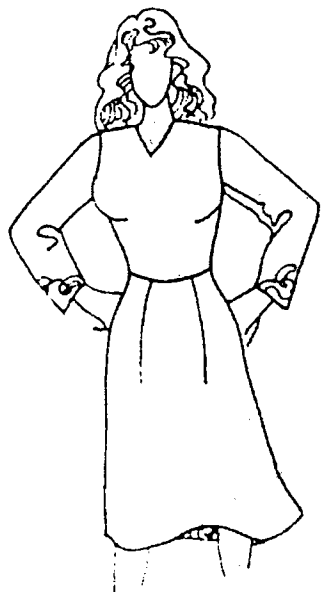


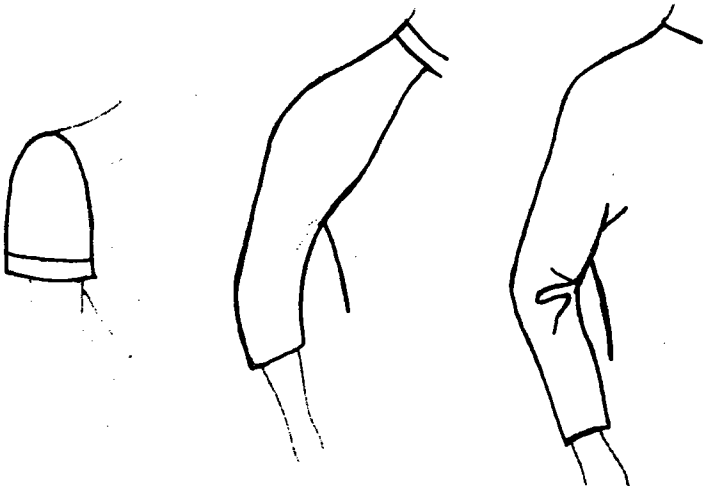
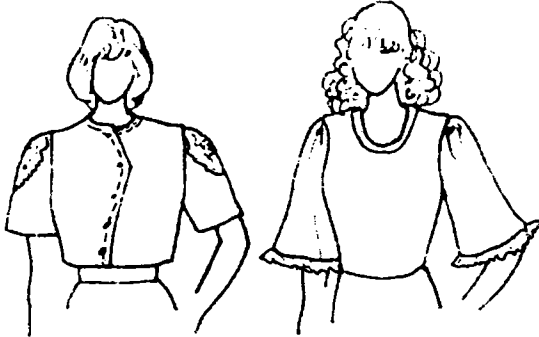
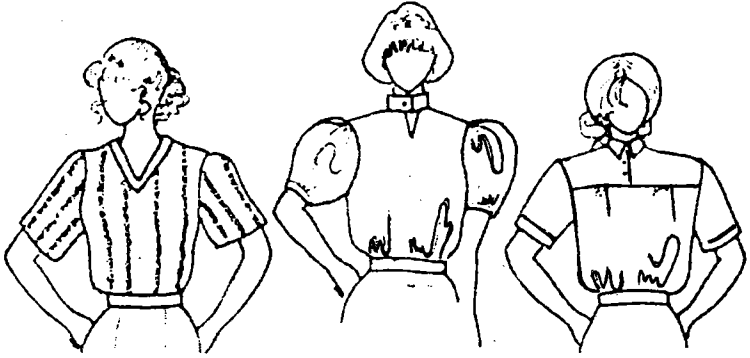
**4. Tay phồng :**

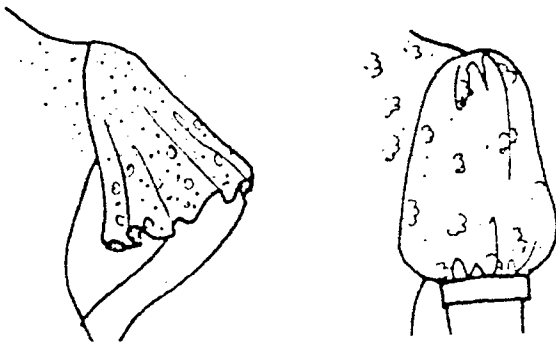
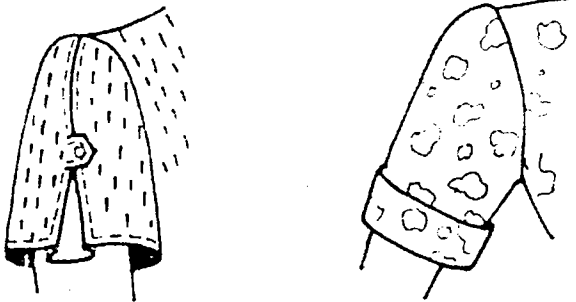
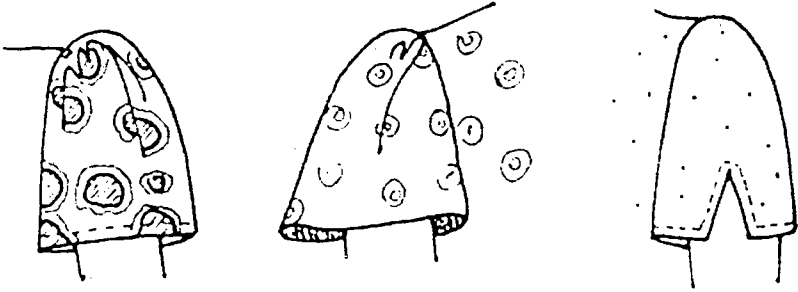


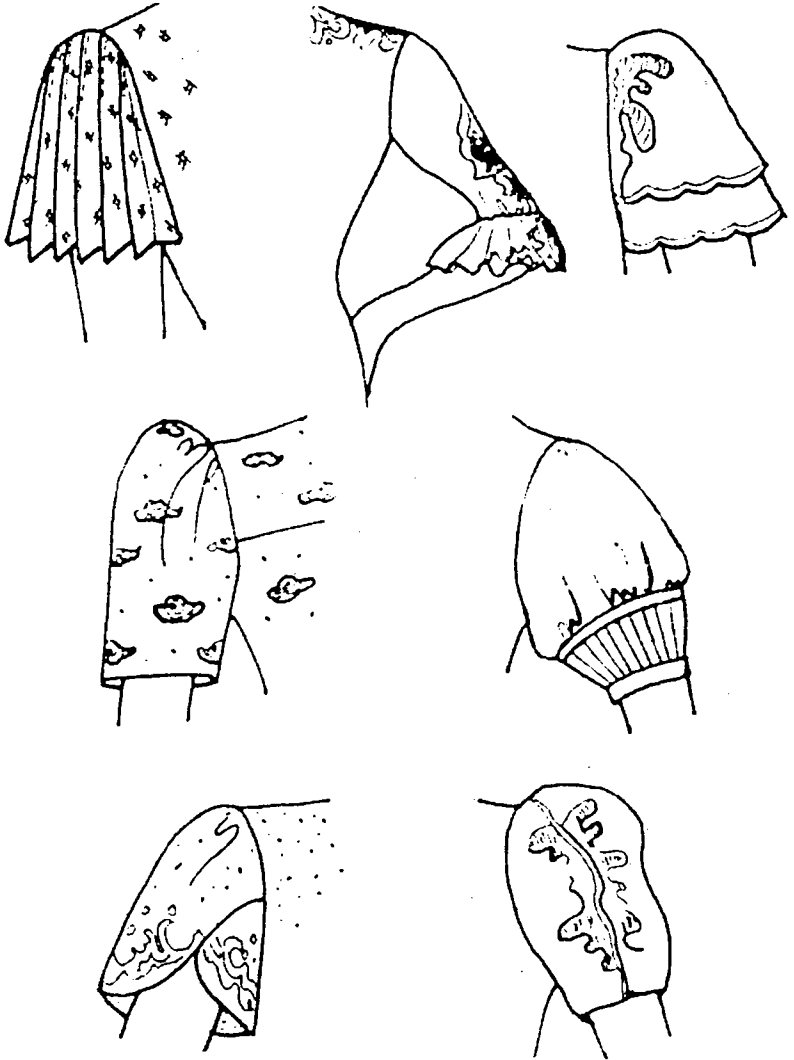
**5. Tay loa :**

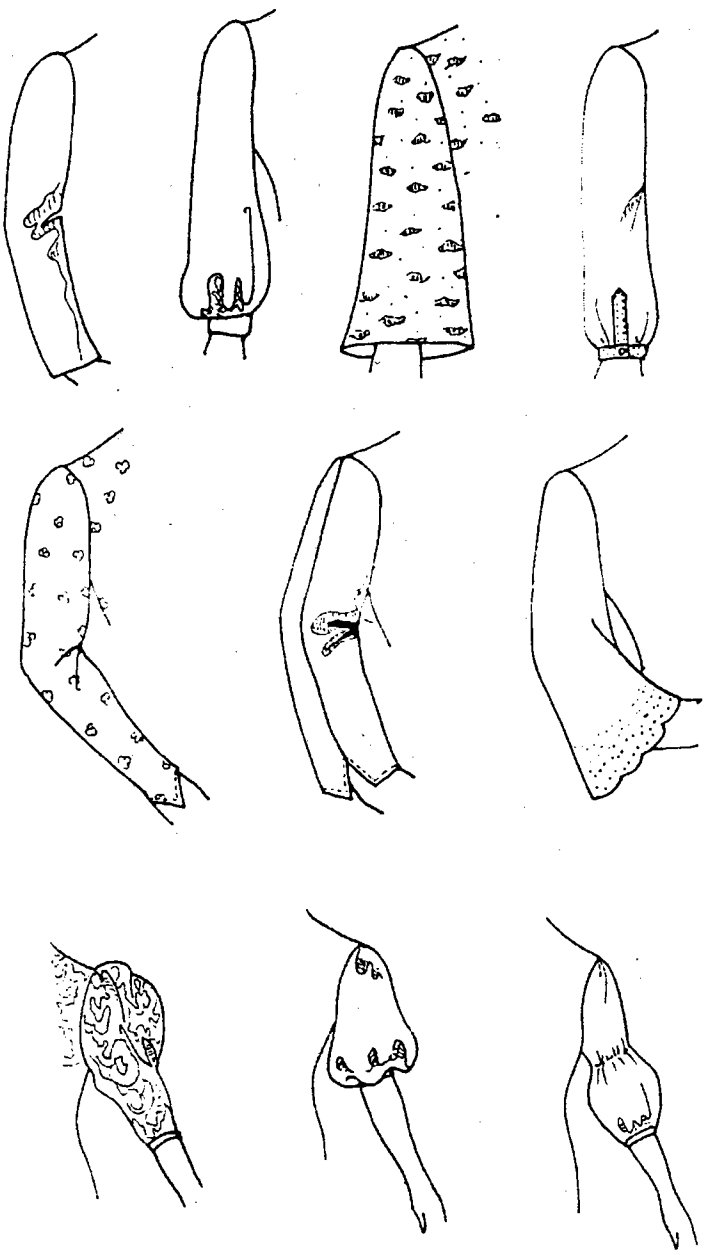


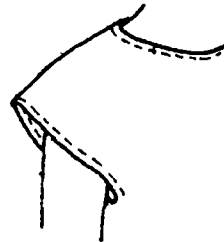
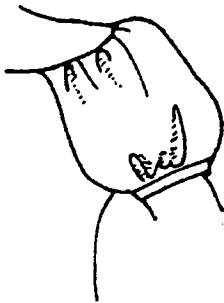
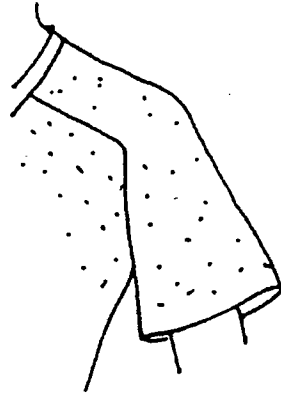
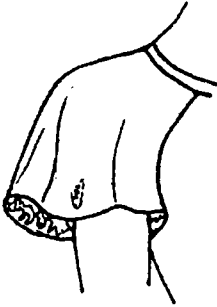
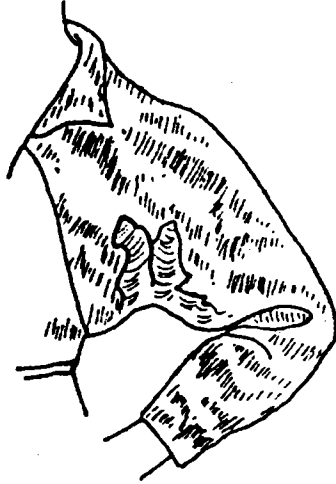
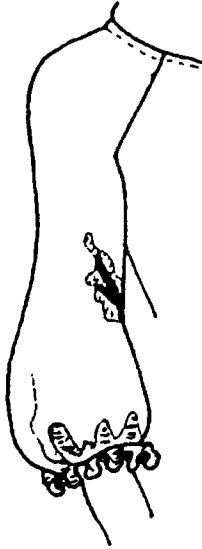




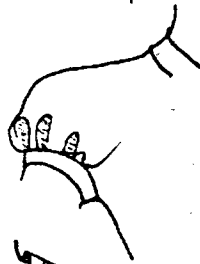
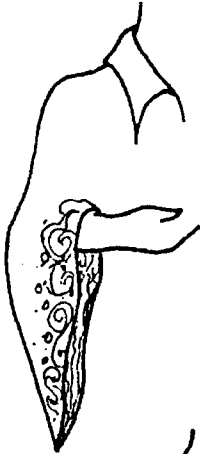
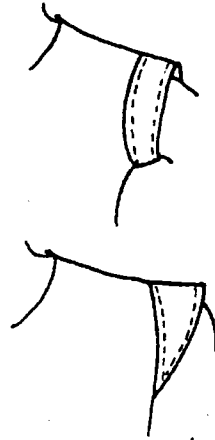
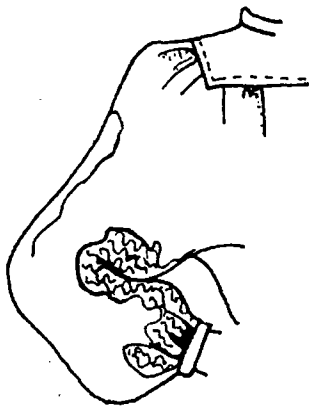


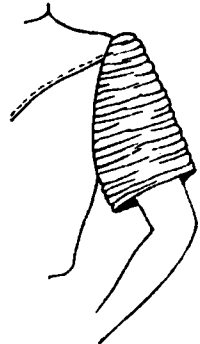
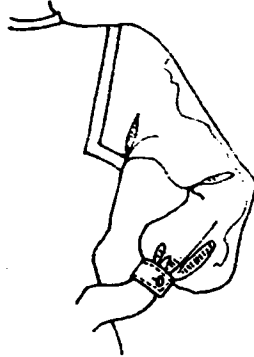
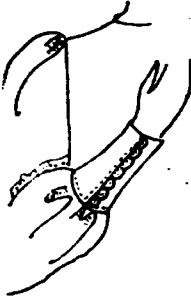
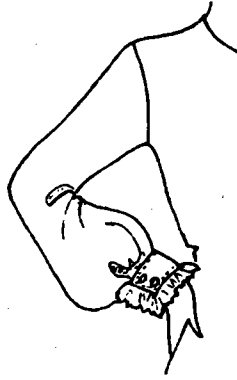


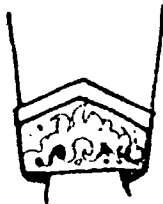
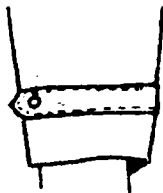
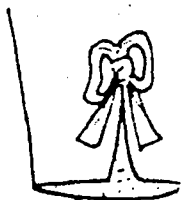
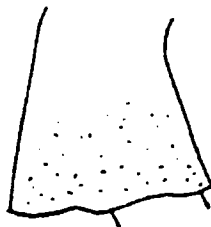
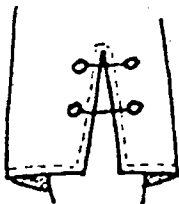
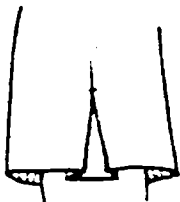
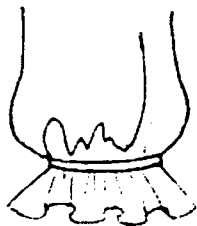
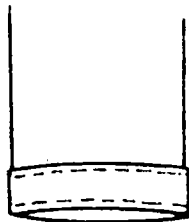
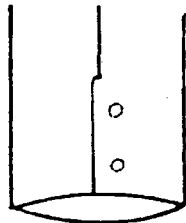
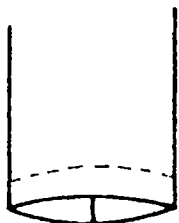


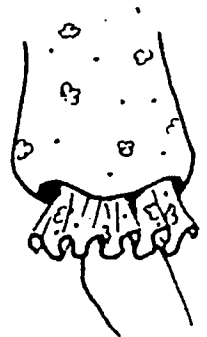
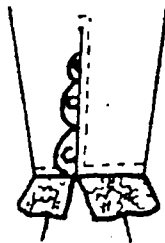
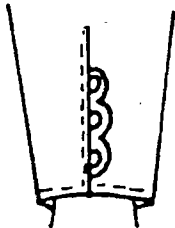
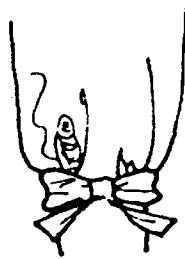
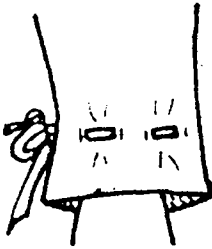
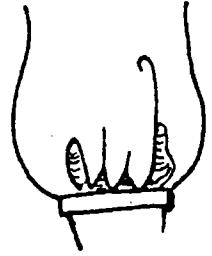
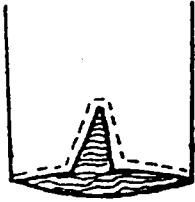


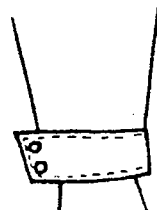
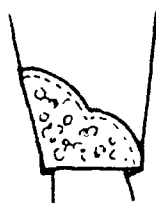
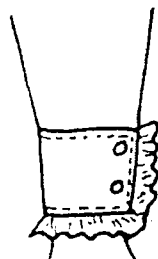
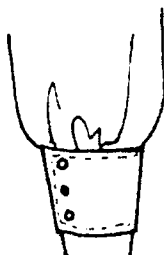
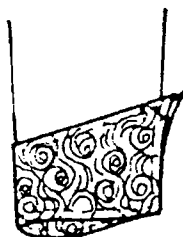
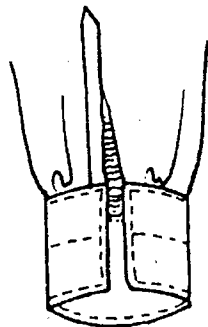
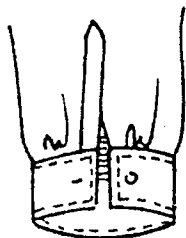
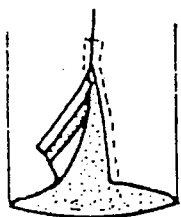


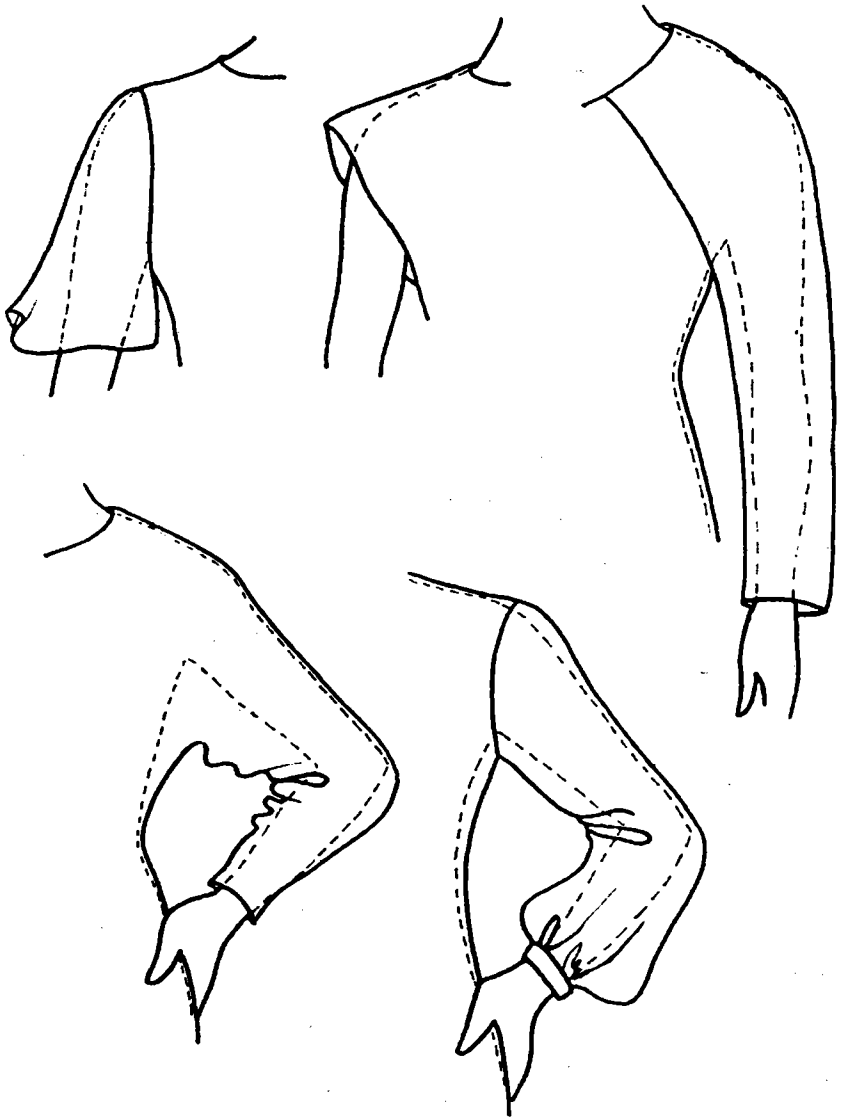






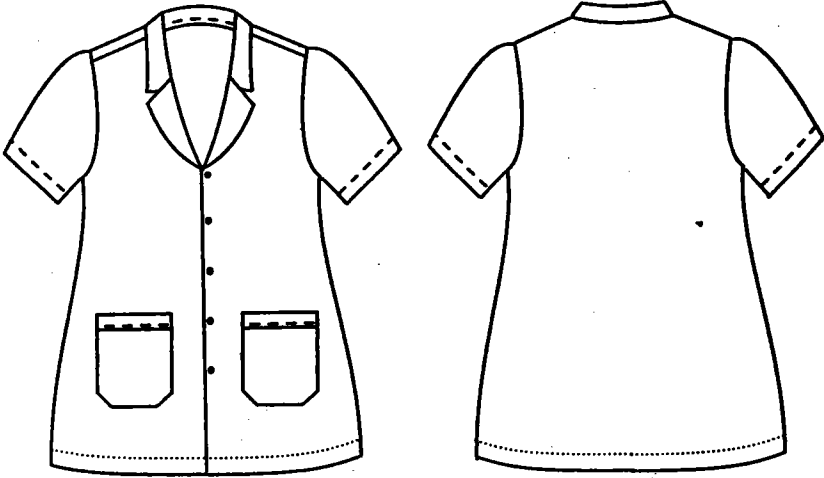




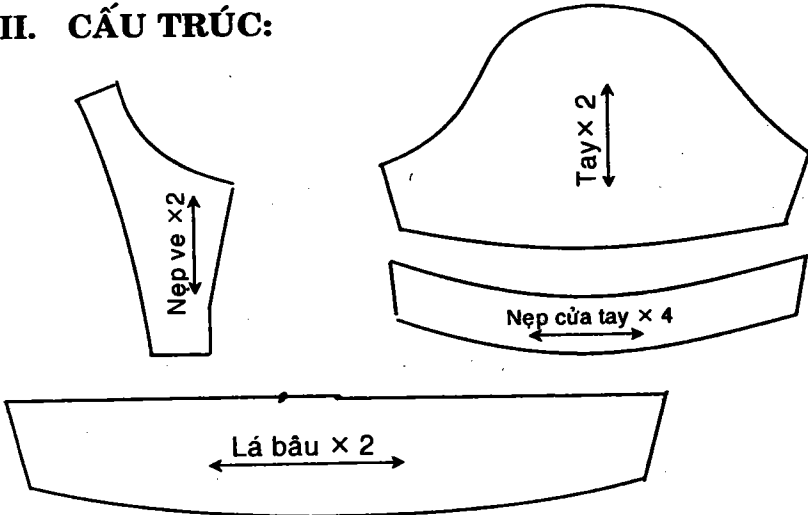


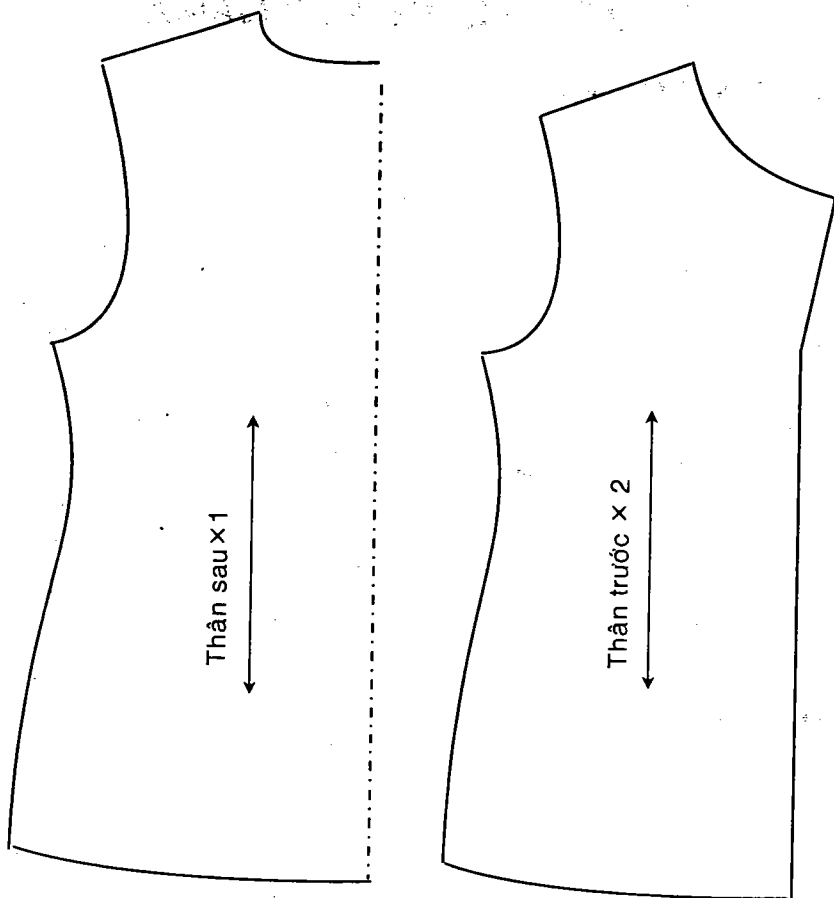
## BÀI 3.7 : THIẾT KẾ ÁO PYJAMA

### I. HÌNH DÁNG:



### II. CẤU TRÚC:





### III. CÁCH TÍNH VẢI:

- Khổ vải  $0,9\text{m} = 2 \text{ dài áo} + 1 \text{ dài tay} + \text{lai} + \text{đường may}$
- Khổ vải  $1,2\text{m}$  :
- Tay ngắn =  $2 (\text{dài áo} + \text{lai} + \text{đường may})$



- Tay dài = 2 (dài áo + lai + đường may) + 30 →  
40cm
- Khổ vải 1,4m → 1,6m = 1 (dài áo + dài tay + lai + đường may)

#### IV. NI MẪU:

- Dài áo : 50cm
- Ngang vai : 36cm
- Dài tay : 20cm
- Vòng cổ : 27cm
- Vòng ngực : 62cm

#### V. PHƯƠNG PHÁP THIẾT KẾ:

##### 1. THÂN TRƯỚC:

###### a. Cách xếp vải:

- Xếp hai biên vải trùng nhau theo chiều dọc canh sợi, hai mặt phải úp vào nhau, hai mặt trái quay ra ngoài. Biên vải quay về phía người cắt.
- Từ mép vải bên biên vải đo vào 3cm làm đỉnh áo sau khi đã cắt bỏ biên vải
- Từ đường đỉnh áo đo vào 1,5cm làm đường gài nút.
- Vẽ cổ phía tay phải, vẽ lai phía tay trái.

###### b. Cách vẽ:

- AB: Dài áo = Số đo dài áo - 1cm (chôm vai)

- $BB_2$  : Sa vạt =  $1 \rightarrow 1,5\text{cm}$
- AC: Ngang vai =  $1/2$  Vai -  $0,5\text{cm}$
- $CC_1$  : Hạ vai =  $1/10$  Vai +  $0,5\text{cm}$

❖ **Vẽ vòng cổ:**

- $AA_1$  : Vào cổ =  $1/6$  vòng cổ
- $AA_2$  : Hạ cổ =  $1/6$  vòng cổ +  $1 \rightarrow 1,5\text{cm}$
- $A_4$  là điểm giữa của  $A_1A_3$ .
- Nối  $A_2A_4$  và chia làm 3 phần bằng nhau.
- Vẽ vòng cổ qua  $A_1$ , điểm  $1/3$  gần  $A_4$ ,  $A_2$ . Từ  $A_2$  kẻ ngang đường gài nút xuống  $0,2\text{cm}$  và vạch đối xứng vòng cổ qua đường đỉnh áo.

❖ **Vẽ vòng nách:**

- $C_1D_2$ : Hạ nách trước =  $1/4$  vòng ngực +  $1 \rightarrow 3\text{cm}$   
(tính từ đường ngang vai)
- $DD_1$ : Ngang ngực trước =  $1/4$  vòng ngực +  $3 \rightarrow 6\text{cm}$
- $D_2D_3$ : Vào nách tay =  $2 \rightarrow 2,5\text{cm}$
- $D_4$  là điểm giữa của  $C_1D_3$
- $D_5$  là điểm giữa của  $D_1D_4$
- Vẽ vòng nách qua các điểm  $C_1$ ,  $D_4$ , điểm giữa của  $D_3D_5$  và  $D_1$

❖ **Vẽ sườn thân + lai áo:**

- AE : Hạ eo = Số đo hạ eo - chôm vai (Hoặc  $DE = 13 \rightarrow 15\text{cm}$ )
- $EE_1$ : Ngang eo trước = Ngang ngực trước -  $2\text{cm}$

- $BB_1$ : Ngang mông trước = ngang ngực trước +  $0 \rightarrow 1\text{cm}$ .
- Nối đường sườn  $D_1B_1$
- $B_1B_2$ : Giảm sườn =  $0,5 \rightarrow 1\text{cm}$
- Chia đường ngang mông  $BB_1$  làm 3 phần bằng nhau, nối từ  $B_2$  đến  $1/3$  thứ nhất gần  $B_2$  (vẽ trên đường sa vạt) và đánh cong lồi  $0,3\text{cm}$ .

## 2. THÂN SAU:

### a. Cách xếp vải:

- Từ ngoài mép vải đo vào bằng ngang mông thân trước cộng  $1,5\text{cm}$  đường may. Xếp đôi vải bề trái ra ngoài, đường xếp đôi quay về phía người cắt.
- Vẽ lai bên tay trái, vẽ cổ bên tay phải.

### b. Cách vẽ:

- $AB$ : Dài áo sau = số đo dài áo +  $1\text{cm}$  (chôm vai)
- Hoặc: Dài áo sau = Dài áo thân trước + 2 lần chòm vai
- $AC$ : Ngang vai sau =  $1/2$  vai +  $1\text{cm}$
- $CC_1$ : Hạ vai =  $1/10$  vai +  $0,5\text{cm}$

### ❖ Vẽ vòng cổ:

- $AA_1$ : Vào cổ sau =  $1/6VC + 1\text{cm}$
- $AA_2 = A_1A_3$ : Hạ cổ sau = Chòm vai +  $1\text{cm}$

- $A_4$  là điểm giữa  $A_2A_3$
  - $A_5$  là điểm giữa  $A_1A_4$
  - Đánh cong vòng cổ sau qua điểm  $A_1$ , điểm giữa  $A_3A_5$ ,  $A_4$  và  $A_2$
- ❖ **Vẽ vòng nách:**
- $C_1D_2$ : Hạ nách sau = Hạ nách trước + 2 lần chòm vai
  - $DD_1$ : Ngang ngực sau = Ngang ngực trước
  - $D_2D_3$ : Vào nách tay sau =  $1 \rightarrow 1,5\text{cm}$
  - $D_4$  là điểm giữa của  $C_1D_3$
  - $D_5$  là điểm giữa của  $D_1D_4$
  - Vẽ vòng nách qua các điểm  $C_1$ ,  $D_4$ , điểm giữa của  $D_3D_5$  và  $D_1$
- ❖ **Vẽ sườn thân + lai áo:**
- $AE$  : Hạ eo = Số đo hạ eo - chòm vai (Hoặc  $DE = 13 \rightarrow 15\text{cm}$ )
  - $EE_1$ : Ngang eo sau = Ngang ngực sau - 2cm
  - $BB_1$ : Ngang hông sau = Ngang hông trước
  - Nối đường sườn thân sau  $D_1B_1$
  - $B_1B_2$ : Giảm sườn =  $0,5 \rightarrow 1\text{cm}$
  - Vẽ đường sườn thân sau.
- ❖ **Vẽ lai áo**
- Có thể vẽ thân sau bằng cách đặt thân trước lên thân sau sao cho đường cài nút trùng với cạnh vải xếp đôi của thân sau. Sang dấu lại

các đường ngang hông, ngang ngực, đường sườn thân trước. Từ đó xác định các điểm còn lại theo cách vẽ ở trên.

### 3. TAY ÁO:

- Cách xếp vải:
- Từ biên vải đo vào  $1/2$  vòng nách + 0  $\rightarrow$  1cm + 1,5 cm đường may
- Xếp đôi vải, bẻ trái ra ngoài, đường xếp quay vào trong người cắt.

#### ❖ Cách vẽ:

- AB: Dài tay = Sđ dài tay
- CD: Ngang tay =  $1/2$  vòng nách + 0  $\rightarrow$  1cm
- AC: Hạ nách tay =  $1/10$  vòng ngực + 3  $\rightarrow$  4cm
- AD =  $1/2$  (vòng nách trước + vòng nách sau).
- $B_1B_2$ : Giảm sườn = 0,5  $\rightarrow$  1 cm
- $B_2B_3$ : Nẹp cửa tay = 2,5  $\rightarrow$  3 cm
- **Chú ý đo đường cong vòng nách trước, vòng nách sau trên thân áo.**
- $B_1B_4$ : Cửa tay = Ngang nách tay - 2,5  $\rightarrow$  3 cm

### 4. VẼ TÚI ÁO:

- AB : Rộng miệng túi =  $1/4$  ngang vai + 1  $\rightarrow$  3cm
- BC = AD: Sâu túi = Rộng miệng túi + 2 cm
- CD: Rộng đáy túi = rộng miệng túi

- $AA_1 = BA_2 =$  thành phẩm nẹp miệng túi

## 5. VẼ BÂU ÁO:

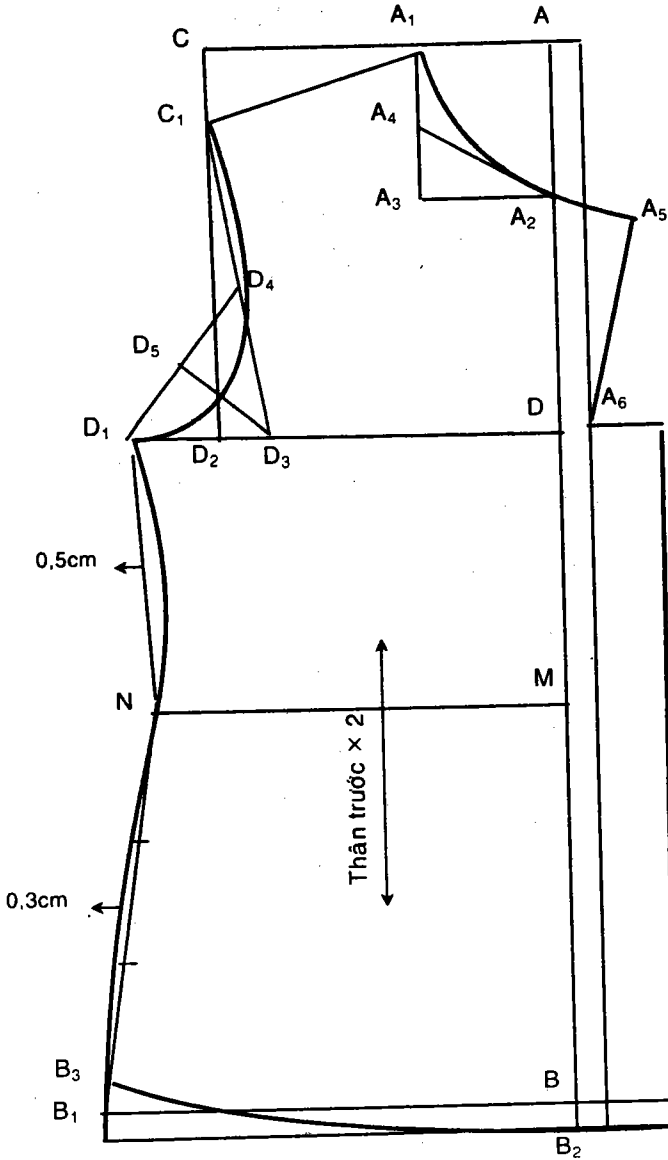
### ❖ Vẽ lá cổ:

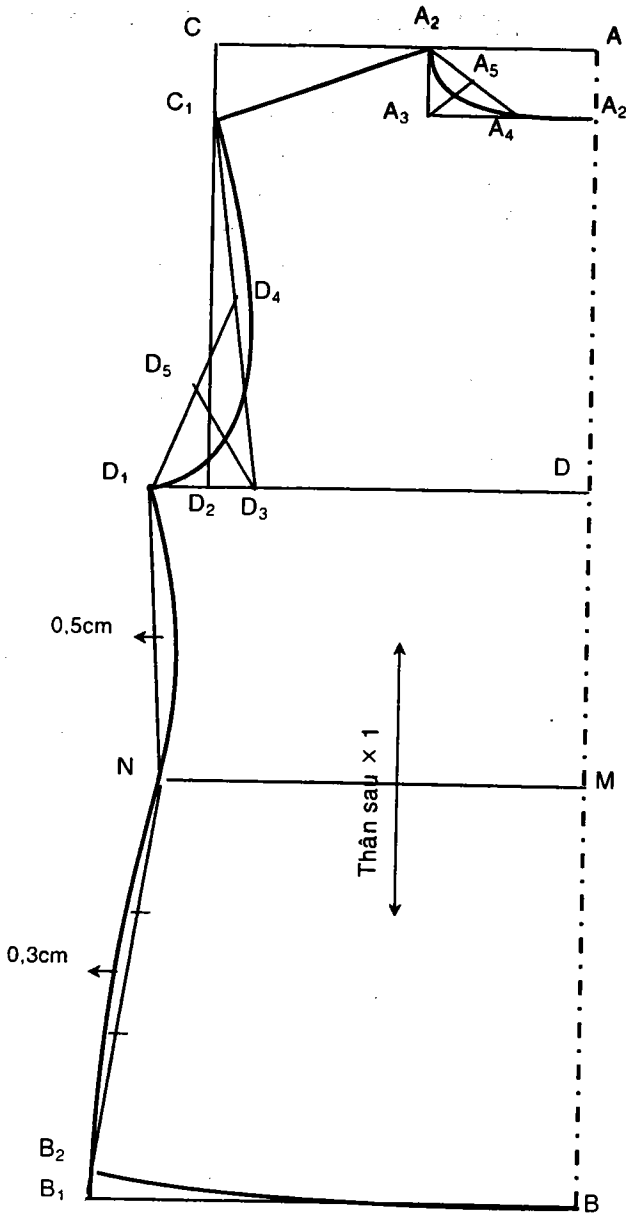
- Vẽ hình chữ nhật ABCD.
- $AB = 1/2$  vòng cổ đo trên thân áo -  $3 \rightarrow 4$ cm  
(ve áo)
- $AC = BB_2$  : Cao lá bầu =  $5 \rightarrow 6$ cm
- $BB_1 = 2$  cm
- $B_2B_3 = 1 \rightarrow 2$  cm

## 6. CÁCH GIA ĐƯỜNG MAY VÀ CẮT:

- Sườn áo, vòng nách, vai con, gia đường may 1cm.
- Vòng cổ gia đường may 0,6 cm.
- Lai áo gia đường may 2 cm
- Sườn tay, vòng nách tay gia đường may 1cm
- Lai tay gia đường may 2 cm
- Chân cổ gia đường may đều 1 cm
- Lá cổ gia đường may đều 1 cm

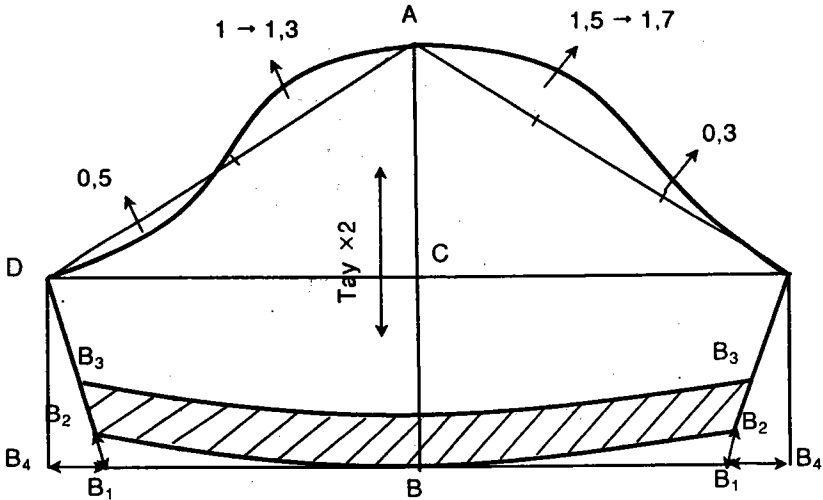
❖ **THÀNH PHẨM THÂN TRƯỚC, THÂN SAU**



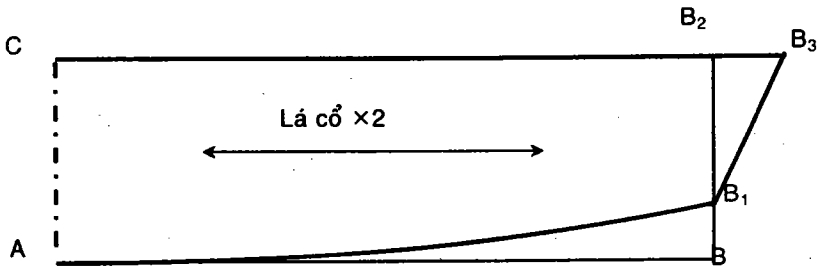


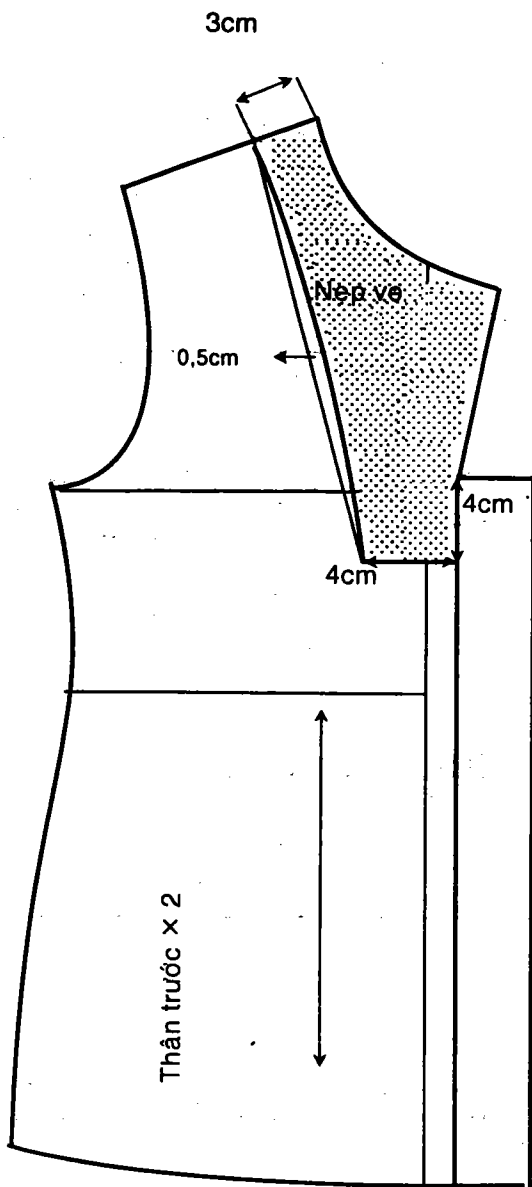


❖ **THÀNH PHẨM TAY ÁO, NỆP CỦA TAY**

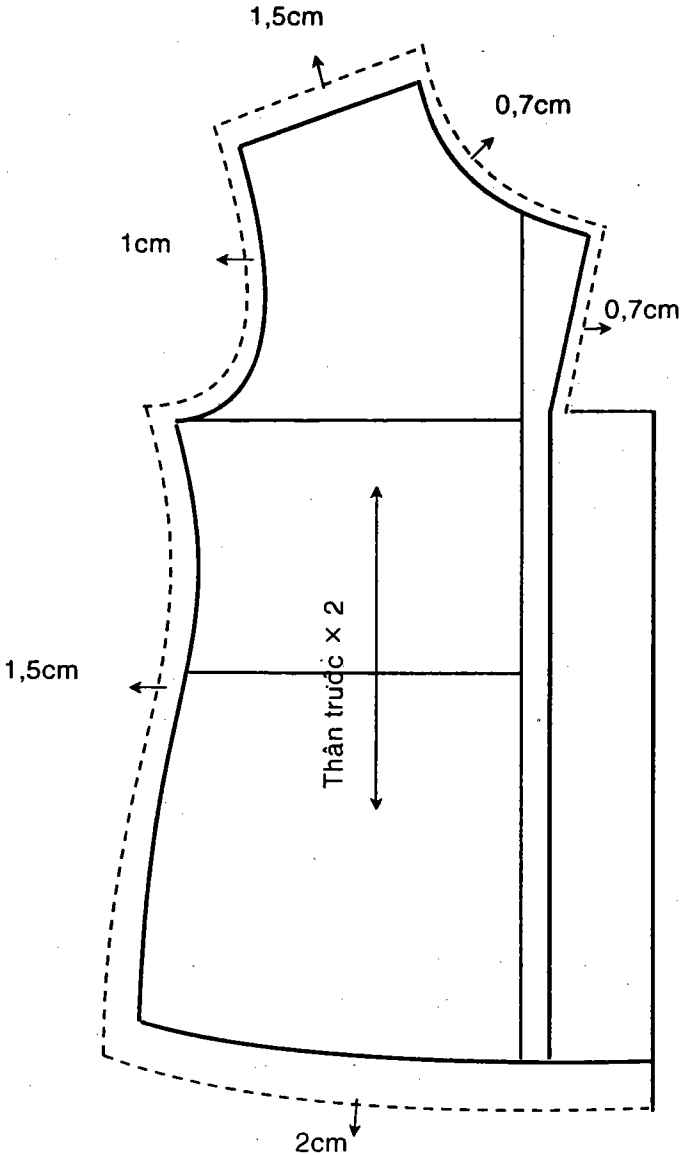


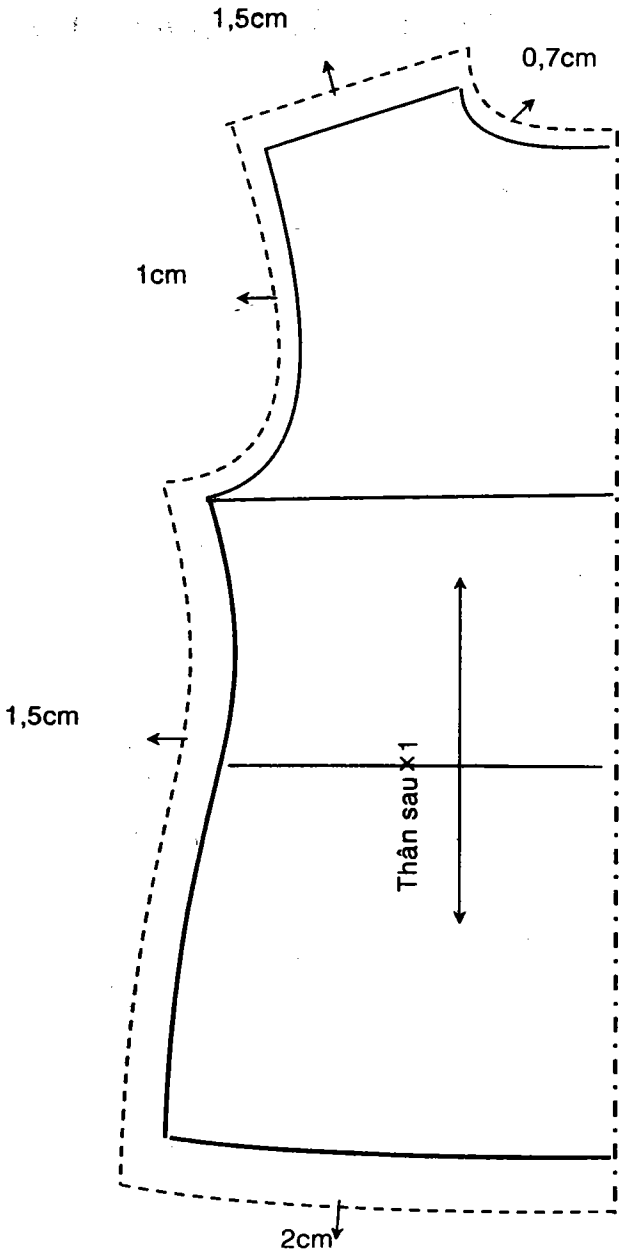
❖ **THÀNH PHẨM LÁ BẦU**



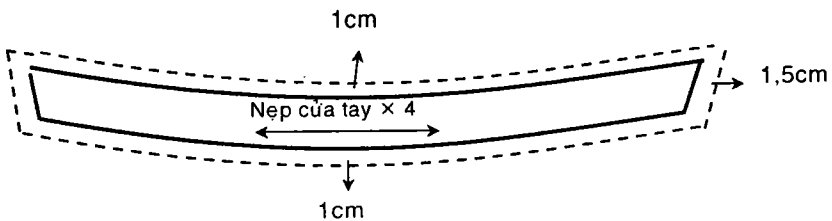
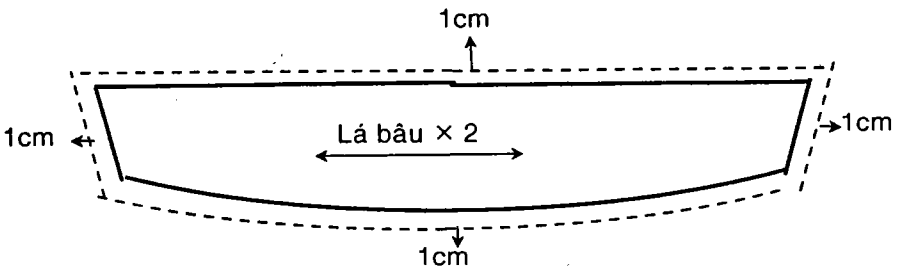
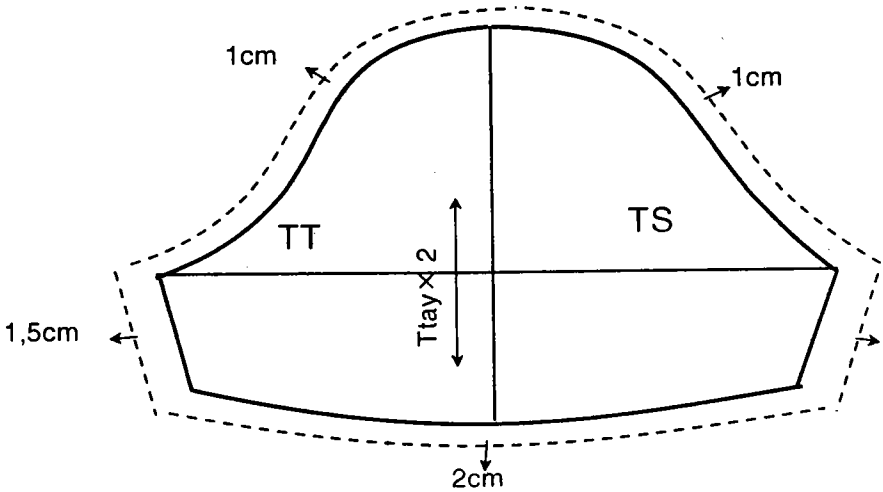
❖ **THÀNH PHẨM NẸP VE**

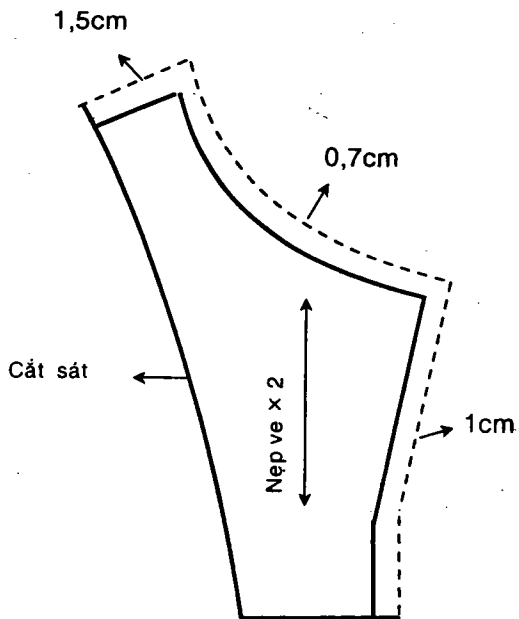
❖ **BÁN THÀNH PHẨM THÂN TRƯỚC, THÂN SAU**





❖ THÀNH PHẨM TAY ÁO, LÁ BÂU, NỆP TAY, NỆP VE



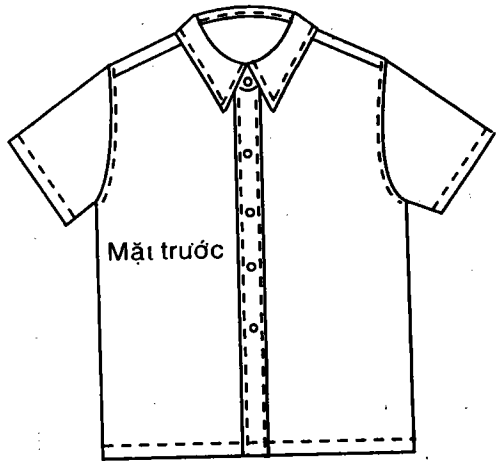


Chương 4

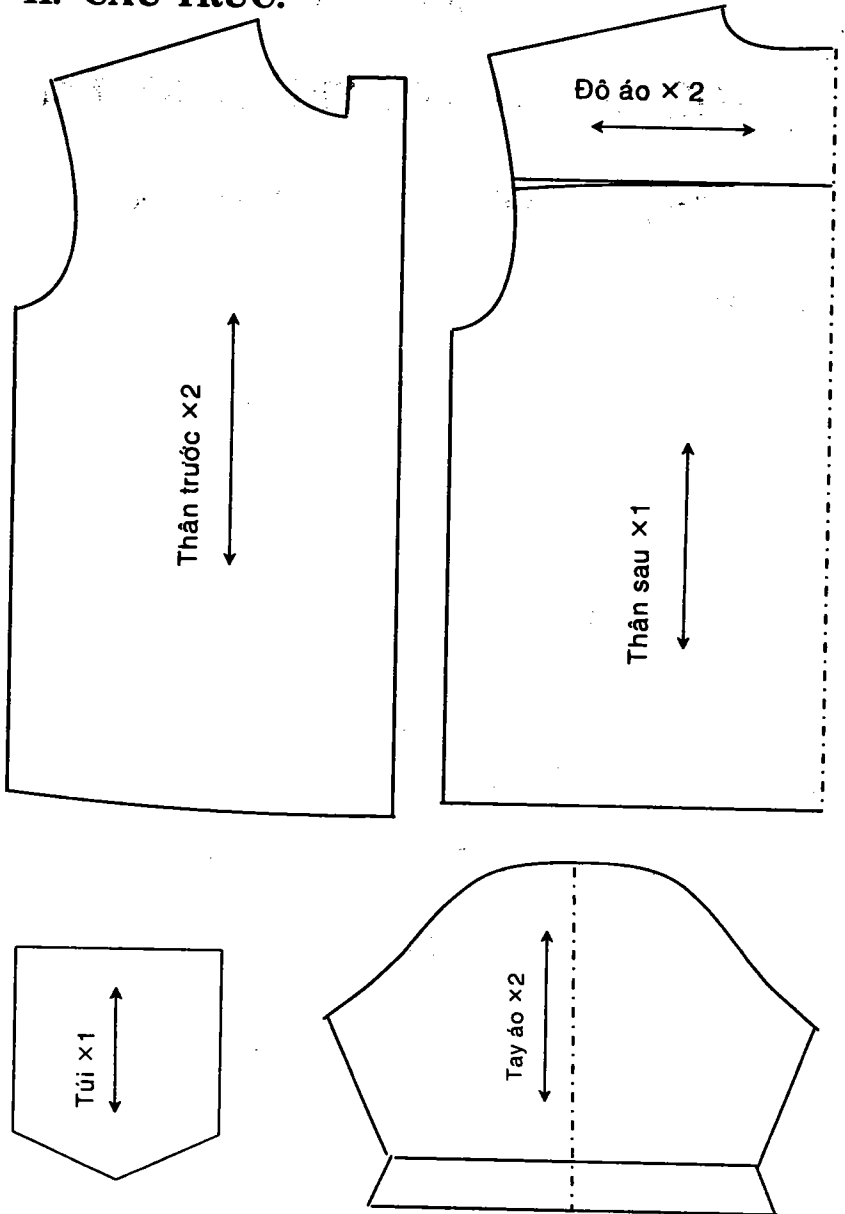
THIẾT KẾ TRANG PHỤC TRẺ EM

Bài 4.1: THIẾT KẾ ÁO SƠMI BÉ TRAI

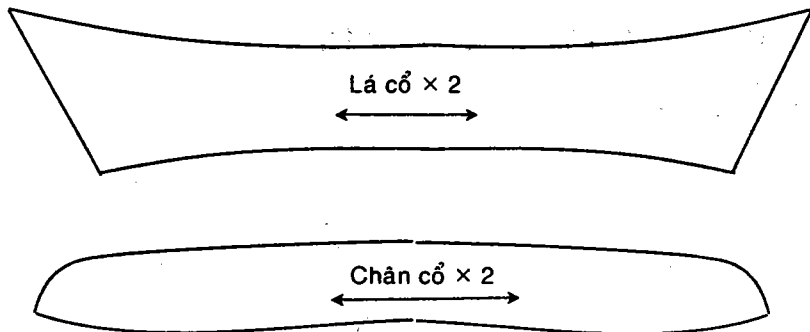
I. HÌNH DÁNG:



## II. CẤU TRÚC:







### III. CÁCH TÍNH VẢI:

- Khố vải  $0,9\text{m} = 2 \text{ dài áo} + 1 \text{ dài tay} + \text{lai} + \text{đường may}$
- Khố vải  $1,2\text{m}$  :
  - + Tay ngắn =  $2(\text{dài áo} + \text{lai} + \text{đường may})$
  - + Tay dài =  $2(\text{dài áo} + \text{lai} + \text{đường may}) + 30 \rightarrow 40\text{cm}$
- Khố vải  $1,4\text{m} \rightarrow 1,6\text{m} = 1(\text{dài áo} + \text{dài tay} + \text{lai} + \text{đường may})$

### IV. NI MẪU:

- Dài áo : 50cm
- Ngang vai : 36cm
- Dài tay : 20cm
- Vòng cổ : 27cm
- Vòng ngực : 62cm

## V. PHƯƠNG PHÁP THIẾT KẾ:

### 1. THÂN TRƯỚC:

#### a. Cách xếp vải:

- Xếp hai biên vải trùng nhau theo chiều dọc canh sợi, hai mặt phải úp vào nhau, hai mặt trái quay ra ngoài. Biên vải quay về phía người cắt.
- Từ mép vải bên biên vải đo vào 1cm đường may và 3cm làm nếp áo. Từ đường đỉnh đo vào 1,5cm làm đường gài nút.
- Vẽ cổ phía tay phải, vẽ lai phía tay trái.

#### b. Cách vẽ:

- AB: Dài áo = Số đo dài áo - chòm vai
- $BB_1$ : Sa vạt = 1 → 1,5cm
- AC: Ngang vai = 1/2 vai
- $CC_1$ : Hạ vai = 1/10 Vai + 0,5

#### ❖ Vẽ vòng cổ:

- $AA_1$  : Vào cổ = 1/6 vòng cổ
- $A_1A_2$  : Hạ cổ = 1/6 vòng cổ + 1 → 1,5cm
- I là điểm giữa của  $A_1A_3$
- Nối  $IA_2$  và chia  $IA_2$  làm 3 phần bằng nhau.
- Vẽ vòng cổ qua  $A_1$ , điểm 1/3 gần I,  $A_2$ . Từ  $A_2$  kẻ ngang đường gài nút xuống 0,2cm và vạch đối xứng vòng cổ qua đường đỉnh áo.

❖ **Vẽ vòng nách:**

- $CD_2$ : Hạ nách trước =  $1/4$  vòng ngực + 1 → 3cm (tính từ đường ngang vai)
- $DD_1$ : Ngang ngực trước =  $1/4$  vòng ngực + 3 → 6cm
- $D_2D_3$ : Vào nách tay = 2 → 2,5 cm
- $D_4$  là điểm giữa của  $C_1D_3$
- $D_5$  là điểm giữa của  $D_1D_4$
- Vẽ vòng nách qua các điểm  $C_1$ ,  $D_4$ , điểm giữa của  $D_3D_5$  và  $D_1$

❖ **Vẽ sườn thân + lai áo:**

- $BB_1$ : Ngang hông trước = ngang ngực trước + 0 → 1cm
- Nối đường sườn  $D_1B_1$
- $B_1B_2$ : Giảm sườn = 0,5 cm
- Chia đường ngang hông  $BB_1$  làm 3 phần bằng nhau, nối từ  $B_2$  đến  $1/3$  thứ nhất gần  $B_2$  (vẽ trên đường sa vạt) và đánh cong lồi 0,3cm

**2. THÂN SAU:****a. Cách xếp vải:**

- Từ ngoài mép vải đo vào bằng ngang hông thân trước cộng 1,5 cm đường may. Xếp đôi vải bẻ trái ra ngoài, đường xếp đôi quay về phía người cắt

- Vẽ lai bên tay trái, vẽ cổ bên tay phải

**b. Cách vẽ:**

- AB: Dài áo sau = số đo dài áo + 1 → 2cm  
chôm vai
- Hoặc: Dài áo sau = Dài áo thân trước + 2 lần  
chôm vai
- AC: Ngang vai sau = 1/2 vai + 1cm
- CC<sub>1</sub>: Hạ vai = 1/10 vai - 0,5cm

❖ **Vẽ vòng cổ:**

- AA<sub>1</sub>: Vào cổ sau = 1/6VC + 1cm
- AA<sub>2</sub> = A<sub>1</sub>A<sub>3</sub> : Hạ cổ sau = Chôm vai + 1cm
- A<sub>4</sub> là điểm giữa A<sub>2</sub>A<sub>3</sub>
- A<sub>5</sub> là điểm giữa A<sub>1</sub>A<sub>4</sub>
- Đánh cong vòng cổ sau qua điểm A<sub>1</sub>, điểm giữa  
A<sub>3</sub>A<sub>5</sub>, A<sub>4</sub> và A<sub>2</sub>

❖ **Vẽ vòng nách:**

- CD<sub>2</sub>: Hạ nách sau = Hạ nách trước + 2 lần  
chôm vai
- DD<sub>1</sub>: Ngang ngực sau = Ngang ngực trước
- D<sub>2</sub>D<sub>3</sub>: Vào nách tay = 1,5 → 2cm
- D<sub>4</sub> là điểm giữa của C<sub>1</sub>D<sub>2</sub>
- D<sub>5</sub> là điểm giữa của D<sub>1</sub>D<sub>4</sub>
- Vẽ vòng nách qua các điểm C<sub>1</sub>, D<sub>4</sub>, điểm giữa  
của D<sub>3</sub>D<sub>5</sub> và D<sub>1</sub>

### ❖ Vẽ sườn thân + lai áo:

- $BB_1$ : Ngang hông sau = Ngang hông trước
- Nối đường sườn thân sau  $D_1B_1$
- $B_1B_2$ : Giảm sườn =  $0 \rightarrow 1\text{cm}$
- Vẽ đường sườn thân sau

### ❖ Vẽ lai áo

- Có thể vẽ thân sau bằng cách đặt thân trước lên thân sau sao cho đường cài nút trùng với cạnh vải xếp đôi của thân sau, sang dấu lại các đường ngang hông, ngang ngực, đường sườn thân trước. Từ đó xác định các điểm còn lại theo cách vẽ ở trên

### ❖ Vẽ đô áo:

- Xếp đôi vải theo canh ngang
- $AE$  : Cao đô =  $1/4$  vai +  $2 \rightarrow 3\text{cm}$
- Dựa vào vòng cổ thân sau, đường vai con, vòng nách để vẽ đô áo
- Nếu đô rời: giảm trên thân áo (bên vòng nách) xuống  $0,5\text{cm}$ , đô áo để thẳng – xem hình vẽ
- Nếu đô đắp: giảm trên đô  $0,5\text{cm}$  (bên vòng nách) – xem hình vẽ.

## 3. TAY ÁO:

### a. Cách xếp vải:

- Từ biên vải đo vào  $1/4$  vòng ngực + 1 → 3cm + 1cm đường may
- Xếp đôi vải, bẻ trái ra ngoài, đường xếp quay vào trong người cắt.

#### b. Cách vẽ:

- AB: Dài tay = Sđ dài tay
- $B_1B_2$ : Lai tay = 2cm
- CD: Ngang tay =  $1/2$  vòng nách
- AC: Hạ nách tay =  $1/10$  vòng ngực + 3 → 4cm
- AD =  $1/2$  (vòng nách trước + vòng nách sau).
- Chú ý đo đường cong vòng nách trước, vòng nách sau trên thân áo.
- BB<sub>1</sub>: Cửa tay = Ngang nách tay - 2,5 → 3 cm

#### 4. VẼ TÚI ÁO:

- AB : Rộng miệng túi =  $1/4$  ngang vai + 1 → 3cm
- BC = AD: Sâu túi = Rộng miệng túi + 2 cm
- CD: Rộng đáy túi = rộng miệng túi
- AA<sub>1</sub> = BB<sub>1</sub> = thành phâm miệng túi + đường may
- DD<sub>1</sub> = CC<sub>1</sub> = 2 cm
- I là trung điểm CD
- Vị trí gắn túi: Ở thân trước bên thân trái (thân khuy) và cách đầu vai con từ 14 → 16 cm và cách

đường định áo 5 → 6cm, bên thẳng túi áo đặt phía bên định áo

- Cách chừa đường may túi áo: chừa đều 1cm đường may xung quanh, nếu nẹp miệng túi liền phải chừa thêm thành phẩm miệng túi + 1cm đường may phía trên miệng túi

## 5. VẼ CỔ ÁO:

### a. Vẽ chân cổ:

- Vẽ hình chữ nhật ABCD
- $AB = 1/2$  vòng cổ đo trên thân áo tính cả đường cái nút
- $AE = DF = 1/2$  vòng cổ thành phẩm
- $EB = EC$ : Đầu chân cổ = 2,5 cm
- $AA_1 = 0,3$  cm
- $A_1D = 3,3$  cm
- $BB_1 = 1$  cm
- $CB_2 = 0,7$  cm
- $B_2B_3 = 0,5$  cm

### b. Vẽ lá cổ:

- Vẽ hình chữ nhật ABCD
- $AB = CD = 1/2$  vòng cổ thành phẩm
- $AD = 4,3$  cm
- $BB_1 = 1$  cm
- $CB_2 = 2$  cm

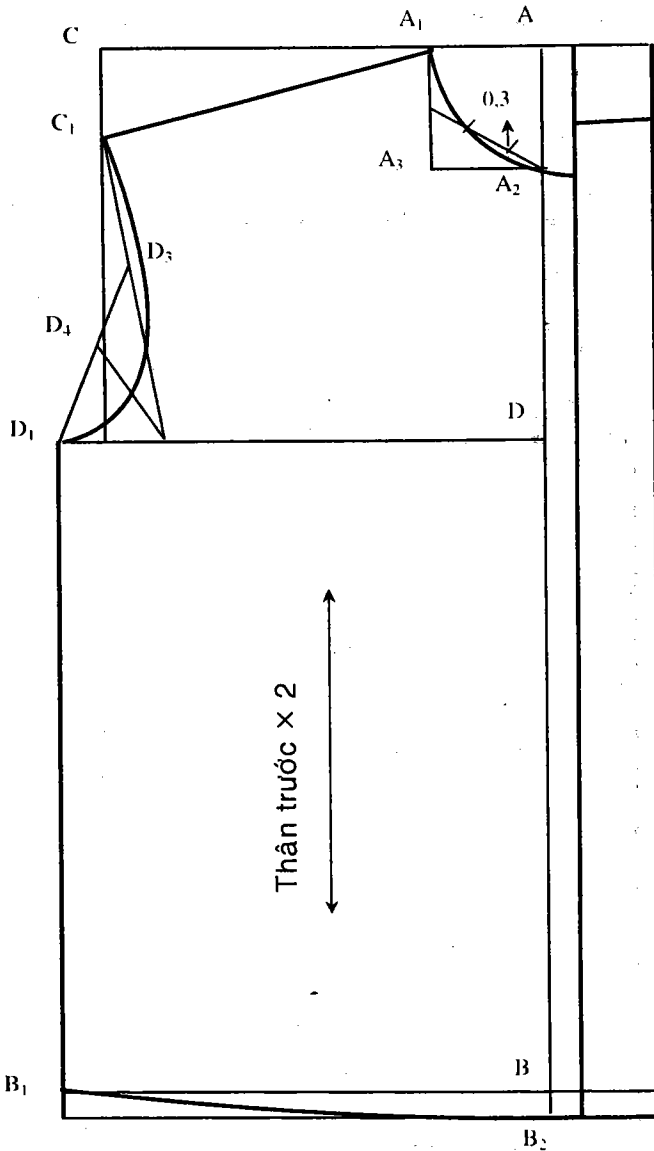
- $CB_3 = 1 \text{ cm}$

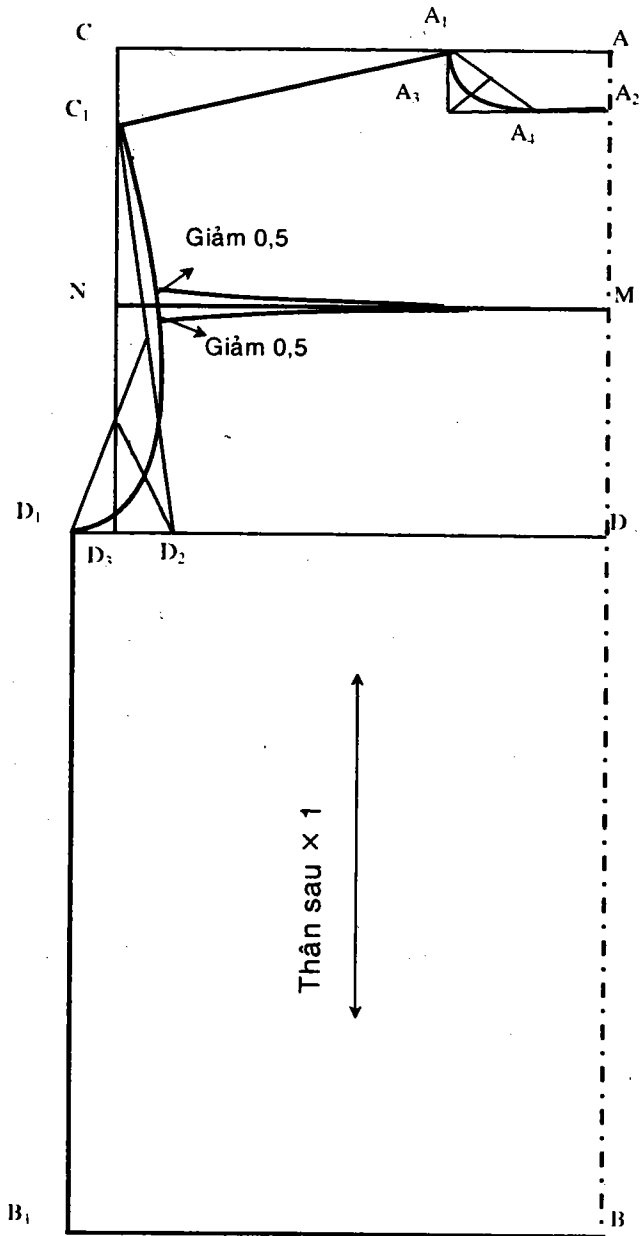
## **6. CÁCH GIA ĐƯỜNG MAY VÀ CẮT:**

- Sườn áo, vòng nách, vai con, gia đường may 1cm.
- Vòng cổ gia đường may 0,7cm.
- Lai áo gia đường may 2 cm
- Sườn tay, vòng nách tay gia đường may 1cm
- Lai tay gia đường may 2 cm
- Chân cổ gia đường may đều 1 cm
- Lá cổ gia đường may đều 1 cm

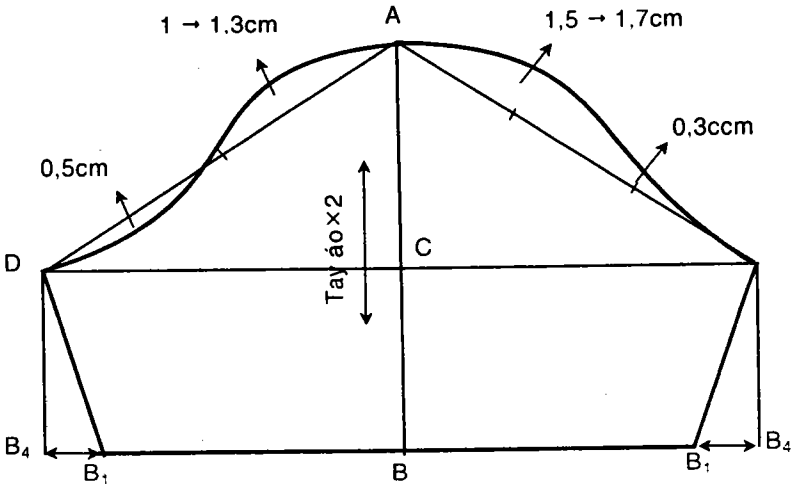


❖ THÀNH PHẨM THÂN TRƯỚC, THÂN SAU

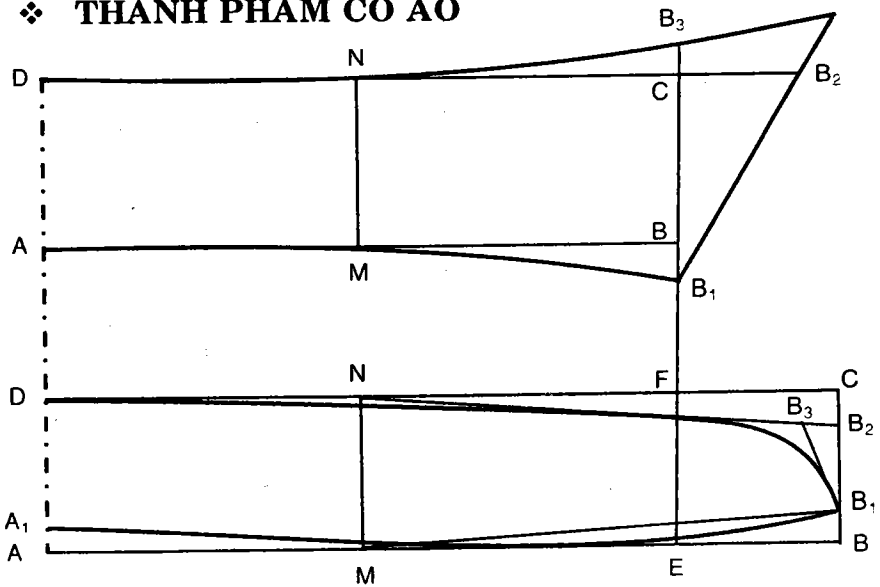




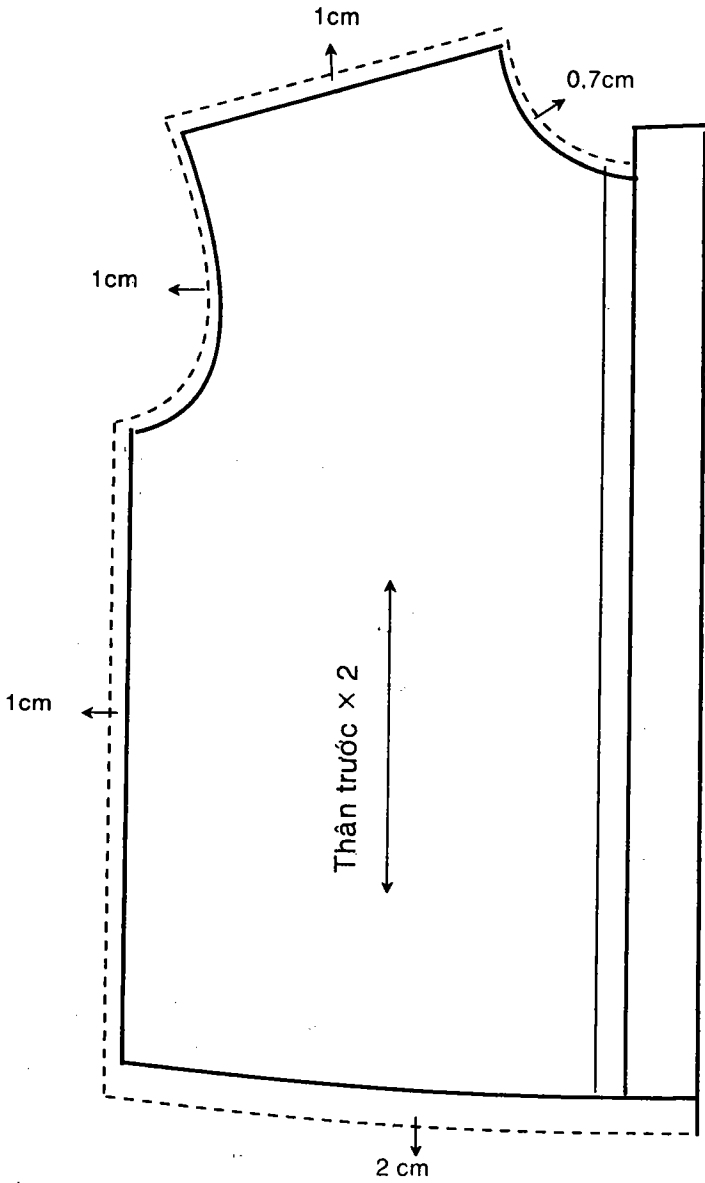
❖ **THÀNH PHẨM TAY ÁO**

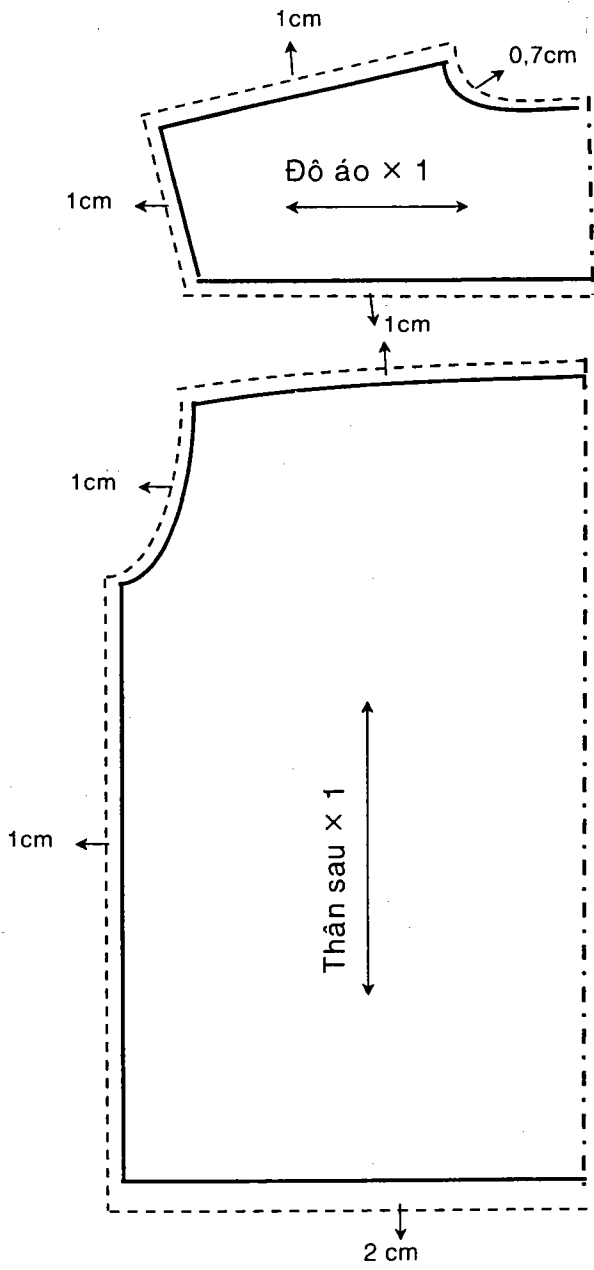


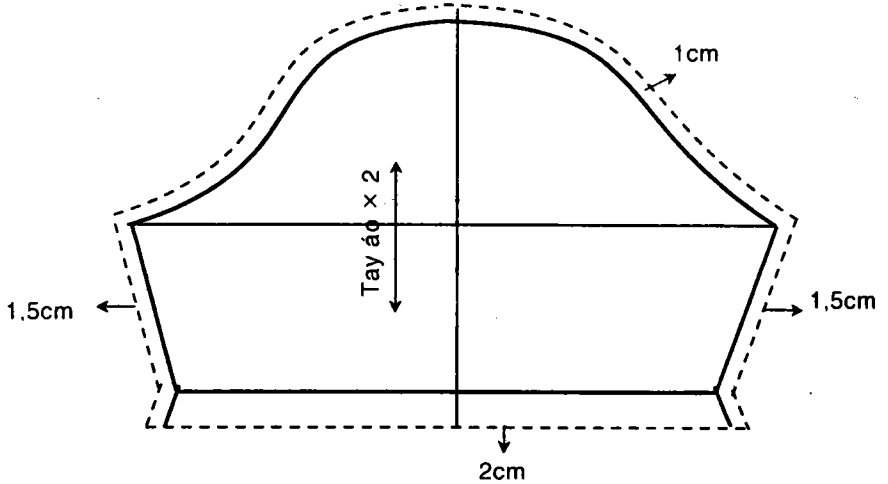
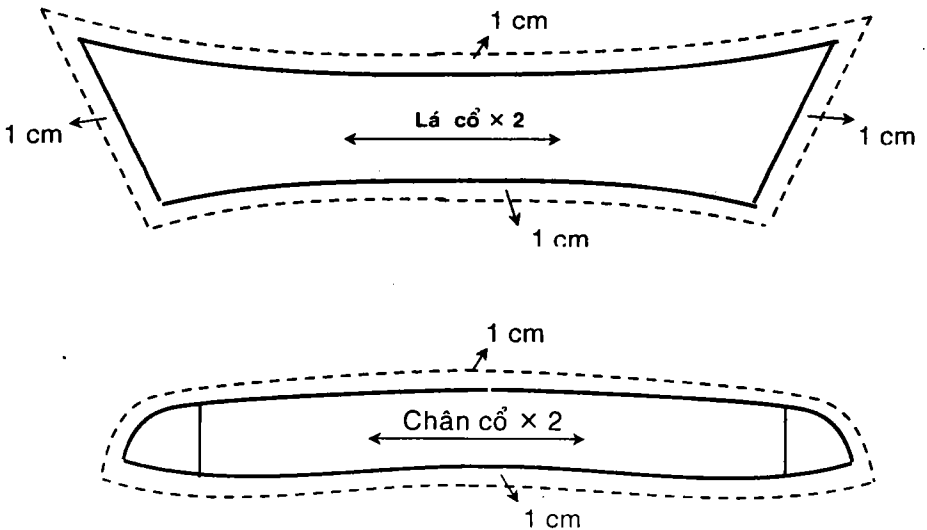
❖ **THÀNH PHẨM CỔ ÁO**



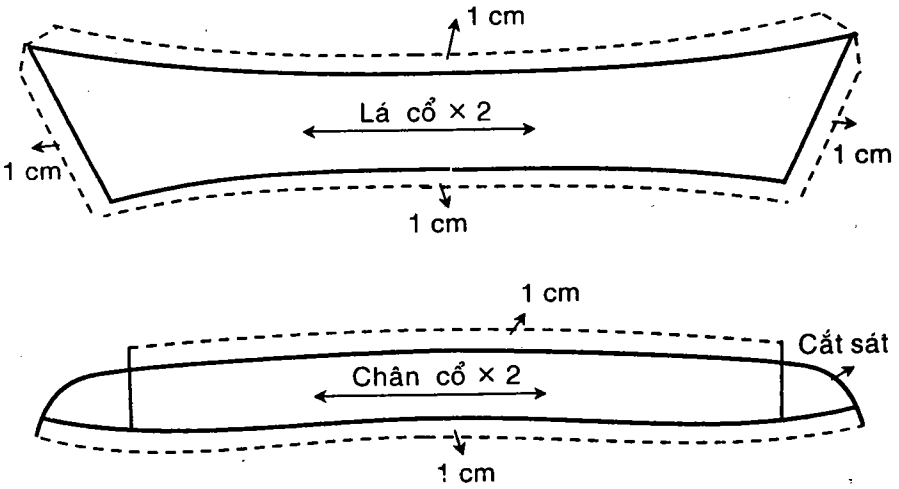
❖ **BÁN THÀNH PHẨM THÂN TRƯỚC, THÂN SAU**





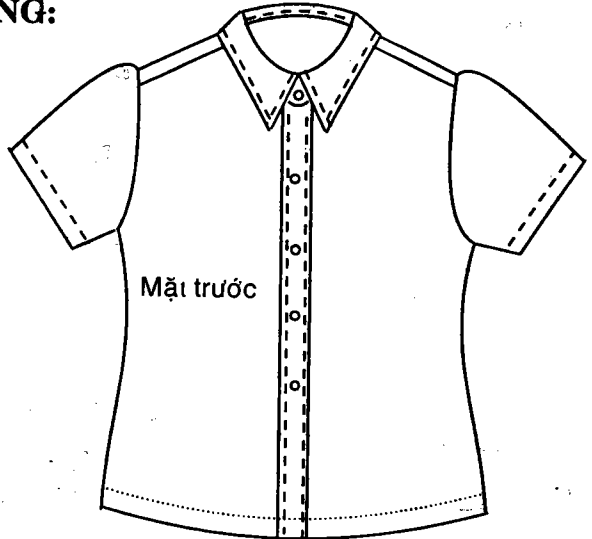
❖ **BÁN THÀNH PHẨM TAY ÁO**❖ **BÁN THÀNH PHẨM CỔ ÁO**

❖ BÁN THÀNH PHẨM LÁ CỔ, CHÂN CỔ



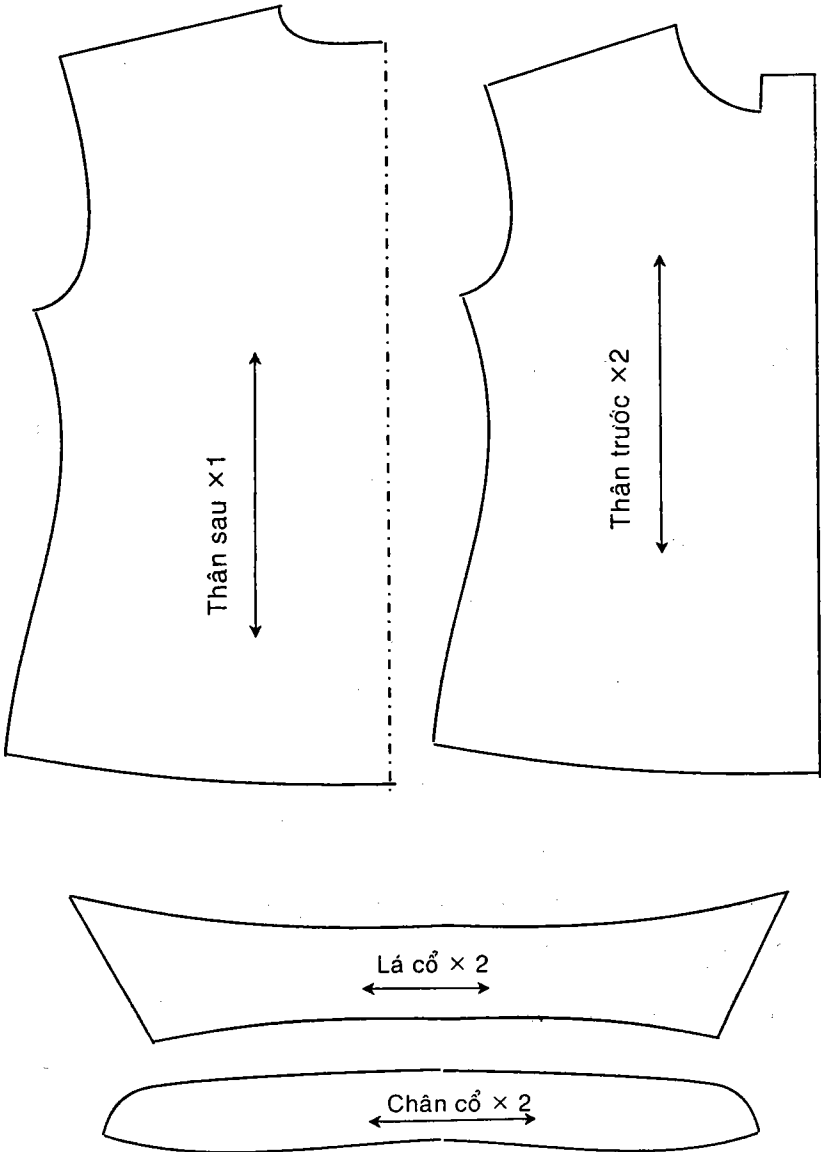
## Bài 4.2: THIẾT KẾ ÁO SƠMI BÉ GÁI

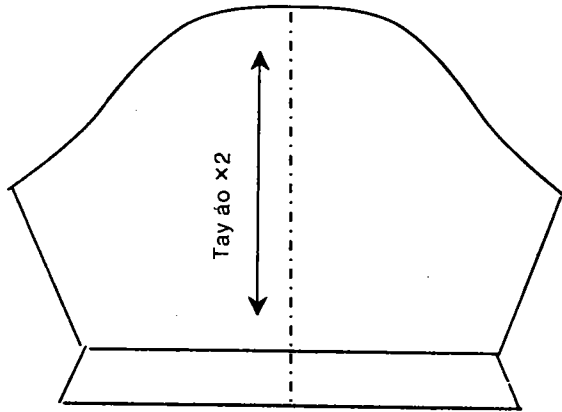
### I. HÌNH DÁNG:





## II. CẤU TRÚC: Gồm





### III. CÁCH TÍNH VẢI:

- Khổ vải 0,9m → 1,2m: 1 dài áo + 1 dài tay + 10cm
- Khổ vải 1,4m → 1,6m: 1 dài áo + 5cm

### IV. NI MẪU:

- Dài áo : 45cm
- Ngang vai : 28cm
- Dài tay : 15cm
- Vòng cổ : 26cm
- Vòng ngực : 56cm
- Hạ eo : 25cm

### V. PHƯƠNG PHÁP THIẾT KẾ:

#### 1. THÂN TRƯỚC:

##### a. Cách xếp vải:

- Xếp hai biên vải trùng nhau theo chiều dọc canh sợi, hai mặt phải úp vào nhau, hai mặt trái quay ra ngoài. Biên vải quay về phía người cắt
- Từ mép vải bên biên vải đo vào 3cm làm đỉnh áo (sau khi đã cắt bỏ biên). Từ đường đỉnh đo vào 1,5cm làm đường gài nút
- Vẽ cổ phía tay phải, vẽ lai phía tay trái

### **b. Cách vẽ:**

- AB : Dài áo trước = số đo
- $BB_2$  : Sa vạt =  $1 \rightarrow 1,5$  cm
- AC : Ngang vai trước =  $1/2$  vai
- $CC_1$  : Hạ vai trước =  $1/10$  vai

### **❖ Vẽ vòng cổ:**

- $AA_1$  : Vào cổ trước =  $1/5$  vòng cổ
- $AA_2 = A_1A_3$ : Hạ cổ trước =  $1/5$  vòng cổ
- Nối  $A_1A_2$  có  $A_4$  là điểm trung điểm.
- Vẽ vòng cổ qua  $A_1$ , điểm giữa  $A_3A_4$ . Từ  $A_2$  kẻ ngang đường gài nút xuống 0,2cm và vạch đối xứng vòng cổ qua đường đỉnh áo

### **❖ Vẽ vòng nách:**

- $CD_2$  : Hạ nách trước =  $1/4$  ngực
- $DD_1$  : Ngang ngực trước =  $1/4$  vòng ngực + 2cm
- Nối  $C_1D_2$ .  $C_1D_2 \perp DD_1$
- $D_2D_3$ : Vào nách tay = 2 cm
- $D_4$  là điểm giữa của  $C_1D_3$

- $D_5$  là điểm giữa của  $D_1D_4$
- Đánh cong vòng nách trước từ  $C_1$  qua  $D_4$ , điểm giữa của  $D_3D_5$  và  $D_1$

❖ **Vẽ sườn thân + lai áo:**

- AE: Hạ eo trước = Số đo (Hoặc DE = 12cm)
- EE<sub>1</sub>: Ngang eo trước = Ngang ngực - 1 → 1,5cm
- BB<sub>1</sub>: Ngang mông trước = Ngang ngực + 1 → 1,5cm
- B<sub>1</sub>B<sub>3</sub>: Giảm sườn = 0,5 → 1cm
- Đánh cong lõm đoạn  $D_1E_1$  vào 0,5 cm
- Chia  $E_1B_1$  làm 3 phần bằng nhau và đánh cong lồi 0,3 cm
- Chia đường ngang mông BB<sub>1</sub> làm 3 phần bằng nhau và đánh cong lồi ở điểm 1/3 thứ nhất gần điểm B<sub>1</sub>
- Vẽ đường sườn qua các điểm  $D_1, E_1, B_2$

## 2. THÂN SAU:

### a. Cách xếp vải:

- Từ ngoài mép vải đo vào bằng ngang mông thân trước cộng 1,5 → 2cm đường may, xếp đôi vải bề trái quay ra ngoài
- Đặt thân trước lên phần vải để vẽ thân sau
- Sang dấu lại các đường: ngang mông, ngang ngực, ngang eo
- Vẽ lai phía tay trái, vẽ cổ phía tay phải

**b. Cách vẽ:**

- AB: Dài áo sau = Số đo + chòm vai
- AC: Ngang vai sau =  $1/2$  vai
- $CC_1$ : Hạ vai sau =  $1/10$  vai

**❖ Vẽ vòng cổ:**

- $AA_1$ : Vào cổ sau =  $1/5$  vòng cổ
- $AA_2 = A_1A_3$ : Hạ cổ sau = 1,5 cm
- $A_4$  là điểm giữa  $A_2A_3$
- $A_5$  là điểm giữa  $A_1A_4$
- Đánh cong vòng cổ sau qua điểm  $A_1$ , điểm giữa  $A_3A_5$ ,  $A_4$  và  $A_2$

**❖ Vẽ vòng nách:**

- $CD_2$ : Hạ nách sau =  $1/4$  vòng ngực
- $DD_1$ : Ngang ngực sau =  $1/4$  vòng ngực + 2cm
- $D_2D_3$ : Vào nách tay = 1,5cm
- $D_4$  là điểm giữa của  $C_1D_3$
- $D_5$  là điểm giữa của  $D_1D_4$
- Đánh cong vòng nách sau qua các điểm  $C_1$ ,  $D_4$ , điểm giữa của  $D_5D_3$  và  $D_1$

**❖ Vẽ sườn thân + lai áo:**

- AE : Số đo (Hoặc DE = 10 → 12cm)
- $EE_1$ : Ngang eo sau = Ngang ngực - 1 → 1,5 cm
- $BB_1$ : Ngang hông sau = Ngang. ngực + 1 → 1,5 cm
- $B_1B_2$ : Giảm sườn = 0,5 → 1cm

- Đánh cong lõm đoạn  $D_1E_1$  vào 0,5 cm
- Chia  $E_1B_1$  làm 3 phần bằng nhau và đánh cong lồi 0,3 cm.
- Chia đường ngang hông  $BB_1$  làm 3 phần bằng nhau và đánh cong lồi ở điểm  $1/3$  thứ nhất gần điểm  $B_1$  0,3 cm
- Vẽ đường sườn thân sau từ các điểm  $D_1, E_1, B_2$

### 3. VẼ TAY ÁO

#### ❖ ÁO TAY NGẮN

##### a. Cách xếp vải:

- Từ biên vải đo vào ( $1/2$  vòng nách + 0,5cm + 1,5cm đường may). Xếp đôi vải, bề mặt úp vào trong, bề trái quay ra ngoài, đường vải xếp quay vào trong người cắt
- Vẽ lại phía tay trái, vẽ vòng nách phía tay phải người cắt

##### b. Cách vẽ:

- AB: Dài tay = Số dài tay
- $B_1B_2$ : Lai tay = 2cm
- CD: Ngang tay =  $1/4$  vòng ngực
- AC: Hạ nách tay =  $1/10$  vòng ngực + 1 → 2cm
- AD =  $1/2$  (vòng nách trước + vòng nách sau).
- Chú ý đo đường cong vòng nách trước, vòng nách sau trên thân áo
- $BB_1$ : Cửa tay = Ngang nách tay - 2 cm

#### 4. VẼ CỔ ÁO:

##### ❖ Vẽ chân cổ tròn:

- Vẽ hình chữ nhật ABCD
- $AB = 1/2$  vòng cổ đo trên thân áo tính cả đường cài nút
- $AE = DF = 1/2$  vòng cổ thành phẩm
- $EB = EC$ : Đầu chân cổ = 2,5 cm
- $AA_1 = 0,3$  cm
- $A_1D = 3,3$  cm
- $BB_1 = 1$  cm
- $CB_2 = 0,7$  cm
- $B_2B_3 = 0,5$  cm

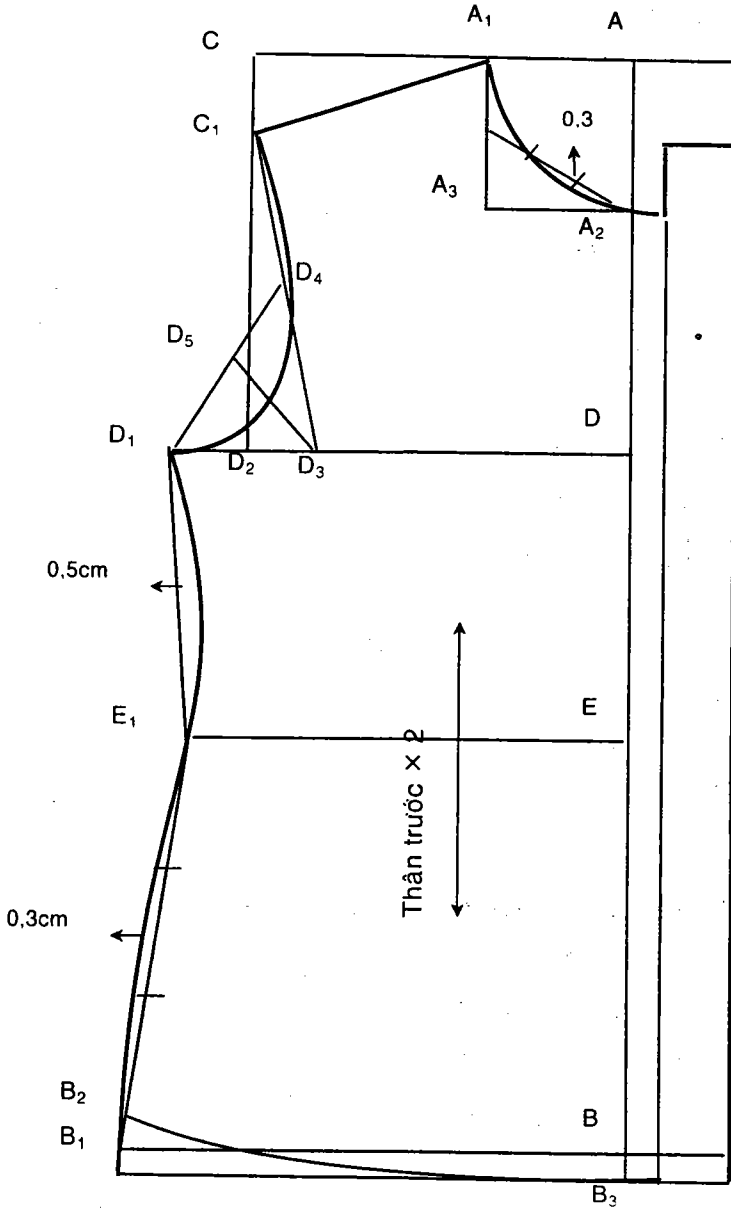
##### ❖ Vẽ lá cổ:

- Vẽ hình chữ nhật ABCD
- $AB = CD = 1/2$  vòng cổ thành phẩm
- $AD = 4,3$  cm
- $BB_1 = 1$  cm
- $CB_2 = 2$  cm
- $CB_3 = 1$  cm

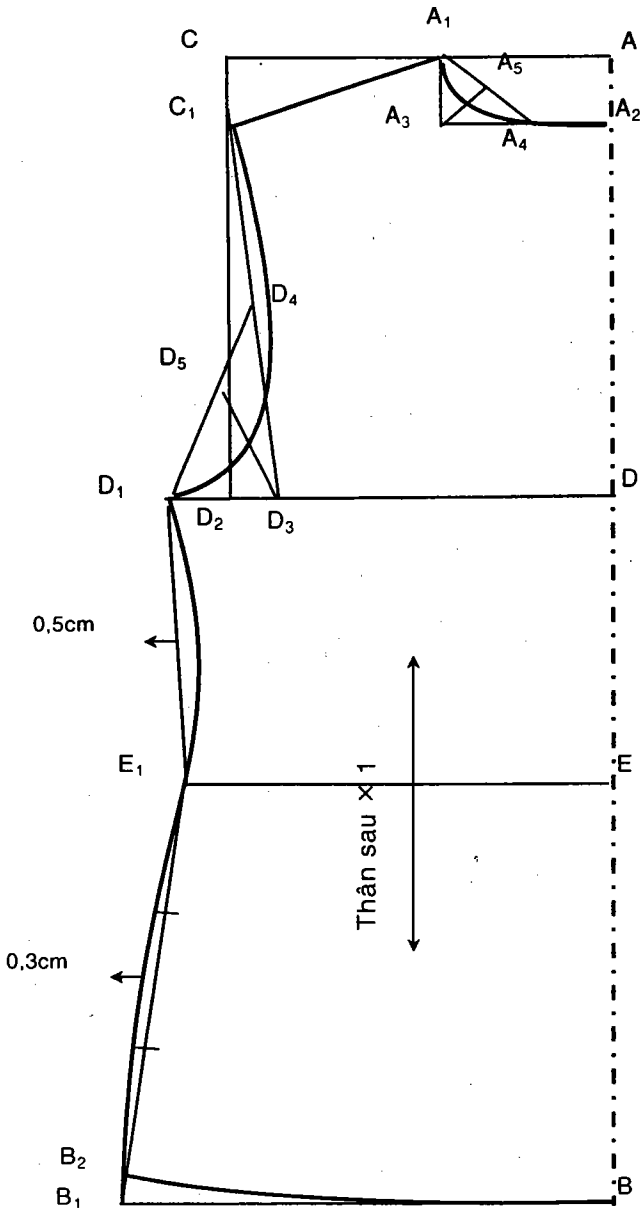
#### 5. CÁCH CHỮA ĐƯỜNG MAY VÀ CẮT:

- Sườn áo, vai con gia đường may 1,5 cm
- Lai áo gia đường may 2 cm
- Nách áo gia đường may 1 cm.
- Vòng cổ gia đường may 0,6 cm.
- Lá cổ, chân cổ gia đường may đều 1 cm

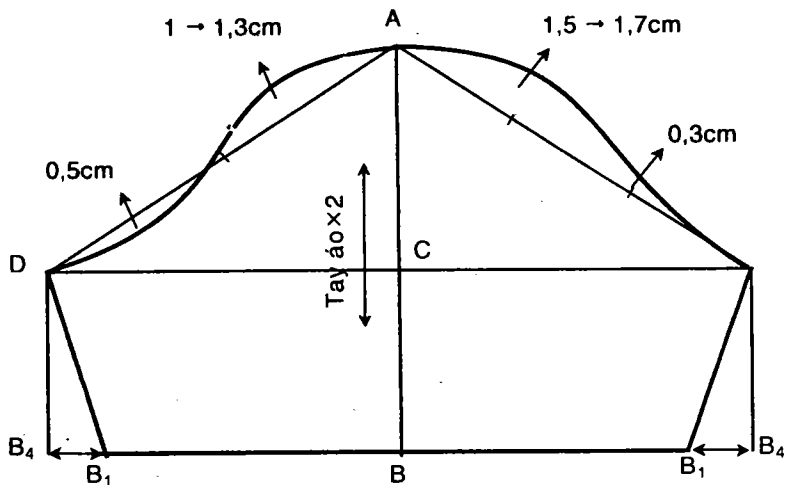
❖ **THÀNH PHẨM THÂN TRƯỚC, THÂN SAU**



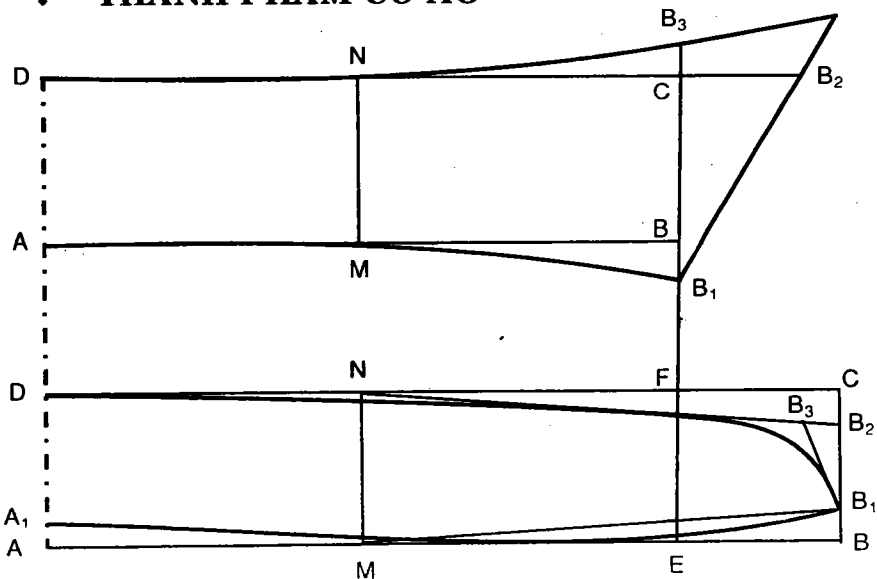




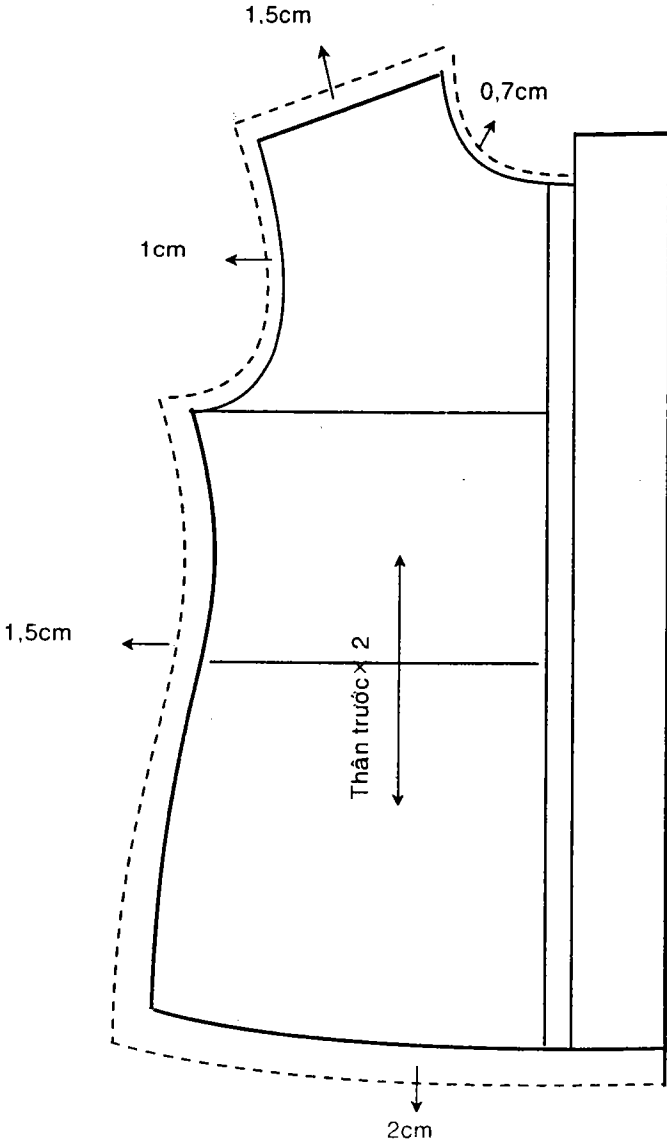
❖ **THÀNH PHẨM TAY ÁO**

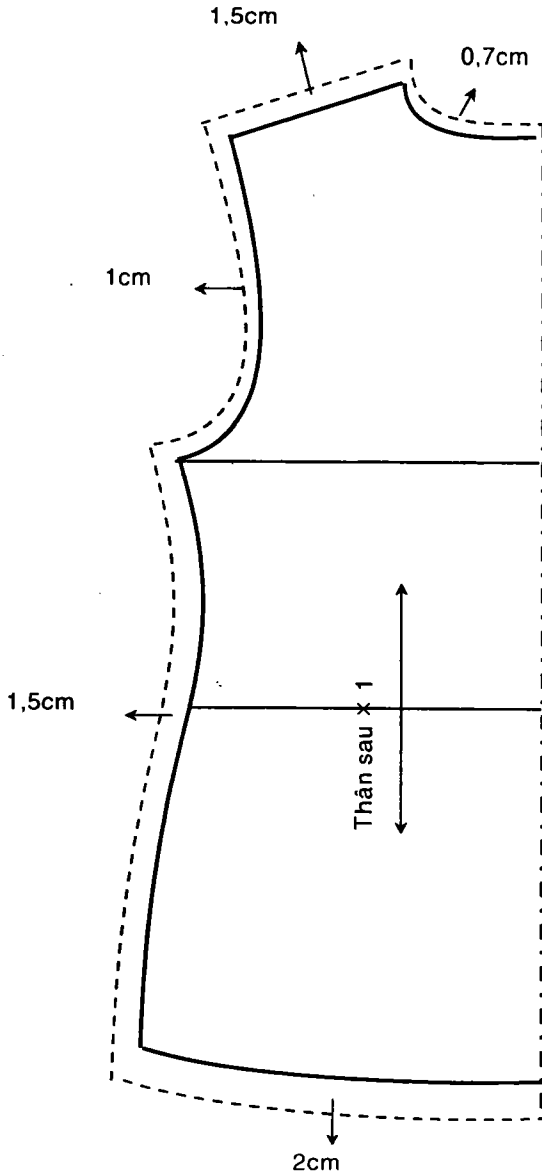


❖ **THÀNH PHẨM CỔ ÁO**

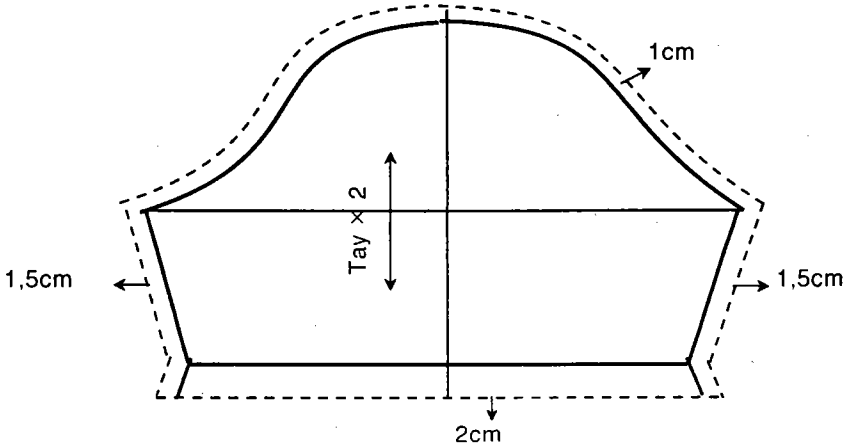


❖ BÁN THÀNH PHẪM THÂN TRƯỚC, THÂN SAU

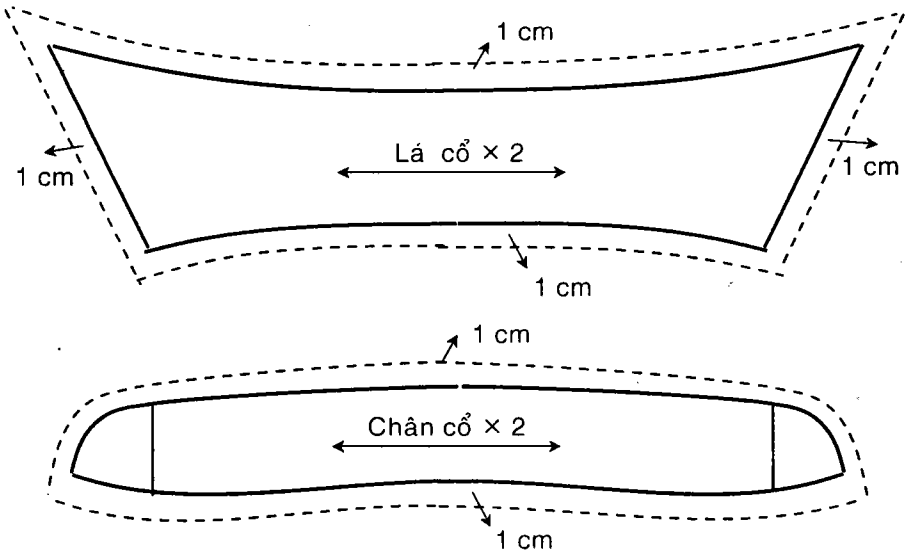




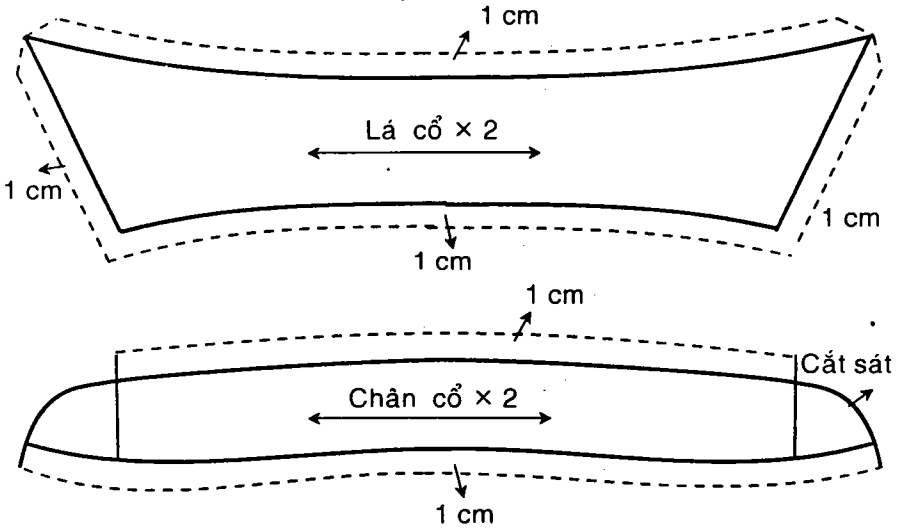
❖ BÁN THÀNH PHẨM TAY ÁO



❖ BÁN THÀNH PHẨM CỔ ÁO



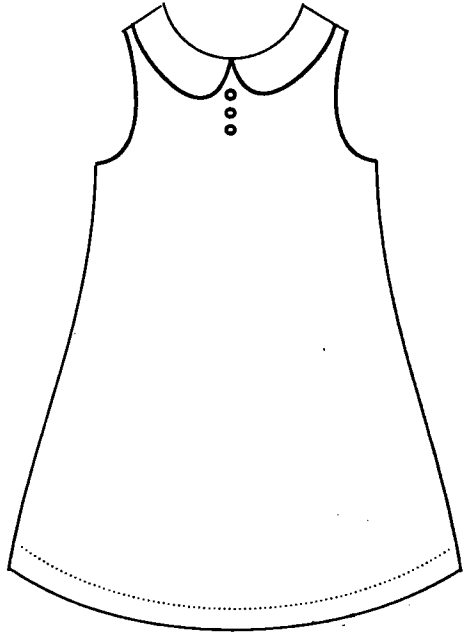
## ❖ BÁN THÀNH PHẨM KEO LÁ CỔ, CHÂN CỔ



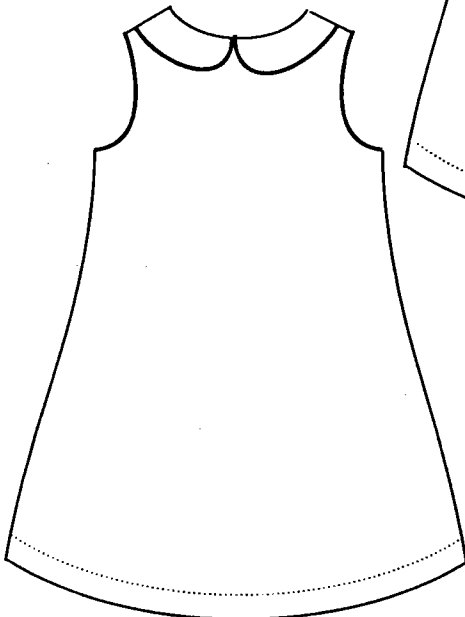
## BÀI 4.3: THIẾT KẾ ÁO ĐẦM BÉ GÁI (ĐẦM LIỀN)

### I. HÌNH DÁNG:

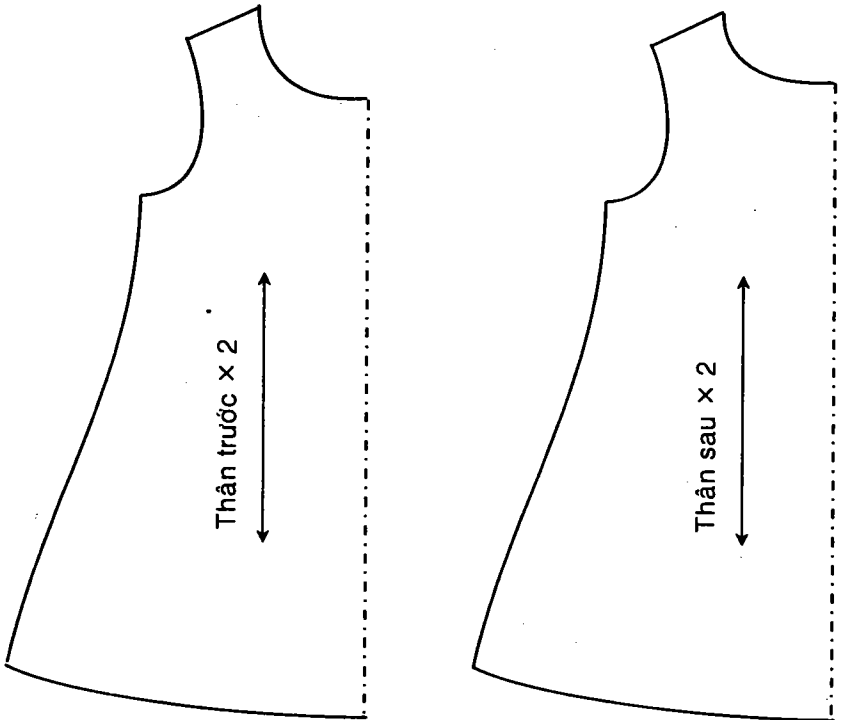
Mặt trước



Mặt sau



## II. CẤU TRÚC: Gồm



## III. CÁCH TÍNH VẢI:

- Khố vải 1,2m : 1 dài áo + lai + đường may

## IV. NI MẪU:

- Dài áo : 50cm
- Ngang vai : 26cm
- Vòng cổ : 26cm
- Vòng ngực : 56cm
- Hạ eo : 24cm



## V. PHƯƠNG PHÁP THIẾT KẾ:

### 1. THÂN SAU:

#### a. Cách xếp vải:

- Từ ngoài mép vải đo vào bằng ngang lai thân trước cộng 1,5→2cm đường may, xếp đôi vải bẻ trái quay ra ngoài
- Vẽ cổ phía tay phải, vẽ lai phía tay trái.

#### b. Cách vẽ:

- AB : Dài áo trước = Số đo
- AC : Ngang vai sau = 1/2 vai
- $CC_1$  : Hạ vai sau = 1/10 vai + 0,5cm

#### ❖ Vẽ vòng cổ:

- $AA_1$  : Vào cổ sau = 1/5 vòng cổ
- $AA_2 = A_1A_3$ : Hạ cổ sau = 1,5 cm
- $A_4$  là điểm trung điểm của  $A_2A_3$
- $A_5$  là điểm trung điểm của  $A_1A_4$
- Vẽ vòng cổ qua  $A_1$ , điểm giữa  $A_3A_4$  và  $A_2$

#### ❖ Vẽ vòng nách:

- $CD_2$  : Hạ nách trước = 1/4 ngực
- $DD_1$ : Ngang ngực trước = 1/4 vòng ngực + 2cm
- Nối  $C_1D_2$ .  $C_1D_2 \perp DD_1$
- $D_2D_3$ : Vào nách tay = 2 cm
- $D_4$  là điểm giữa của  $C_1D_3$
- $D_5$  là điểm giữa của  $D_1D_4$

- Đánh cong vòng nách trước từ  $C_1$  qua  $D_4$ , điểm giữa của  $D_3D_5$  và  $D_1$

❖ **Vẽ sườn thân + lai áo:**

- $BB_1$ : Ngang lai sau = ngang ngực + 3 → 5cm
- $B_1B_3$ : Giảm sườn = 1cm
- Vẽ đường sườn qua các điểm  $D_1, B_2$

### 3. THÂN TRƯỚC :

#### a. Cách xếp vải:

- Từ ngoài mép vải đo vào bằng ngang lai thân trước cộng 1,5 → 2cm đường may, xếp đôi vải bề trái quay ra ngoài.
- Đặt thân trước lên phần vải để vẽ thân sau.
- Sang dấu lại các đường: ngang lai, ngang ngực, ngang vai
- Vẽ lai phía tay trái, vẽ cổ phía tay phải.

#### b. Cách vẽ:

- $AB$ : Dài áo trước = Số đo
- $BB_2$ : Sa vạt = 1cm
- $AC$ : Ngang vai trước = 1/2 vai
- $CC_1$ : Hạ vai trước = 1/10 vai + 0,5 cm

❖ **Vẽ vòng cổ:**

- $AA_1$ : Vào cổ trước = 1/5 vòng cổ
- $AA_2 = A_1A_3$ : Hạ cổ trước = 1/5 vòng cổ
- $A_4$  là điểm giữa  $A_1A_2$

- Đánh cong vòng cổ sau qua điểm  $A_1$ , điểm giữa  $A_3A_4$  và  $A_2$

❖ **Vẽ vòng nách:**

- $CD_2$ : Hạ nách trước =  $1/4$  vòng ngực
- $DD_1$ : Ngang ngực sau =  $1/4$  vòng ngực + 2cm
- $D_2D_3$ : Vào nách tay = 1,5cm
- $D_4$  là điểm giữa của  $C_1D_3$
- $D_5$  là điểm giữa của  $D_1D_4$
- Đánh cong vòng nách sau qua các điểm  $C_1$ ,  $D_4$ , điểm giữa của  $D_5D_3$  và  $D_1$

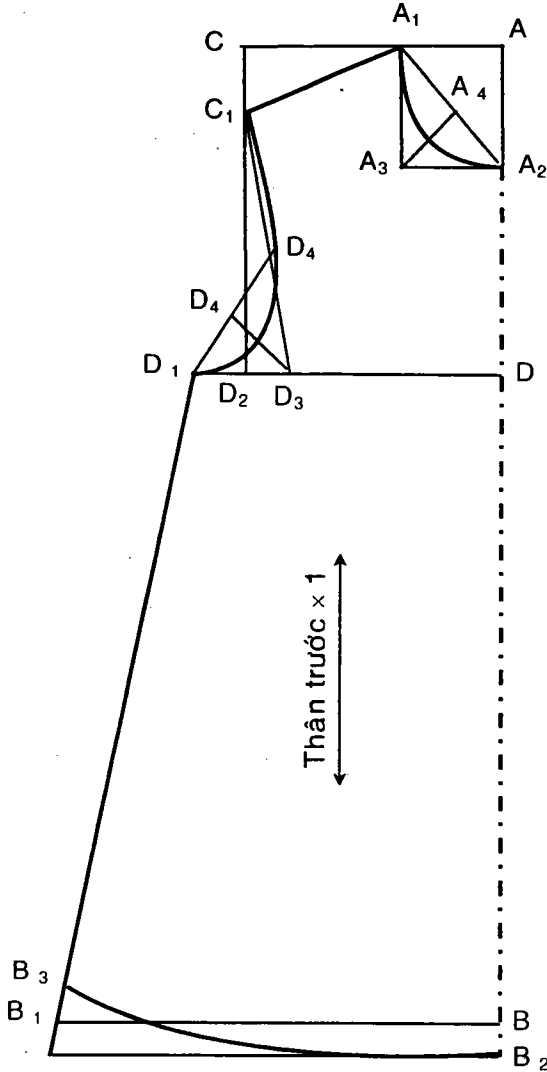
❖ **Vẽ sườn thân + lai áo:**

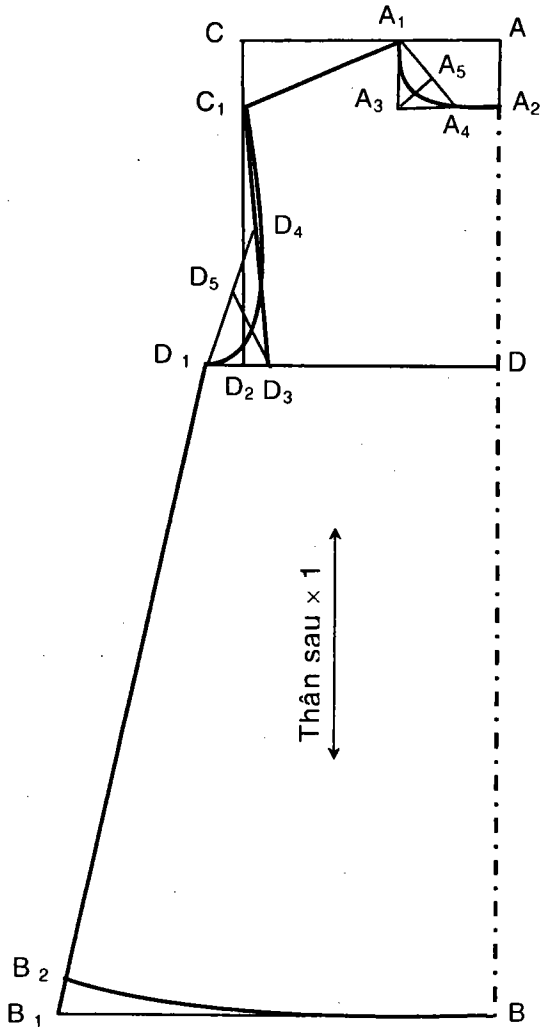
- $BB_1$ : Ngang lai trước =  $1/4$  vòng ngực + 3 → 5 cm
- $B_1B_3$ : Giảm sườn = 1cm
- Vẽ đường sườn thân trước qua các điểm  $D_1$ ,  $B_3$

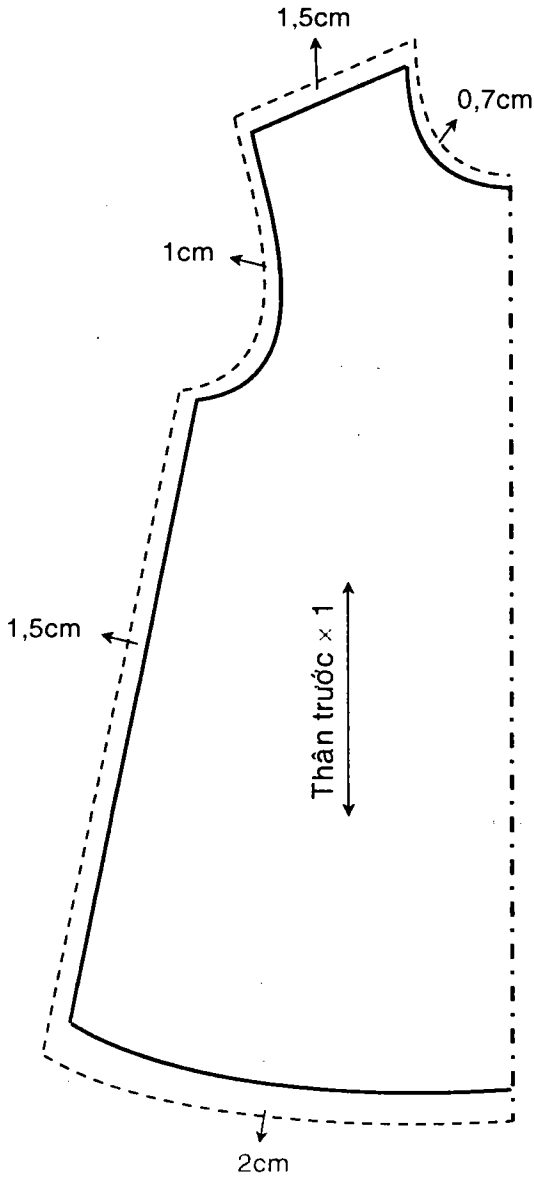
#### 4. CÁCH CHỮA ĐƯỜNG MAY VÀ CẮT:

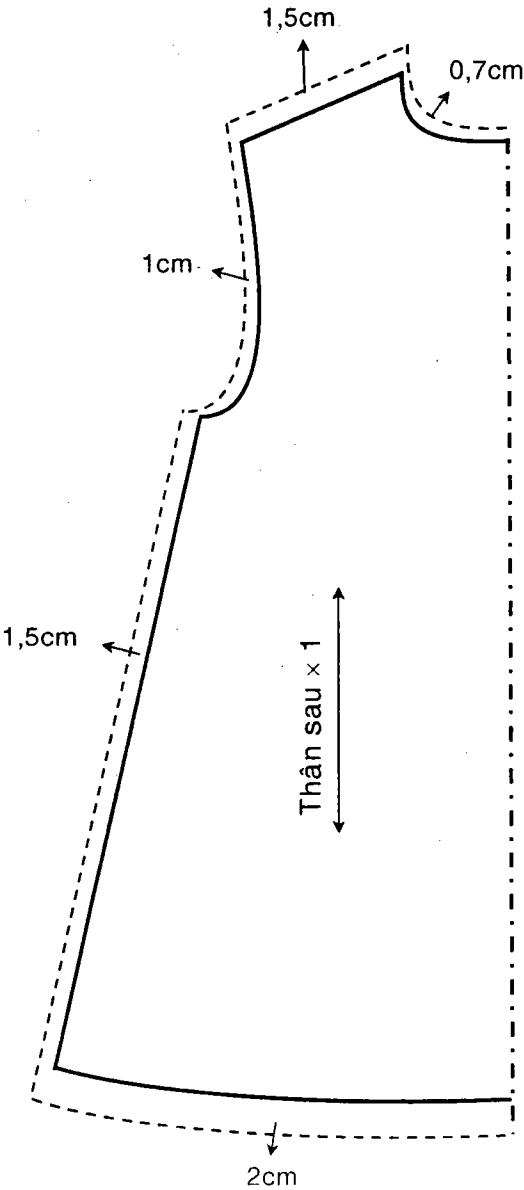
- Sườn áo, vai con gia đường may 1,5 cm
- Lai áo gia đường may 2 cm
- Nách áo gia đường may 1 cm.
- Vòng cổ gia đường may 0,7 cm.

❖ **THÀNH PHẨM THÂN TRƯỚC, THÂN SAU**



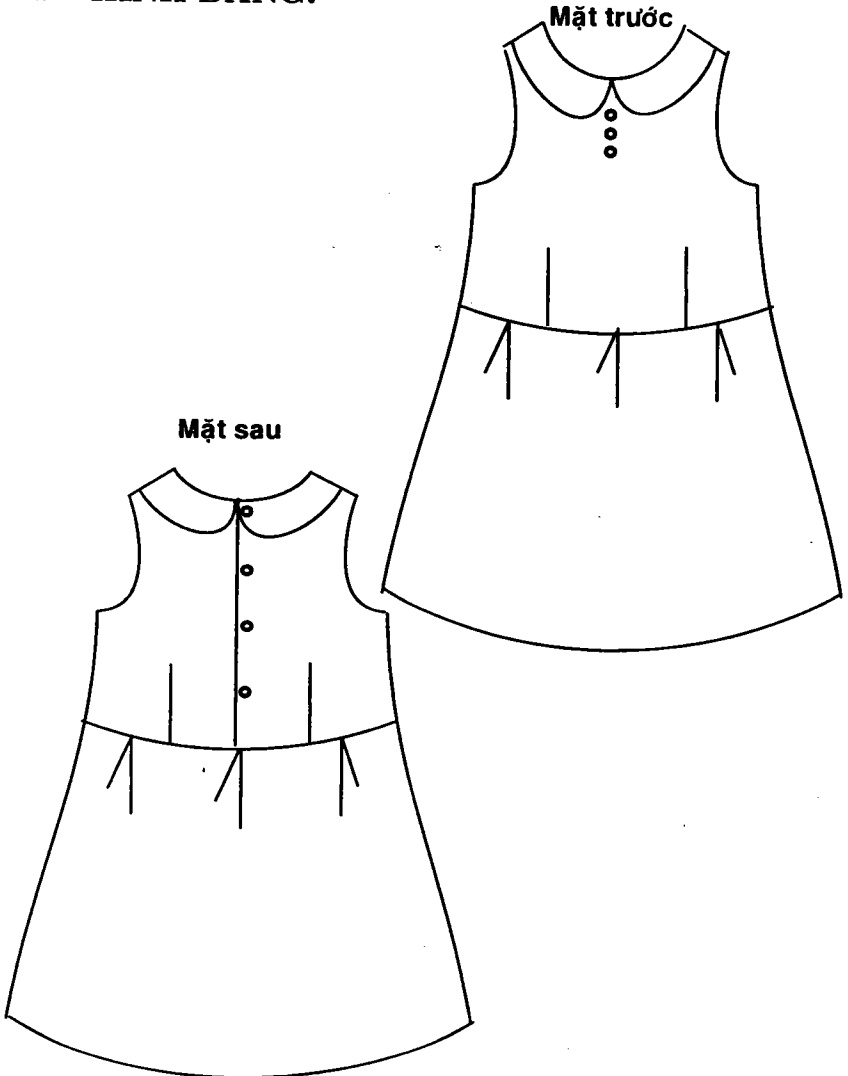


**❖ BÁN THÀNH PHẨM THÂN TRƯỚC, THÂN SAU**



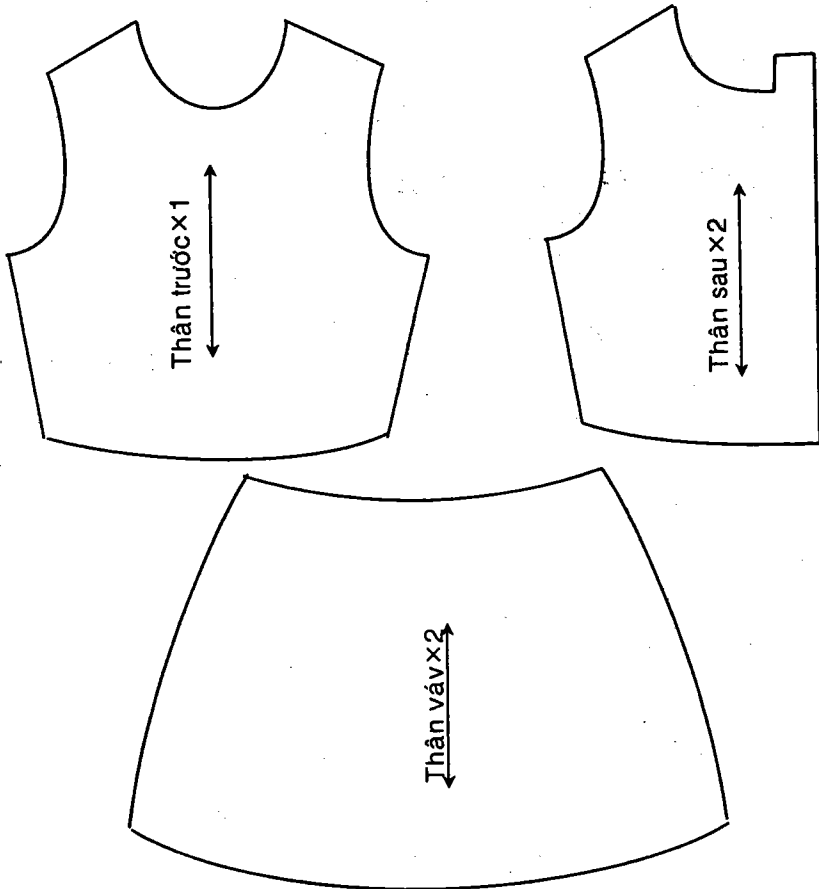
## Bài 4.4: THIẾT KẾ ÁO ĐẦM BÉ GÁI (ĐẦM RỜI)

### I. HÌNH DÁNG:





## II. CẤU TRÚC: Gồm



## III. CÁCH TÍNH VẢI:

- Khố vải 1,2m : 1dài áo + lai + đường may

## IV. NI MẪU:

- Dài áo : 50cm
- Ngang vai : 26cm

- Vòng cổ : 26cm
- Vòng ngực : 56cm
- Vòng eo : 50cm
- Hạ eo : 24cm

## V. PHƯƠNG PHÁP THIẾT KẾ:

### 1. THÂN SAU:

#### a. Cách xếp vải:

- Xếp hai biên vải trùng nhau theo chiều dọc canh sợi, hai mặt phải úp vào nhau, hai mặt trái quay ra ngoài. Biên vải quay về phía người cắt
- Từ mép vải bên biên vải đo vào 3cm làm đỉnh áo sau khi đã cắt bỏ biên. Từ đường đỉnh đo vào 1,5cm làm đường gài nút.
- Vẽ cổ phía tay phải, vẽ lai phía tay trái.

#### b. Cách vẽ:

- AE : Dài áo sau = Số đo hạ eo
- Hoặc Dài áo = số đo dài áo – phần váy
- AC : Ngang vai sau = 1/2 vai
- $CC_1$  : Hạ vai sau = 1/10 vai + 0,5cm

#### ❖ Vẽ vòng cổ:

- $AA_1$  : Vào cổ sau = 1/5 vòng cổ
- $AA_2 = A_1A_3$  : Hạ cổ sau = 1,5 cm
- $A_4$  là điểm trung điểm của  $A_2A_3$

- $A_5$  là điểm trung điểm của  $A_1A_4$
- Vẽ vòng cổ qua  $A_1$ , điểm giữa  $A_3A_5$  và  $A_2$

❖ **Vẽ vòng nách:**

- $CD_2$ : Hạ nách trước =  $1/4$  ngực
- $DD_1$ : Ngang ngực trước =  $1/4$  vòng ngực + 2cm
- Nối  $C_1D_2$ .  $C_1D_2 \perp DD_1$
- $D_2D_3$ : Vào nách tay = 2 cm
- $D_4$  là điểm giữa của  $C_1D_3$
- $D_5$  là điểm giữa của  $D_1D_4$
- Đánh cong vòng nách trước từ  $C_1$  qua  $D_4$ , điểm giữa của  $D_3D_5$  và  $D_1$

❖ **Vẽ sườn thân + lai áo:**

- AE: Hạ eo sau = Số đo
- Hoặc DE = 12 → 13cm (*tính từ ngang ngực*)
- $EE_1$ : Ngang eo sau =  $1/4$  eo + 2 (pen) + 1,5 → 2cm
- $E_1E_2$ : Giảm sườn = 1cm
- Vẽ đường sườn qua các điểm  $D_1$ ,  $E_2$

## 2. THÂN TRƯỚC :

### a. Cách xếp vải:

- Từ ngoài mép vải đo vào bằng ngang ngực thân trước cộng 1,5 → 2cm đường may, xếp đôi vải bẻ trái quay ra ngoài.
- Đặt thân trước lên phần vải còn lại để vẽ thân sau.

- Sang dấu lại các đường: ngang eo , ngang ngực, ngang vai
- Vẽ lại phía tay trái, vẽ cổ phía tay phải.

**b. Cách vẽ:**

- AE : Dài áo sau = Số đo hạ eo
- Hoặc Dài áo = số đo dài áo – phần váy
- AC: Ngang vai trước = 1/2 vai
- CC<sub>1</sub>: Hạ vai trước = 1/10 vai + 0,5 cm

❖ **Vẽ vòng cổ:**

- AA<sub>1</sub>: Vào cổ trước = 1/5 vòng cổ
- AA<sub>2</sub> = A<sub>1</sub>A<sub>3</sub> : Hạ cổ trước = 1/5 vòng cổ
- A<sub>4</sub> là điểm giữa A<sub>2</sub>A<sub>3</sub>
- A<sub>5</sub> là điểm giữa A<sub>1</sub>A<sub>4</sub>
- Đánh cong vòng cổ sau qua điểm A<sub>1</sub>, điểm giữa A<sub>3</sub>A<sub>5</sub> , A<sub>4</sub> và A<sub>2</sub>

❖ **Vẽ vòng nách:**

- CD<sub>2</sub>: Hạ nách trước = 1/4 vòng ngực
- DD<sub>1</sub>: Ngang ngực sau = 1/4 vòng ngực + 2cm
- D<sub>2</sub>D<sub>3</sub>: Vào nách tay = 2,5cm
- D<sub>4</sub> là điểm giữa của C<sub>1</sub>D<sub>3</sub>
- D<sub>5</sub> là điểm giữa của D<sub>1</sub>D<sub>4</sub>
- Đánh cong vòng nách sau qua các điểm C<sub>1</sub>, D<sub>4</sub>, điểm giữa của D<sub>5</sub> D<sub>3</sub> và D<sub>1</sub>

❖ **Vẽ sườn thân + lai áo:**

- AE: Hạ eo sau = Số đo

- Hoặc  $DE = 12 \rightarrow 13\text{cm}$  (tính từ ngang ngực)
- $EE_1$ : Ngang eo sau =  $1/4$  eo + 2 (pen) + 1,5  $\rightarrow$  2cm
- $E_1E_2$ : Giảm sườn = 1cm
- Vẽ đường sườn qua các điểm  $D_1, E_2$

### 3. THIẾT KẾ VÁY

#### a. Cách xếp vải:

- Từ ngoài mép vải đo vào bằng  $1/2$  vòng eo + 30 cm đường may
- Xếp đôi vải bề trái quay ra ngoài.
- Vẽ lai phía tay trái, vẽ lung phía tay phải.

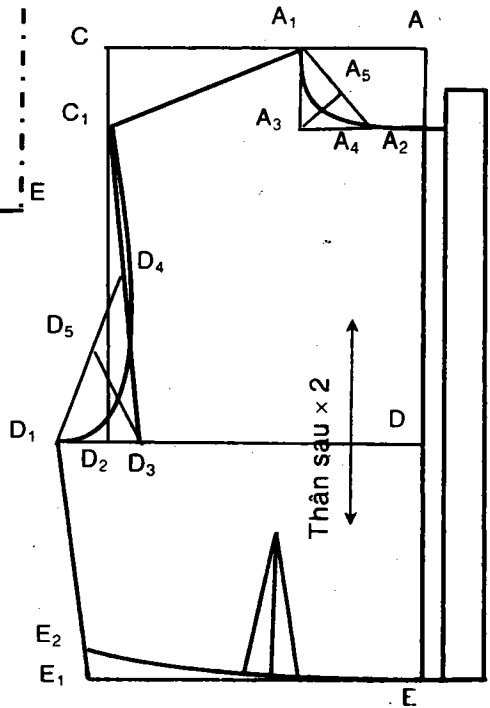
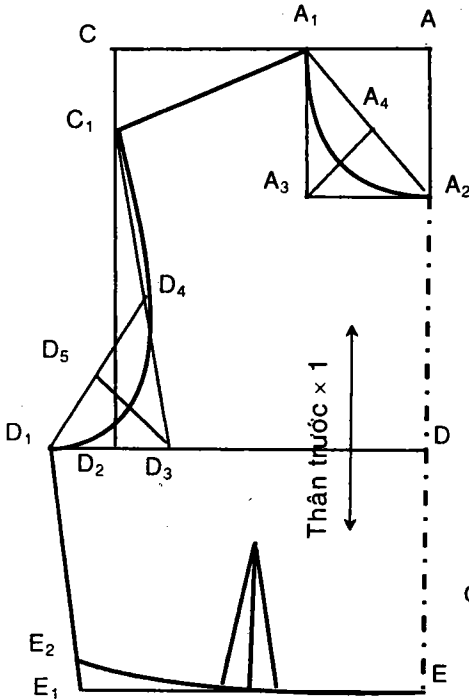
#### b. Cách vẽ:

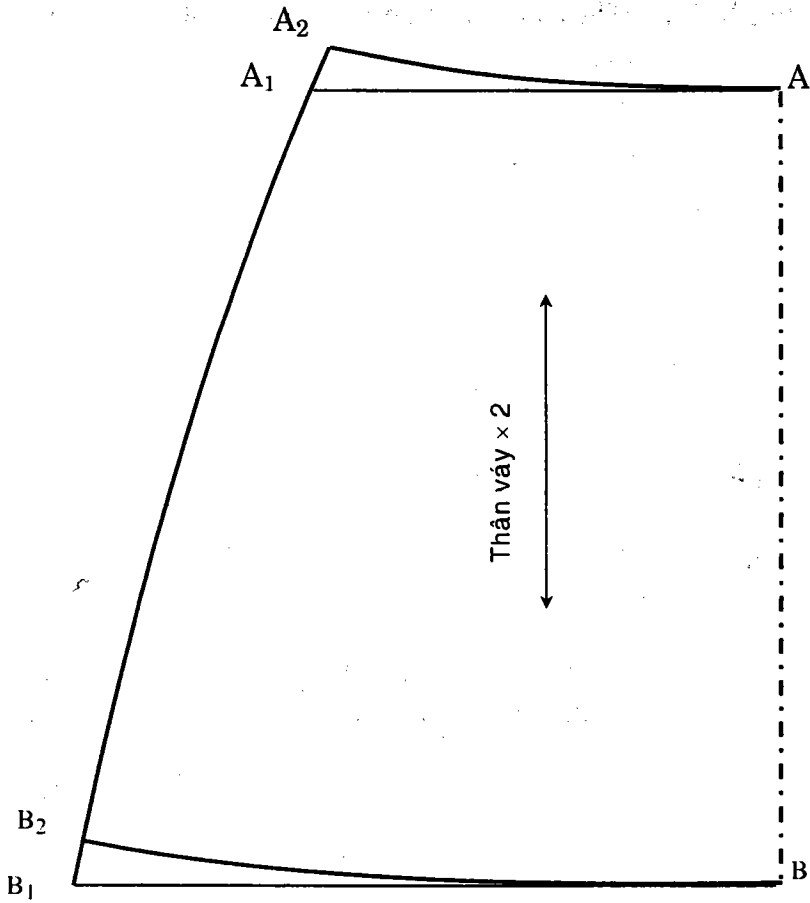
- AB: Dài váy = số đo dài áo - dài áo thân áo
- $AA_1$ : Ngang eo =  $1/2$  eo + 15 cm (phần dún)
- $A_1A_2 = 1\text{cm}$
- $BB_1$ : Ngang lai = ngang eo + 7 cm
- $B_1B_2$ : Giảm sườn = 1cm
- Vẽ đường sườn qua các điểm  $D_1, E_2$

### 3. CÁCH CHỮA ĐƯỜNG MAY VÀ CẮT:

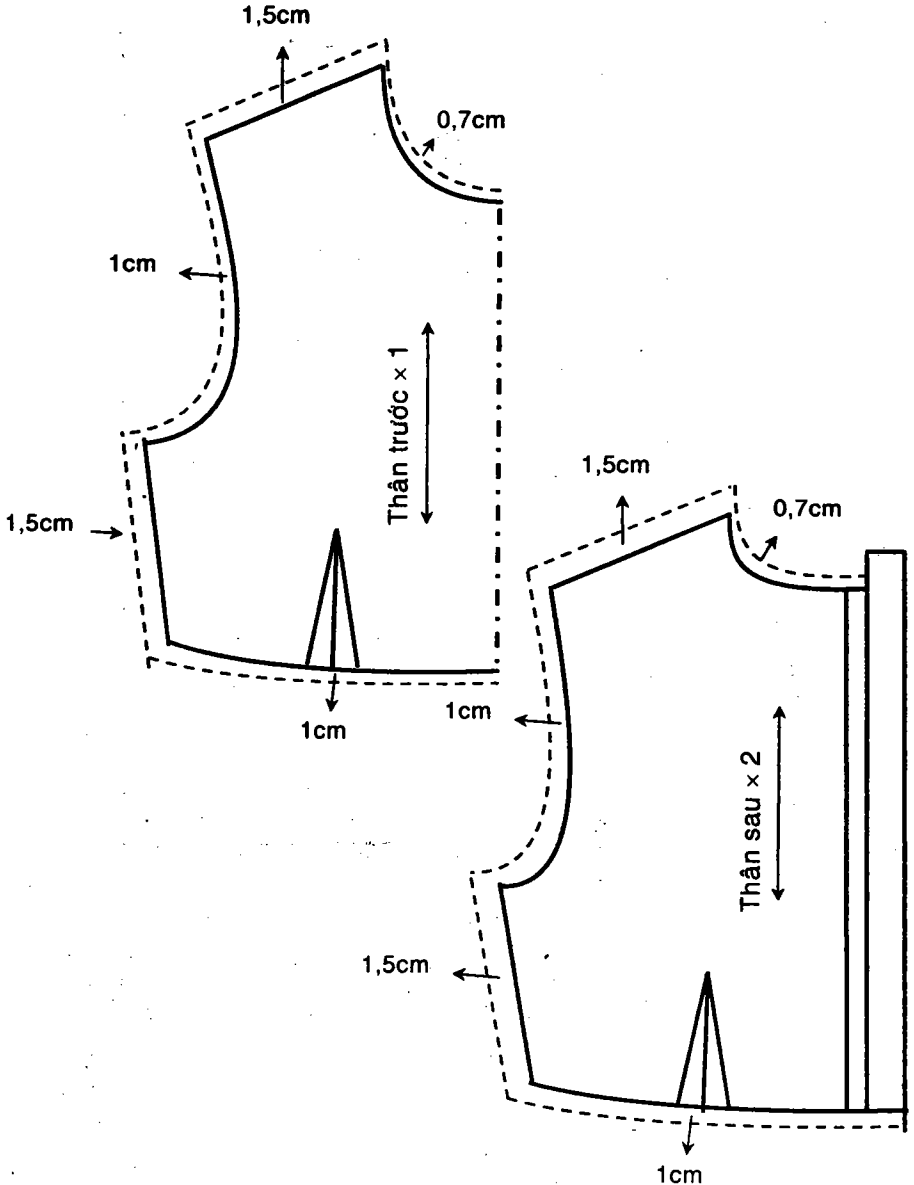
- Sườn áo, vai con gia đường may 1,5 cm
- Lai áo gia đường may 2 cm
- Nách áo gia đường may 1 cm
- Vòng cổ gia đường may 0,7 cm

❖ **THÀNH PHẨM THÂN ÁO, THÂN VÁY**



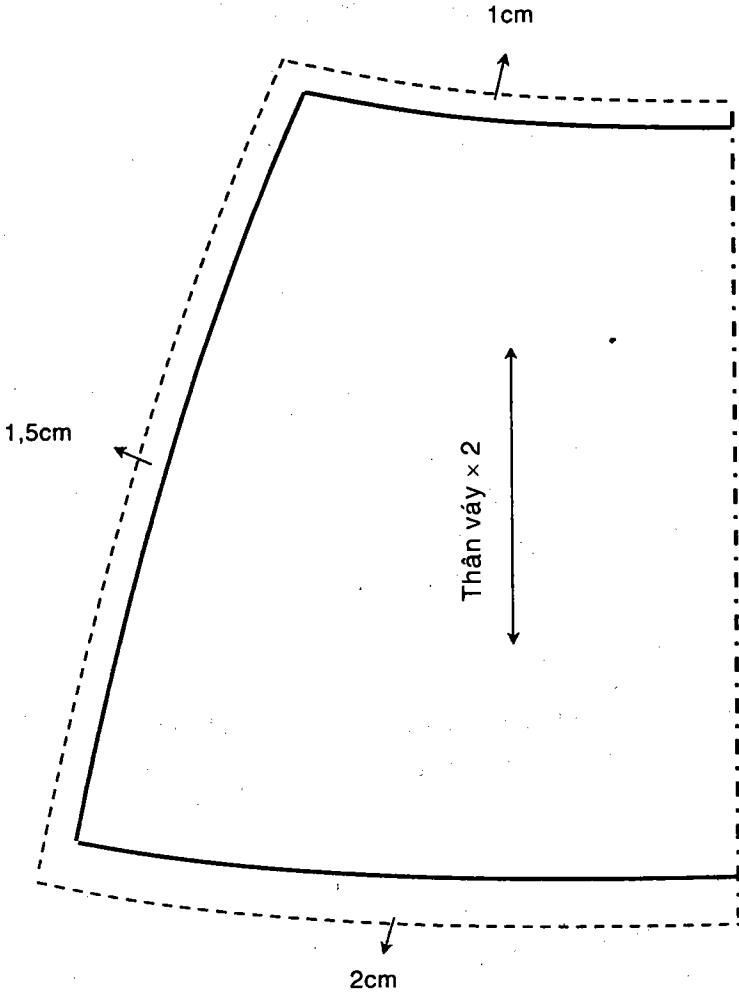


### ❖ BÁN THÀNH PHẨM THÂN TRƯỚC, THÂN VÁY





❖ **THÀNH PHẨM THÂN THÂN VÁY**



## PHỤ LỤC

### • Hệ thống cỡ tiêu chuẩn quần áo

1. Tiêu chuẩn này quy định hệ thống cỡ số tiêu chuẩn quần áo cho:

- Trẻ em sơ sinh và mẫu giáo
- Nữ tuổi học sinh.
- Nam tuổi học sinh.
- Nữ trưởng thành.
- Nam trưởng thành.

2. Hệ thống cỡ số tiêu chuẩn quần áo được quy định trong các bảng 1— 5

Trong cùng một chiều cao nếu có nhiều dạng người khác nhau thì sẽ được ký hiệu bằng các chữ A (gầy), B (trung bình) và C (béo).

3. Thông số kích thước để thiết kế quần áo quy định trong các phụ lục 1— 5.

### • Cỡ số tiêu chuẩn quần áo trẻ em sơ sinh mẫu giáo và các kích thước

## Kích thước, cm

Kí hiệu cỡ số	Chiều cao	Vòng ngực	Vòng bụng	Vòng mông
50	50 (48 - 53)	42 (40 - 43)	44	44
56	56 (54 - 59)	44 (42 - 45)	46	46
62	62 (60 - 65)	46 (44 - 47)	48	48
68	68 (66 - 71)	48 (46 - 49)	50	50
74	74 (72 - 77)	50 (48 - 51)	52	52
80	80 (78 - 83)	52 (50 - 53)	52	52
86	86 (84 - 89)	52 (50 - 53)	54	54
92	92 (90 - 95)	54 (52 - 55)	56	56
98	98 (96 - 101)	56 (54 - 57)	58	58
104	104 (102 - 107)	56 (54 - 57)	58	58

- **Cỡ số tiêu chuẩn quần áo nữ tuổi học sinh và các kích thước**

Kích thước, cm

Kí hiệu cỡ số	Chiều cao	Vòng ngực	Vòng bụng	Vòng mông
098 - 56 - 57	098 (96 - 101)	56 (54 - 57)	50 (48 - 51)	57 (55 - 58)
104 - 57 - 58	104 (102 - 107)	57 (55 - 58)	50 (48 - 51)	58 (56 - 59)
110 - 58 - 60	110 (108 - 113)	58 (56 - 59)	52 (50 - 53)	60 (58 - 61)
116 - 60 - 62	116 (114 - 119)	60 (58 - 61)	54 (52 - 55)	62 (60 - 63)
122 - 62 - 64	122 (120 - 128)	62 (60 - 63)	55 (53 - 56)	64 (62 - 65)
128 - 64 - 67	128 (126 - 131)	64 (63 - 65)	57 (55 - 58)	67 (65 - 68)
134 - 68 - 72	134 (132 - 137)	68 (66 - 69)	59 (57 - 60)	72 (70 - 73)
140 - 72 - 74	140 (138 - 143)	72 (70 - 73)	61 (59 - 62)	74 (72 - 75)
146 - 74 - 74A	146 (144 - 149)	74 (72 - 75)	61 (59 - 62)	74 (72 - 75)

Kí hiệu cỡ số	Chiều cao	Vòng ngực	Vòng bụng	Vòng mông
146 – 76 – 80B	146 (144 – 149)	76 (74 – 77)	62 (60 – 63)	80 (78 – 81)
152 – 78 – 80A	152 (150 – 155)	78 (76 – 79)	62 (60 – 63)	80 (78 – 81)
152 – 80 – 82B	152 (150 – 155)	80 (78 – 81)	63 (61 – 64)	82 (80 – 83)
158 – 82 – 86A	158 (156 – 161)	82 (80 – 83)	65 (63 – 66)	86 (84 – 87)
158 – 84 – 87B	158 (156 – 161)	84 (82 – 85)	65 (63 – 66)	87 (85 – 88)
164 – 86 – 89A	164 (162 – 167)	86 (84 – 87)	67 (65 – 68)	89 (87 – 90)
164 – 88 – 91B	164 (162 – 167)	88 (86 – 89)	68 (67 – 70)	91 (89 – 92)

Chú thích: - Kí hiệu cỡ số (cột 1) gồm ba nhóm số biểu thị cho các số đo sau:

· Ba số đầu : Chiều cao cơ thể;

Hai số giữa : Vòng ngực ;

Hai số cuối : Vòng mông;

**Cỡ số tiêu chuẩn quần áo nữ tuổi học sinh và các kích thước**

Kích thước, cm

<b>Kí hiệu cỡ số</b>	<b>Chiều cao</b>	<b>Vòng ngực</b>	<b>Vòng bụng</b>	<b>Vòng mông</b>
104 - 58 - 53	104 (102 - 107)	58 (56 - 59)	53 (52 - 55)	60 (58 - 61)
110 - 59 - 55	110 (106 - 113)	59 (58 - 61)	55 (53 - 56)	62 (60 - 63)
116 - 62 - 56	116 (114 - 119)	62 (60 - 63)	56 (54 - 57)	64 (62 - 65)
122 - 64 - 57	122 (120 - 125)	64 (62 - 65)	57 (55 - 58)	66 (64 - 67)
128 - 66 - 58	128 (126 - 131)	66 (64 - 67)	58 (56 - 59)	67 (65 - 68)
134 - 68 - 60	134 (132 - 137)	68 (66 - 69)	60 (58 - 61)	70 (68 - 71)
140 - 70 - 62	140 (138 - 143)	70 (68 - 71)	62 (60 - 63)	73 (71 - 74)
146 - 72 - 64	146 (144 - 149)	72 (70 - 73)	64 (62 - 65)	76 (74 - 77)

Kí hiệu cỡ số	Chiều cao	Vòng ngực	Vòng bụng	Vòng mông
152 - 74 - 66	152 (150 - 155)	74 (72 - 75)	66 (64 - 67)	79 (77 - 80)
158 - 76 - 68	158 (156 - 161)	76 (75 - 78)	68 (66 - 69)	82 (80 - 83)
164-80 - 72A	164 (162 - 167)	80 (78 - 81)	72 (70- 73)	84 (82 - 85)
164 - 83 - 74B	164 (162 - 167)	83 (82 - 85)	74 (72 - 75)	86 (84 - 87)
170 - 85 - 74A	170(168 - 173)	85 (83 - 86)	74 (72 - 75)	88 (86 - 89)
170 - 87 - 76B	170 (168 - 173)	87 (85 - 88)	78 (74 - 77)	90 (88 - 91)

Chú thích: - Kí hiệu cỡ số (cột 1) gồm ba nhóm số biểu thị cho các số đo sau:

Ba số đầu : Chiều cao cơ thể;

Hai số giữa : Vòng ngực ;

Hai số cuối : Vòng bụng;

• Cơ sở tiêu chuẩn quần áo nữ trưởng thành và các kích thước

Kích thước, cm

Kí hiệu cỡ số	Chiều cao	Vòng ngực	Vòng bụng	Vòng mông
146 _____A 76 – 80	146 (144 – 149)	76 (74 – 77)	63 (62 – 65)	80 (78 – 82)
146 _____B 80 – 82	146 (144 – 149)	80 (78 – 82)	65 (63 – 66)	82 (80 – 83)
152 _____A 82 – 84	152 (150 – 155)	82 (80 – 83)	67 (65 – 68)	84 (82 – 85)
152 _____B 84 – 86	152 (150 – 155)	84 (82 – 85)	68 (66 – 69)	86 (84 – 87)



Kí hiệu cỡ số	Chiều cao	Vòng ngực	Vòng bụng	Vòng mông
152 _____C 88 - 90	152 (150 - 155)	88 (86 - 89)	69 (67 - 70)	90 (88 - 91)
158 _____A 84 - 88	158 (156 - 161)	84 (82 - 85)	67 (65 - 68)	88 (86 - 89)
158 _____B 86 - 90	158 (156 - 161)	86 (84 - 87)	69 (67 - 70)	90 (88 - 91)
158 _____C 86 - 92	158 (156 - 161)	88 (86 - 89)	72 (70 - 73)	92 (90 - 93)

Kí hiệu cỡ số	Chiều cao	Vòng ngực	Vòng bụng	Vòng mông
164 _____A 88 - 92	164 (162 - 167)	88 (86 - 89)	72 (70 - 73)	92 (90 - 93)
164 _____B 90 - 94	164 (162 - 167)	90 (88 - 91)	74 (72 - 75)	94 (92 - 95)

Chú thích: - Kí hiệu cỡ số gồm các nhóm số biểu thị các số đo sau:

- Số trên gạch ngang

: Chiều cao cơ thể

- Số dưới gạch ngang

: Hai số đầu : vòng ngực

Hai số cuối

: vòng mông

. Cỡ số tiêu chuẩn quần áo nam trưởng thành và các kích thước

Kích thước, cm

Kí hiệu cỡ số	Chiều cao	Vòng ngực	Vòng bụng	Vòng mông
152	152 (150 – 155)	76 (74 – 77)	66 (64 – 67)	82 (80 – 85)
76 – 66				
158	158 (156 – 161)	78 (76 – 79)	66 (64 – 67)	84 (82 – 85)
78 – 66				
158	158 (156 – 161)	82 (80 – 83)	70 (68 – 71)	86 (84 – 87)
82 – 70				
152	158 (156 – 161)	84 (82 – 85)	76 (71 – 77)	88 (86 – 89)
84 – 76				

Kí hiệu cỡ số	Chiều cao	Vòng ngực	Vòng bụng	Vòng mông
164 _____A 84 - 70	164 (163 - 167)	84 (82 - 85)	70 (68 - 71)	86 (84 - 87)
164 _____B 86 - 74	164 (162 - 167)	86 (84 - 87)	74 (72 - 75)	88 (85 - 89)
164 _____C 88 - 78	164 (162 - 167)	88 (86 - 89)	78 (76 - 79)	90 (88 - 91)
170 _____A 84 - 72	170 (168 - 173)	84 (82 - 85)	72 (70 - 73)	88 (86 - 89)
170 _____B 90 - 80	170 (168 - 173)	88 (86 - 89)	76 (74 - 77)	90 (88 - 91)

Kí hiệu cỡ số	Chiều cao	Vòng ngực	Vòng bụng	Vòng mông
170 _____C 90 - 80	170 (168 - 173)	90 (86 - 91)	80 (78 - 81)	92 (90 - 93)
176 _____A 92 - 82	176 (174 - 179)	92 (90 - 93)	82 (80 - 83)	94 (92 - 95)
176 _____B 94 - 84	176 (174 - 179)	94 (92 - 95)	84 (82 - 85)	96 (94 - 97)

Chú thích: - Ký hiệu cỡ số gồm các nhóm số biểu thị các số đo sau:

- Số trên gạch ngang : Chiều cao cơ thể
- Số dưới gạch ngang : Hai số đầu : vòng ngực  
Hai số cuối : vòng bụng

**. Thông số kích thước cơ bản để thiết kế quần áo trẻ em sơ sinh và mẫu giáo**

Tên và vị trí chỗ đo	KÝ HIỆU CỖ SỐ									
	50	56	62	68	74	80	86	92	98	104
1. Chiều Cao Từ C7 Đến Mặt Đất.	38	43	48	53	58	65	72	79	85	90
2. Chiều Cao Từ Vòng Bụng Đến Mặt Đất	24	28	32	36	40	44	48	52	57	62
3. Dài Tay	18	20	21	23	25	27	29	31	33	35
4. Rộng Vai	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
5. Vòng Cổ	23	23	24	24	24	25	25	26	27	27
6. Vòng Ngực	42	44	46	48	50	52	52	54	56	56
7. Vòng Bụng	44	46	48	50	52	52	54	56	58	58
8. Vòng mông	44	46	48	50	52	52	54	56	58	58

**. Thông số kích thước cơ bản để thiết kế quần áo nữ tuổi học sinh**

Tên và vị trí chỗ đo	KỶ HIỆU CƠ SỞ											
	098 -56 -57	104 -57 -58	110 -58 -60	116 -60 -62	122 -62 -64	128 -64 -67	134 -68 -72	140 -72 -74	146 -74 -76	152 -78 -80	158 -82 -86	164 -86 -88
1. Chiều cao từ C7 đến mặt đất.	85	90	93	96	101	107	113	118	124	129	134	140
2. Chiều cao từ vòng bụng đến mặt đất	57	62	64	68	72	77	81	85	89	93	97	100
3. Chiều cao từ C7 đến eo	25	26	27	28	29	30	32	33	35	37	38	40
4. Dài tay	33	35	36	37	39	41	43	45,5	48	50	52	55
5. Dài đùi	26	28	30	33	35	37	39	41	43	44	45	46
6. Rộng vai	27	28	28	29	30	31	33	35	37	38	39	42
7. Vòng cổ	27	27	27	28	29	30	31	32	33	34	35	37
8. Vòng bắp tay	14	15	16	17	18	19	20	21	24	25	26	27
9. Vòng ngực	56	57	58	60	62	64	68	72	74	78	84	88
10. Vòng bụng	50	50	52	54	55	57	59	61	62	63	65	68
11. Vòng mông	57	58	60	62	64	67	72	74	80	82	87	91

• Thông số kích thước cơ bản để thiết kế quần áo nam tuổi học sinh

Tên và vị trí chỗ đo	KỶ HIỆU CƠ SỐ													
	104 -58 -53	110 -59 -55	116 -62 -56	122 -64 -57	128 -66 -58	134 -68 -60	134 -70 -62	140 -72 -64	146 -74 -66	152 -76 -68	158 -78 -70	164 -80 -72	164 -83 -75	170 -85 -78
1. Chiều cao từ C7 đến mặt đất.	90	93	96	101	107	112	118	124	129	134	140	140	145	145
2. Chiều cao từ vòng bụng đến mặt đất	62	64	68	72	77	81	85	89	93	97	101	101	103	103
3. Chiều cao từ C7 đến eo	26	27	29	30	31	32	34	36	37	39	40	40	44	44
4. Dài tay	35	36	37	39	41	43,5	46	48	50	52	55	55	57	57
5. Dài đùi	29	31	32	34	36	38	40	42	44	46	48	48	50	50
6. Rộng vai	28	29	30	31	32	33	34	36	38	39	41	41	42	42
7. Vòng cổ	27	28	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	35	39
8. Vòng bắp tay	15	16	17	17	18	20	21	23	24	24	25	25	26	26
9. Vòng ngực	58	59	62	64	66	68	70	72	72	76	80	83	85	87
10. Vòng bụng	53	55	56	57	58	60	62	64	66	68	72	74	74	76
11. Vòng mông	60	62	64	66	67	70	73	76	79	82	84	86	88	90



• Thông số kích thước cơ bản để thiết kế quần áo nữ trưởng thành

Tên và vị trí chỗ đo	KỶ HIỆU CƠ SỞ									
	146 ---A 76-80	146 ---B 80-82	152 ---A 82-84	152 ---B 84-86	152 ---C 88-90	158 ---A 84-88	158 ---B 86-90	158 ---C 88-92	164 ---A 88-92	164 ---B 90-94
1. Chiều cao từ C7 đến mắt đất.	123	123	129	129	129	135	135	125	141	141
2. Chiều cao từ vòng bụng đến mắt đất	88	88	92	92	92	96	96	96	100	100
3. Chiều cao từ C7 đến eo	37	37	39	39	39	40	40	40	41	41
4. Dài tay	48	48	50	50	50	52	52	52	54	54
5. Dài đùi	43	43	44	44	44	45	45	45	47	47
6. Rộng vai	38	38	38	39	39	38	29	40	40	41
7. Vòng cổ	32	32	33	33	34	34	35	35	37	38
8. Vòng bắp tay	23	23	24	24	25	24	25	26	27	28
9. Vòng ngực	76	80	82	84	88	84	86	88	88	90
10. Vòng bụng	63	65	67	68	69	67	69	72	72	74
11. Vòng mông	80	82	84	86	90	88	90	92	92	94

• Thông số kích thước cơ bản để thiết kế quần áo nam trưởng thành

Tên và vị trí chỗ đo	KÝ HIỆU CƠ SỐ											
	152 ---A 76-66	158 ---A 78-66	158 ---B 82-70	158 ---C 84-76	164 ---A 84-70	164 ---B 86-74	164 ---C 88-78	170 ---A 84-72	170 ---B 88-76	170 ---C 90-80	176 ---A 92-82	176 ---B 94-84
1. Chiều cao từ C7 đến mắt đất.	129	134	134	134	140	140	140	146	146	146	152	152
2. Chiều cao từ vòng bụng đến mắt đất	90	94	94	94	98	98	98	103	103	103	107	107
3. Chiều cao từ C7 đến eo	40	41	41	41	42	42	42	43	43	43	44	44
4. Dài tay	52	53	53	53	55	55	55	57	57	57	60	60
5. Dài đùi	44	45	45	45	47	47	47	49	49	49	51	51
6. Rộng vai	40	41	42	43	42	43	43	42.5	43.5	41	44	45
7. Vòng cổ	35	35	36	37	38	39	39	39	40	41	41	42
8. Vòng bắp tay	24	24	25	25	25	26	26	25	26	27	28	29
9. Vòng ngực	76	78	82	84	84	86	88	84	88	90	92	94
10. Vòng bụng	66	66	70	76	68	72	78	72	76	80	82	84
11. Vòng mông	82	84	86	88	86	88	90	88	90	92	94	96

## CÁC BẢNG ĐO TIÊU CHUẨN

### BẢNG ĐO TIÊU CHUẨN TRÊN CƠ THỂ PHỤ NỮ MỸ

SỐ ĐO CƠ THỂ	BẢNG ĐO TIÊU CHUẨN (Đơn vị tính bằng cm)						
	6	8	10	12	14	16	18
1. Ngực	83.82	86.36	89.53	93.34	97.2	101	105
2. Eo	60.96	63.5	66	70	74	77.5	81
3. Bụng	80	82.5	85.1	89	93	96.5	100
4. Mông	87.6	90	93	96.5	100	104	108
<b>THÂN TRÊN</b>							
5. Chiều dài tâm							
Trước	34.6	36.5	37.5	38	39.4	40.3	41.3
Sau	39	40	41	41.9	42.9	43.8	44.8
6. Chiều dài đủ							
Trước	41.9	42.9	43.8	44.7	45.7	46	47.6
Sau	41.6	42.5	43.5	44.5	45.4	46.4	47.3
7. Đường nghiêng vai							
Trước	41.6	42.5	43.2	44	45	46	47
Sau	41	41.9	42.9	43.8	44.8	45.7	46.6
8. Quai							
Trước	24.4	25	25.7	26.7	27.6	28.6	29.5
Sau	26.3	27	27.6	28.6	29.5	30.5	31.4

9. Độ sâu của ngực	22.9	23	23.5	23.8	24	24.4	24.8
Bán kính	7.3	7.6	7.6	7.6	7.9	8.3	8.6
10. Khoảng cách giữa hai đầu ngực	8.6	8.9	9.2	9.5	9.8	10.2	10.5
11. Chiều dài sườn	19	19.7	20.3	21	21.6	22.2	22.9
12. Cổ sâu	7.3	7.5	7.6	7.8	7.9	8.1	15.9
13. Chiều dài vai	12.4	12.5	12.7	13	13.3	13.6	14
14. Ngang vai							
Trước	17.6	18	18.1	19	18.9	20	20.5
Sau	18	18.7	19.2	19.7	20.1	23.2	23.6
15. Ngang ngực	15.2	15.6	15.9	16.2	16.5	16.8	17
16. Ngang thân sau	17.5	17.8	18.1	18.4	18.7	19	19.4
17. Vòng ngực	22	22.5	23.2	24	25	26.4	27.6
18. Vòng thân sau	20.3	21	21.6	22.5	23.2	24.8	26
19. Vòng eo							
Trước	15.2	16.2	17	18.1	19	20.3	21.6
Sau	14	15	15.9	16.8	17.8	19	20.3
20. Đặt các nếp gấp (pen)	6.4	6.7	7	7.3	7.6	7.9	8.3
<b>THÂN DƯỚI</b>							
21. Vòng bụng							
Trước	19.7	20.6	21.6	22.5	23.2	24.4	25.4

Sau	19	20	21	22.5	22.9	23.8	24.2
22. Vòng mũm							
Trước	21.3	21.9	22.5	23.5	24.4	25.7	27
Sau	22.5	23.2	23.8	24.8	25.7	27	28.3
23. Hạ đáy	25.4	26	26.7	27.3	28	28.6	29.2
24. Chiều sâu mũm							
Giữa trước	21	21.6	22.5	22.9	23.2	24	24.8
Giữa sau	20.3	21	21.6	22.5	22.9	23.5	24.1
Chiều sâu mũm	21.3	21.9	22.5	23.2	23.8	24.4	25
25. Độ sâu của sườn hông	20.3	21	21.6	22.5	22.9	23.5	24.1
26. Từ eo đến mắt cá	98.4	99.4	100.3	101.3	102.2	103.2	104.1
Từ eo đến sàn	103.5	104.4	105.4	104.4	107.3	108.3	109.2
Từ eo đến đầu gối	59.7	60.3	60.6	61	61.3	61.6	61.7
27. Dài đáy	61.6	63.5	65.4	67.3	69.2	71.1	73
28. Đùi trên	43.8	47	50.2	53.3	56.5	59.7	62.9
Đùi giữa	40.6	43.2	45.7	48.3	50.8	53.3	55.9
29. Đầu gối	31.8	33	34.3	35.6	36.8	38.1	39.4
30. Bắp chân	29.8	31	32.4	33.7	35	36.2	37.5
31. Mắt cá	23.5	24.1	24.8	25.4	26	26.7	27.3
Chiều dài tay áo	55.9	56.5	57.2	57.8	58.4	59	59.7
Hạ nách	14.3	14.6	14.9	15.2	15.6	15.9	16.2
Ngang nách	32	32.7	33.3	34.3	35.2	36.5	37.8

## BẢNG ĐO TIÊU CHUẨN TRÊN CƠ THỂ PHỤ NỮ VIỆT NAM

SỐ ĐO CƠ THỂ (Phụ nữ chưa sinh con) PN-VN	BẢNG ĐO CƠ THỂ (Đơn vị tính bằng cm)			
	4	6	8	10
1. Ngực	76	80	84	88
2. Eo	56	60	64	68
3. Bụng	74	78	82	86
4. Mông	84	88	92	94
<b>THÂN TRÊN (Upper Torso)</b>				
5. Chiều dài tâm (Center Length)				
Trước (Front)		36		
Sau (Back)		37.5		
6. Chiều dài đủ (Full Length)				
Trước (Front)	39.5	40	40.3	40.7
Sau (Back)	39	39.5	40	40.3
7. Đường nghiêng vai (Shoulder Slope)				
Trước (Front)	39	39.5	40	41.6
Sau (Back)	38	39	39.5	40
8. Quai (Strap)				
Trước (Front)	23.5	24	24.6	25.2
Sau (Back)	25.4	25	26.7	27.2
9. Độ sâu Ngực (Bust Depth)	21	21	21.5	22
Bán kính (Bust Radius)	7	7	7.5	7.5
10. Khoảng cách hai đầu ngực (Bust Span)	7.5	8.5	8.5	9

11. Chiều dài sườn (Side Length)		17.5		
12. Cổ sau (Back Neck)	7	7.2	7.4	7.6
13. Chiều dài vai (Shoulder length)	12	12	12.5	12.7
14. Ngang vai (Across shoulder)				
Trước (Front)	17	17.5	18	18.5
Sau (Back)	17.5	18	18.5	19
15. Ngang ngực (Across chest)	14.5	15	15.5	16
16. Ngang thân sau (Across back)	16	16.5	17	17.5
17. Vòng ngực (Bust Arc)	19.7	21		
18. Vòng thân sau (Back Arc)	17.6	19		
19. Vòng eo (Vairt Arc)				
Trước (Front)	14.5	15.5	16.5	17.6
Sau (Back)	13.5	14.5	15.5	16.4
20. Đặt nếp gấp pen	6.5	7	7	7.5

## GIẢI NGHĨA VỀ CÁCH LÀM MÃ SỐ (Style N<sup>o</sup>)

- Vị trí con số thứ nhất thể hiện cho năm hiện tại.
- Vị trí con số thứ hai thể hiện cho các loại y phục.

### **Thí dụ:**

Y phục từ chân cổ đến eo .....5 (Áo kiểu).

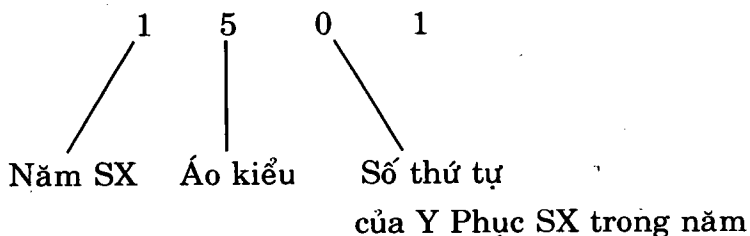
Y phục từ chân cổ đến đầu gối .....6 (Đầm).

Y phục từ bụng đến gối.....7 (Váy).

Y phục từ bụng đến chân .....8 (Quần).

- Vị trí con số thứ ba và thứ tư thể hiện số thứ tự được sản xuất trong năm.

### **Thí dụ:**



Bạn có thể cộng thêm mã số của vải trên mẫu

### **Thí dụ:**

1      5      0      1 / 15

Mã số mẫu vải



## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Triệu Thị Chơi – Kỹ thuật cắt may toàn tập – NXB Mỹ Thuật – 2001
2. Trần thị hường – Kỹ thuật thiết kế trang phục – NXB Đại Học Quốc Gia TP. Hồ Chí Minh - 2003
3. Trần Thị Hường – Tạo mẫu trang phục nữ – Bộ Môn Công Nghệ Dệt May – Đại Học Kỹ Thuật TP. Hồ Chí Minh
4. Phạm Hòa – Giáo trình thiết kế mẫu – Trường Melbourne Institute of Textile – Australia – 1997
5. Giáo trình Thiết Kế Trang Phục – Trường Cao Đẳng Kinh Tế - Kỹ Thuật Công Nghiệp I
6. Giáo trình Kỹ Thuật Thiết Kế Trang Phục - Trường Đại Học Sư Phạm Kỹ Thuật TP. Hồ Chí Minh
7. ALLYNE – FLAT PATTENRN DESIGN
8. ESMOD – Pattern making manual – Womens Garments
9. HELEN JOSEPH ARMSTRONG – Pattern making for Fashion Publisher – 1995
10. ZESHU TAKAMURA – The use of Markers in Fashion Illustrations
11. Pauline GAN SIEW Eng – The Complete guide to Fashion Design – Publisher Yen Yi Dress making School - 1995

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Lời nói đầu .....	3
<b>Chương 1: NGUYÊN LÝ THIẾT KẾ TRANG PHỤC .....</b>	<b>5</b>
Bài 1.1: Khái niệm chung về trang phục .....	5
Bài 1.2: Kích thước, hình dáng và kết cấu của trang phục .....	11
Bài 1.3: Mối liên hệ giữa số đo của cơ thể và kích thước của trang phục .....	18
Bài 1.4: Vị trí và phương pháp đo .....	22
<b>Chương 2: PHƯƠNG PHÁP THIẾT KẾ CÁC LOẠI QUẦN ĐƠN GIẢN .....</b>	<b>51</b>
Bài 2.1: Thiết kế quần đùi thường .....	51
Bài 2.2: Thiết kế quần thể thao 2 mảnh .....	55
Bài 2.3: Thiết kế quần thể thao 4 mảnh .....	59
Bài 2.4: Thiết kế quần bà ba .....	65
<b>Chương 3: PHƯƠNG PHÁP THIẾT KẾ ĐỒ BỘ NỮ .....</b>	<b>69</b>
Bài 3.1: Thiết kế quần đồ bộ nữ .....	69
Bài 3.2: Thiết kế quần tây giả .....	75
Bài 3.3: Thiết kế áo nữ căn bản .....	85
Bài 3.4: Phương pháp thiết kế các dạng cổ áo .....	96
Bài 3.5: Phương pháp thiết kế các dạng bầu áo ....	102

---

Bài 3.6: Phương pháp thiết kế các dạng tay áo .....	120
Bài 3.7: Thiết kế đồ Pyjama .....	135
<b>Chương 4: THIẾT KẾ TRANG PHỤC TRẺ EM .....</b>	<b>151</b>
Bài 4.1: Thiết kế áo sơmi bé trai.....	151
Bài 4.2: Thiết kế áo sơmi bé gái.....	168
Bài 4.3: Thiết kế áo đầm bé gái (đầm liền).....	183
Bài 4.4: Thiết kế áo đầm bé gái (đầm rời) .....	192
Phụ lục .....	202
Tài liệu tham khảo .....	225

**GIÁO TRÌNH MÔN HỌC**  
**THIẾT KẾ TRANG PHỤC I**

---

**TS. VÕ PHƯỚC TẤN** *hiệu đính*  
**KS. PHẠM NHẤT CHI MAI**

*Chịu trách nhiệm xuất bản*  
**CÁT VĂN THÀNH**

*Chịu trách nhiệm bản thảo*  
**TS. VÕ PHƯỚC TẤN**  
**KS. PHẠM NHẤT CHI MAI**

*Sửa bản in*  
**MINH ANH - XUÂN PHÚC**

*Trình bày mỹ thuật*  
**ĐÀM THÚY NGÂN**

*Thiết kế*  
**HOÀNG LỘC**